N° 68 Février 1923

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

BÀN VỀ DANH-DỰ[1]

II

Cái quan-niệm về danh-dự trong tứ-dân nước ta thế nào?

Kỳ trước đã phân-biệt cái danh-dự giả với danh-dự thật khác nhau thế nào, và nói rằng ngày nay muốn cải-lương xã-hội Việt-Nam phải cải-chính cái nghĩa danh-dự, phải đề-xướng đạo Danh-dự, mà đạo ấy tuy suy-diễn ra vô-cùng nhưng gồm lại chỉ có một cái tôn-chỉ như sau này : là ăn-ở thế nào cho không thẹn với mình, không xấu với người. Nay thử xét cái tôn-chỉ ấy ứng-dụng ra thực-sự thế nào.

Theo cái đẳng-cấp trong xã-hội ta từ xưa đến nay thì chia ra bốn hạng người : sĩ, nông, công, thương, bốn chữ đó hiểu ra nghĩa rộng thì gồm được hết các nhân-dẳng trong nước ta. Nay xét cái quan-niệm về danh-dự của mỗi hạng đó thế nào.

Trước nói về bậc sĩ. Sĩ là người học-hành làm quan, nói rộng ra là gồm những người theo về nghiệp học hay là làm những nghề-nghiệp cần phải có học-thức, như tiếng tây gọi là « các nghiệp tự-do » (*les carrières libérales*) và xưng tổng-danh là bậc « thức-giả-xã-hội » (*les classes intellectuelles*). Thức-giả-xã-hội là gồm những người có học có biết, biết bởi sự học. Học đây là học tổng-quát, không phải học chuyên-môn. Vì ngày nay làm nghề gì là không cần phải học, nhưng chỉ học chuyên về một nghề mà không học cho có cái tri-thức phổ-thông, học cho có cái thông-tài, thời sự học đó là sự học của nhà nghề, không phải sự học của kẻ sĩ. Nói tóm lại thời kẻ sĩ trong một nước là người hiểu nghĩa-lý, biết thời-thế ; kẻ sĩ trong một nước là người hướng-đạo cho quốc-dân, cầm cân nẩy mực cho cả nước ; kẻ sĩ trong một nước là kẻ thượng-lưu tri-thức trong nước. Làm người thượng-lưu tri-thức trong một nước tất phải có lòng hoài-bão to, cái chí-khí lớn, vì vận-mệnh quốc-gia là tựa vào mình cả. Nước ví như thân-thể người, thời bậc sĩ trong nước là cái óc và các bậc khác là tứ-chi ngũ-tạng vậy. Óc cần phải sáng-suốt, biết trông xa xét rộng, thời mới đủ chi-phối cho toàn-thể. Kẻ sĩ trong một nước cũng cần phải lập chí cao, để làm gương cho quốc-dân. Truyện cổ Hi-lạp có truyện người võ-sĩ cầm bó đuốc giơ cao chạy trước để soi đường cho kẻ đi sau. Cái nhiệm-vụ của sĩ-phu trong nước cũng tức như thế. Nhưng muốn soi sáng cho cả quốc-dân thời ngọn đuốc quang-minh phải giơ cao giỏng-giả, nghĩa là kẻ sĩ-phu phải để cái-chí mình ở nơi cao-xa mới đủ làm tiêu-biểu cho cả nước. Vậy thời cái quan-niệm về danh-dự của kẻ sĩ-phu phải khác người thường. Nay sĩ-phu nước ta lấy danh-dự là thế nào ? Xin nói trước một câu là cái chí của sĩ-phu mình thấp lắm ; nên cái danh-dự cũng tầm thường. Nói về kẻ đi học ư ? Xưa kia, hồi hán-học còn thịnh, phần nhiều

(1) Xem bài thứ nhất ở kỳ trước, N.-P. số 67.

người chỉ trì-trục về đường cử nghiệp, học là để thi đỗ làm quan mà thôi ; nhưng thẳng-hoặc cũng có người có cái chí cao hơn, học là để trở nên người thông-nho, người bác-nhã-quân-tử, học là để đạt tới cái mục-đích « sửa mình, tề nhà, trị nước ». Tuy số người cao-mại ấy thật ít và phần nhiều người đi học chẳng qua là một lũ « khổ-sai của khoa-cử » mà thôi, kiệt tinh-lực để học cho thi đỗ, — vì cái danh-dự độc-nhất ở đời là được có tên trên khoa-bảng, — thi đỗ rồi chỉ mau mau muốn giam mình vào trong cái chế-độ quan-liêu, không thiết gì đến sự học nữa, tuy vậy, nhưng trong học-giới đời xưa cũng không đến nỗi vắng-vẻ tối-tăm hẳn và thời-hồ cũng có người biết gióng-giả giơ cao ngọn đuốc văn-hóa để soi sáng cho kẻ đến sau. Kịp đến khi hán-học suy-đồi, tây học dấy lên, tưởng rằng nhờ văn-minh học-thuật Thái-Tây mà học-giới nước ta biến ra một cái tân-diện-mục, ai ngờ trong ba bốn mươi năm nay cái cảnh tiêu-điều diêu-lạc lại càng thậm hơn trước. Trường học có mỗi ngày một mở, học trò có mỗi ngày một nhiều thật, nhưng thử đem từng người ra mà hỏi đi học để làm gì thời trăm nghìn người không được một người có cái chí học để bổ trí sửa mình, phù đời giúp nước. Hầu hết chỉ là học cho thông ít tiếng tây để làm ông thông ông phán, học để kiếm ăn, học để « kiếm gạo » mà thôi ! Vẫn biết rằng sự sinh-nhai là sự trọng, nhưng nếu cho cái cứu-cánh-mục-đích của sự học là ở cả kế sinh-nhai thời thật cũng thấp-hèn quá. Chẳng thế sao trong khoảng bốn-mươi năm nay kể biết mấy mươi vạn người nước ta theo học Tây, mà thử tính đốt ngón tay, trong Nam ngoài Bắc đã được mấy người là người lỗi-lạc ? Chẳng qua đến ông Trương Vĩnh-Ký là cùng tột. Mà chính ông Trương Vĩnh-Ký đã làm nên sự-nghiệp gì ? Ông là một người học tiếng giỏi, biết nhiều thứ tiếng, có cái biệt-tài về khoa bác-ngữ, nhưng chẳng qua cũng là một bậc « thượng-đẳng » trong phái « thông-ngôn » mà thôi, tôn lên lắm thời cho là « thượng-đẳng tối-linh », chứ hà-tằng đã có công-nghiệp gì bổ-ích cho thời-thế ? đã phát-khởi ra cái tư-tưởng gì, đề-xướng lên cái chủ-nghĩa gì đủ chấn-hưng cho xã-hội, bồ-dưỡng cho quốc-hồn giữa cái buổi quá-độ-thời-đại này ? Tuyệt - nhiên không. Thế mà cầu cho được hai ông Trương Vĩnh-Ký cũng không có. Đủ biết cái trình-độ, cái tư-cách của phái tây-học ở nước ta kém hèn thật.

Bởi sao mà đến nỗi kém hèn như thế ?

Bởi lập-chí thấp và quan-niệm về sự danh-dự sai.

Nước mình đương đóng cửa ngồi xó không hề giao-tiếp với thế-giới ở ngoài, bỗng có nước ngoài đến can-thiệp, nước ấy lại thế lớn sức mạnh, dần dần chinh-phục chiếm - cứ mà nghiễm-nhiên làm chủ-nhân-ông trong đất nước mình. Bấy giờ quốc - dân còn tê-mê điên-đảo, biết đối-phó ra thế nào, thời đã có một bọn mau chân nhẹ miệng ra phụng-sự Chính-phủ mới. Bọn này học được tiếng tây trước nhất, ra làm việc cho quan Tây. Làm được đắc-dụng, trở nên phú-qui. Bấy giờ mỗi ngày một nhiều người theo, ai theo cũng thấy được lợi, không khó nhọc gì, chỉ học lấy ít nhiều câu ứng-đối, thế là đủ kiếm tiền, không những thế, nhiều khi lại được danh-giá nữa. Mấy ông thông-ngôn hồi đầu ấy, tức là bậc tiền-bối của phái tây-học ta đó ; tức là các ông « tiên-nho » « tiên-hiền » của bọn ta đấy ! Ôi ! tiên-hiền với tiền-bối như thế, trách nào bọn hậu-tiến đồi-đường ủy-mị như bây giờ ! Cái chí các ông đã thấp, sự học của các ông lại hẹp ; tây - học trăm khoa nghìn quyển, nghĩa-lý uyên-thâm, các ông

không thèm xét đến, chỉ học lấy mấy câu nói chuyện thường cũng đủ thừa dùng rồi. Tây-học đáng lẽ là một kế cứu-quốc, vào các ông thành ra một kế kiếm ăn. Phương-thuật ấy các ông truyền cho người sau, đến con em bây giờ cũng vẫn không có chi khác nữa. Dẫu cái trình-độ học bây giờ có xảo cao hơn trước, — nghĩa là người học Tây bây giờ có lẽ biết nhiều câu tiếng tây hơn người trước, — nhưng cái tôn-chỉ học cũng vẫn thế không sai. Học không phải là để hiểu nghĩa-lý, học là để kiếm việc làm mà thôi, học đủ, — mà nhiều khi cũng vị-tất đã đủ, — để làm mướn cho ông Tây mà thôi.

Cái chỉ-hướng đã thấp hèn như thế, lại thêm một cái nguyên-nhân như sau này nữa, trực-tiếp quan-hệ với cái quan-niệm về danh-dự của phái tây-học ta. Cái nghiệp những nước phải đi học mướn viết nhờ, là người đi học với kẻ quốc-dân dần-dần cách-biệt nhau, thành ra nhất-diện kẻ quốc-dân không thể kiểm-điểm được sự học của người đi học, nhất-diện người đi học vì biết một thứ tiếng thứ chữ ngoài mà nhất-ban quốc-dân không ai hiểu, dễ tự-cao tự-đại, huyễn-diệu kẻ khác mà tự cho mình là thánh-thần. Gia-chi-dĩ, cái tiếng ngoài ấy lại là tiếng của một cường-quốc, mà cường-quốc ấy lại giữ chính-quyền ở trong tay, nhất là quyền tác-uy tác-phúc cho người ta, thành ra người nào biết thứ tiếng ấy, trực-tiếp được với người nước ấy, đối với kẻ không biết như có một cái đặc-quyền mà quốc-dân không thể không tôn-trọng, nhân đó lại thêm được cái đặc-vinh nữa. Ấy cái danh-dự của kẻ tây-học ở nước ta phần nhiều là như thế. Danh-dự là được biết một thứ tiếng, — bất-cứ biết ít biết nhiều, vì nhiều ít cũng không ai phán-đoán được, — mà nhất-ban quốc-dân không ai biết, rồi lợi-dụng sự biết ấy để huyễn-diệu kẻ không biết. Quốc-dân đối với người học chữ tây, không biết hay dở thế nào, chỉ thấy biết nói tiếng tây, được giao-tiếp với quan Tây, là tiện-thị đem lòng kính-sợ. Người học chữ tây thấy người trong nước có lòng kính-sợ như thế, cũng tự-hoặc mà tưởng mình đáng kính-sợ thật, và vì được làm việc gần quan Tây tưởng mình cũng được dự một phần trong cái quyền tác-oai tác-phúc của người ta. Hai bên cùng ngộ-nhận như thế, thành ra cái quan-niệm về danh-dự đảo-điên cả. Người học Tây thời lấy danh-dự là khéo chiều quan Tây để dễ nạt người mình ; kẻ quốc-dân cũng cho danh-dự là ở người được « làm việc Nhà nước » (nghĩa là làm việc cho Chính-phủ Bảo-hộ), gần với quan Tây, có quyền tác-oai tác-phúc được. Ôi ! cái thế-lực của các ông Thông ông Phán vào mươi mười-lăm năm về trước, thật là lộng-lẫy vô-cùng. Thời bấy giờ, tuyệt-phẩm vinh-hoa ở đời là được làm ông Phán nhất ở tòa Sứ một tỉnh to mà lại được quan Sứ yêu. Thôi thì sinh-mệnh tài-sản của người dân nhà quê, cho đến tiền-đồ danh-giá của các quan trong tỉnh, là ở trong tay mình cả ; thật là sung-sướng, thật là vẻ-vang ! Nội trần đời còn gì bằng ?

Tối rượu sâm-banh sáng sữa bò,

câu thơ của ông Tú Xương đó là cực-tả cái lạc-thú của các ngài.

Những ông mới bắt đầu đi học chữ Tây đã treo lên cái gương như thế, lấy đó làm cái mục-đích tối-cao của sự học, làm cái vinh-dự tuyệt-phẩm trong một đời, trách nào người đến sau không đua nhau mà bắt-chước. Thành ra trong bốn-mươi năm trời từ khi qui-quốc đặt bảo-hộ ở nước ta, bao nhiêu người học chữ tây là để « đi làm việc tây » hết cả, và cũng chỉ học đủ để « đi làm » được mà thôi. Hễ « đi làm » được rồi thời sách-vở bỏ xó, cả đời không

nhìn đến nữa, không học thêm nữa, vì cái chí bình-sinh đã thập phần thỏa-mãn rồi. Ôi! cái Pháp-học kia, hay biết dường nào, đẹp biết dường nào, rộng-rãi thâm-thúy biết dường nào, có cái sức mạnh dủ làm cho nhân-trí được mở-mang, quốc-gia được phú-cường, mà đem sang nước ta chỉ kết-quả được như thế, thật cũng tiếc thay!

Nói rút lại chỉ là bởi người đi học lập-chí thấp quá, và hiểu cái nghĩa danh-dự hẹp quá. Nay người trước đã lầm, người sau phải rõ.

Người đi học, — mà học bây giờ là học Tây, không còn học gì nữa, vì dầu sau này có ngày được dùng quốc-văn làm tiếng học, song phép học cũng không ngoài phép Âu-Tây được, — người đi học, kẻ sĩ ở nước ta bây giờ, phải lập-chí một cách khác, lập-danh một cách khác người trước mới được.

Chí người trước chỉ mong được vào « làm việc Nhà nước » là cùng; danh người trước chỉ nguyện đến bậc « ông phán ông tham » là tột. Ta nay phải hi-vọng cao hơn mới được. Ta phải trông rộng ra khắp thế-giới mà xét cái cơ sinh-tồn tiến-hóa của các dân-tộc. Xưa kia ta đóng cửa ngồi xó nhà, như ếch nằm đáy giếng, chỉ thấy một mảnh trời xanh, không biết vũ-trụ bao-la là dường nào; trong đám quần-manh, có anh bảy-lẻ đã tôn nhau lên như thánh như thần, hơn nhau được một thước một bước đã lấy làm tự-khoái tự-vinh mà đã vội tự-an tự-túc. Xét nhân-tài chỉ biết lấy cái thước cỏn-con của mình mà đo, thấy hơn nhau được một phân một tấc đã lấy làm sung-sướng vẻ-vang lắm rồi, không biết sánh với cái thước tỉ-lệ chung của thế-giới thời mình đã thấm vào đâu. Đời này là đời muôn nước tranh-hùng, muốn ra đua chen với người để mong chiếm được cái địa-vị dưới mặt trời, thời phải có thể đọ tài đọ sức được với người ta, chứ nếu cứ khu-khu cầu lấy cái vinh-dự cỏn-con ở xó nhà, lập lấy cái công-danh tí-tị ở làng-xóm, thời không sao tránh được khỏi phép đào-thải của tạo-vật mà mơ-màng đến có ngày diệt-chủng cũng không biết.

Kẻ sĩ ngày nay phải lập-danh thế nào? Văn hay, chữ tốt, thi đỗ, làm quan, ấy cái danh-dự của người xưa là thế, ấy cái thước đo nhân-tài ngày xưa như thế. Thước ấy ngày nay không hợp-thời nữa rồi; ta phải lấy cái tỉ-lệ khác mà đo nhân-tài đời nay. Cái tỉ-lệ ấy là thế nào?

Cái tỉ-lệ ấy là thế này: phàm người đi học phải có chí học để giúp nước, chí ấy đạt được, thế là được danh-dự với quốc-dân, chí ấy còn chưa đạt được, thời phải gia công gắng sức cho tới nơi. Quốc-dân đối với người học không nên xét tiếng tây nói chậm hay nói mau, lương tháng được nhiều hay được ít, mền-đay mấy chục cái, đối hàm vào phẩm nào, mà phải hỏi đã học được điều gì có ích-lợi cho nước, sáng-nghĩ được cái tư-tưởng gì, phát-minh được cái ý-kiến gì, cổ-động được cái công-cuộc gì, gây-dựng được cái sự-nghiệp gì có bổ cho thời-thế, ích cho đồng-bào, tăng cho quốc-hồn, mạnh cho quốc-thế. Nếu trong bấy nhiêu điều mà được một vài điều thời không cần phải phẩm-hàm cao, quan-chức trọng, lương-bổng nhiều, mền-đay lắm mới là có danh-dự, dầu tên suông, chân trắng, áo vải, ngực trần, cũng đáng người ta tôn-trọng.

Một nhà văn-sĩ Tầu gần đây đã tả cái chí của người học-trò đời nay như thế này:

« Kẻ sĩ sinh ở đời này, phải nên phấn-phát mà học cho rộng, ân-cần mà dẫn người sau, ưu-du trên bể rộng, sửa mình lấy điều hay, cóp-nhặt cả năm châu, kết-thành lấy khối óc; lấy khiêm-tốn làm chiếu ngồi, lấy lễ-

nhượng làm duy-mạc, lấy nhân-nghĩa làm nhà nóc, lấy đạo-thể làm chỗ ở ; tô-điểm ở nơi sách-vở, văn-hoa ở chốn sử-đồ ; lấy cái tư-tưởng đẹp làm quí-báu, lấy cái công-danh cao làm sự-nghiệp ; để tiêu cả những sự đảng-tranh, để ngăn lấy những cách bạo-động, để bình sự xung-đột, để hóa đường giao-thiệp, để trương lấy quốc-thế, để phù lấy quốc-túy, để tồn lấy quốc-nghệ, để tân lấy quốc-dân.»

Ấy cái chí của kẻ sĩ phải như thế, trước là sửa mình cho tốt đẹp, sau là giúp nước được vẻ-vang ; ai hành cái chí ấy thời có thể mong được danh-dự, còn những kẻ ăn xổi ở thì, vì cái lợi nhỏ-mọn mà đến quên nước quên nhà, vì cái tiếng cỏn-con mà đến chịu khuất chịu nhục, thời

Những con người ấy, ai cầu làm [chi ?

Những con người ấy là cái chi chi, chớ không phải là kẻ sĩ-phu trong một nước. Không biết gọi là giống gì, đặt tên cho là giống « túy sinh mộng tử », nghĩa là sống như say-mê, chết như mơ-mộng, sống chết đều mơ-màng cả. Sĩ-phu là tai mắt trong một nước, mà tai u mắt mờ thời nước ấy đến thế nào ? Nguy thay !

Kẻ sĩ trong nước ta bây giờ phải nên sớm tỉnh-ngộ mà bỏ những cái hư-vinh chẳng đâu đâu để cầu lấy cái chân-danh-dự. Chân-danh-dự của người học-hành là học để trở nên người hay có ích-lợi cho nước nhà, cho xã-hội.

Kế đến bậc nông. Nước ta là một nông-quốc ; quốc-dân chia tư ba phần là người chuyên về việc nông. Chữ nông đây cũng dùng theo nghĩa rộng, từ ông điền-chủ, ông phú-hộ, cho đến kẻ điền-tốt, kẻ chăn trâu. Nhưng nói đại-để thời theo nghiệp nông là những người ở nhà quê ; dân nhà quê thảng-hoặc cũng có làng đi buôn làm nghề, nhưng số ấy ít lắm, hầu hết là sinh-hoạt về nghề điền-viên. Nghề làm ruộng có khó-nhọc, mà là nghề thảnh-thơi hơn nhất, nghĩa là không phải tùy-thuộc ai, không phải ai sai khiến, không phải ở dưới quyền ai, giản-hoặc chỉ ở dưới quyền ông Trời làm mưa làm nắng mà thôi. Xưa ông Đào Tiềm làm quan không chịu khuất-nhục, giải-ấn trả nhà vua, về quê làm ruộng, viết bài *Qui-khứ-lai-hề* ! để tả cái chí mình. Như thế thì chốn điền-viên là chỗ dưỡng-thành cái tính tự-do độc-lập ; dân nhà quê phải có cái khí-khái tự-nhiên, cái bổn-tính chất-phác, không chịu được những thói a-dua phù-nịnh, những cách giả-dối hư-vinh. Cứ lý thời thế, mà cứ thực ở nước ta trái ngược hẳn. Dân nhà quê là một dân rất hiếu hư-danh ; có lẽ suốt trong nước không đâu có cái thói hư-vinh thịnh bằng ở chốn hương-thôn, không đâu một chỗ ngồi, một tiếng gọi quan-hệ bằng ở nơi làng xóm. Thế là bởi làm sao ?

Chính bởi dân ta là một dân chuyên nghiệp nông, chuyên nghiệp nông thời hay có tính quyến-luyến nơi cố-hương, nên cổ-lai vẫn trọng làng hơn nước, và có lẽ hầu như chỉ biết làng mà không biết nước là vật gì. Nước chẳng qua là cái của riêng của một nhà vua, nhà vua này suy, nhà vua kia dấy, dân tựa-hồ như không có can-dự gì cả. Làng mới thật là chỗ quê cha đất tổ, phần mộ tổ-tiên ở đấy, chôn giau cắt rốn ở đấy, vẻ-vang cũng ở đấy mà khốn-cùng cũng ở đấy. Người nào bất-đắc-dĩ phải xa cố-hương là người không hay, cho cái cảnh tha-hương là không gì khổ bằng. Dẫu phải đi làm ăn nơi khác, bao giờ cũng nghĩ đường về làng mà không quên câu ngạn ngữ : « Phú-qui qui cố-hương ». Cái lòng quyến-luyến nơi cố-hương ấy không phải là không hay, nhưng cái gì quá cũng không tốt. Người mình chỉ

biết làng không biết nước, không biết thiên-hạ, không biết thế-giới là gì, thành ra công-danh, sự-nghiệp, tư-tưởng, hành-vi chỉ lấy mấy gốc cây tre làm giới-hạn. Làm thế nào cho được cái tiếng gọi tốt, cái chỗ ngồi cao ở trong hương-đảng,— mà hương-đảng là tiểu-triều-đình, sự vẻ-vang ở chỗ làng xóm cũng chẳng kém gì sự vẻ-vang ở nơi triều-miếu,— ấy hi-vọng của phần nhiều người mình chỉ có thế mà thôi. Phàm sinh-hoạt là cạnh-tranh, nhưng cái trường-sở cạnh-tranh của người ta nhỏ là trong một nước, lớn đến cả thế-giới, cái trường-sở cạnh-tranh của mình chỉ khu-khu trong giới-hạn một làng ; tuy phạm-vi chật-hẹp như thế, mà cái diễm-khí cũng hăng-hái lắm, có lẽ bởi chỗ đua tranh co-hẹp cho nên sự đua tranh lại càng kịch-liệt. Mà tranh nhau cái gì ? Tranh nhau miếng phần biếu, tranh nhau chỗ chiếu ngồi, tranh nhau một tiếng gọi, tranh nhau một câu nói. Bao nhiêu trí khôn, bao nhiêu sức mạnh, bao nhiêu thế-lực, bao nhiêu tiền của, có thể dùng để làm những việc to-tát hơn, đem khuynh-chú cả vào một mảnh chiếu cạp đỏ ở chốn đình-trung. Người nào làm nên sự-nghiệp dâu dâu mặc lòng, không có ngôi-thứ trong làng cũng lấy làm xấu-hổ ; người nào bần-cùn hủ-lậu thế nào mặc lòng, đã có ngôi ăn chốn ngồi tức lấy làm vẻ-vang. Có thể nói cái danh-dự của người Việt-Nam ta là danh-dự ở trong làng mà thôi, vì bao giờ cũng phải qui-y về làng, nếu không có « vào sổ » trong làng, nghĩa là không có khao-vọng để cho người làng công-nhận mà truyền-tụng cho, thì không phải là danh-dự. Thành ra bất-cứ kẻ sang người hèn, ai ai cũng đổ xô vào một xó hương-thôn mà tranh nhau trên dưới. Người làm ruộng không biết nghề nông là một nghề rất tự-do bình-đẳng, chỉ ham cái tiếng hão-huyền, sợ người ta gọi là « bố-cu » « bố-dĩ », nhiều khi cầu-cạnh luồn-lỏi, mất của mất công để mua lấy một cái tên gọi sang-trọng cho được hãnh-diện với xóm giềng. Ông chánh, ông phó, ông bát, ông cửu, ông cai, ông quyền, ông thư-ký, ông đội-trạm, muốn ông gì thì ông, trừ gọi chính tên thời cho làm xấu-hổ. Nghe nói có ông chủ giầy-thép tính nọ chỉ buôn-bán có một cái « chức » tá-dịch, lương tháng tám chín đồng, mà mỗi năm thu được hàng ngàn. Số là ông khéo biết cái tính hiếu-danh của người nhà quê : nhà có bát ăn, có cậu con trai, anh cả anh hai chi đó, chưa có ngôi-thứ gì trong làng, sẵn lòng xuất ra một vài trăm để chạy lấy cái « chức » tá-dịch, làm giăm ba tháng rồi về cũng được, miễn là đã có tòng-sự Nhà nước được cái tiếng gọi là đủ. Ông chủ giầy-thép cứ mỗi năm bổ giăm bảy cái tá-dịch như thế, — nếu chậm khuyết thời dọa cách, tất có người phải xin từ cho toàn « danh-dự », — thế là đủ có bổng to. Bởi người nhà quê có cái tính hiếu-danh dại-dột quá đỗi như thế, cho nên cái nghề buôn danh bán tiếng rất là thịnh-hành.

Bây giờ làm thế nào sửa được cái tính ấy ? Ở chỗ hương-thôn trong nước ta, cái sức của phong-tục nặng-nề lắm, không thể nhất-đán cải-lương ngay được. Phàm việc cải-lương phải cho nhân-tâm thuận-nhận, không thể tự ngoài cưỡng ép được. Mà nhân-tâm ở chỗ nhà quê hãy còn say-mê về sự hư-vinh, khó lòng làm cho tỉnh. Chỉ mong sự học mỗi ngày phổ-cập, dân-trí dần-dần mở-mang, họa may rạng được chút nào chăng. Nhưng mà hiện cách học «con lừa con la» như bây giờ, biết bao giờ cho thấu đến chỗ ngõ hẻm hang cùng mà mong cảm-hóa người ta được? Khó lòng lắm. Còn những lời công-kích ở cửa miệng, lời nghị-luận trong các báo, đối với người nhà quê, chẳng qua cũng như nước đổ lá khoai mà thôi, có ảnh-hưởng gì ? Vậy thời muốn dùng cách trực-tiếp để sửa lại cái quan-

niệm sai lầm về danh-dự của người nhà quê, quyết không thể được. Nay thử dùng cách gián-tiếp, phỏng có hiệu chăng? Làng nào cũng có ít nhiều người tai-mắt, kẻ đàn-anh, thường tòng-sự hay lập-nghiệp ở các nơi tỉnh-thành, hoặc làm quan, hoặc buôn-bán, hoặc làm nghề, kiến-thức chắc cũng có hơn người chuyên-nghiệp làm ruộng ở nhà quê. Những hạng người ấy phải làm gương cho người ở nhà, trong cách giao-tiếp cư-xử với kẻ đồng-hương phải tỏ ra rằng cái danh-dự đời nay không phải chỉ khu-khu ở chốn hương-thôn, mà cũng không phải ở những tiếng ông bá, ông hàn, ông cai, ông cửu; người làm ruộng mà biết chăm-chỉ nghề mình, lo tính công-việc, quản-lý tài-sản, đốc-suất gia-nhân, không công nợ ai, lại có dư-dật, gây-dựng con em, ở trong lễ phép, gặp khi giai-tiết, họp-tập họ-hàng, cùng nhau xum-hiệp, vui-vẻ đãi-đằng, được như thế, dẫu người chân trắng, « bố đĩ, bố-cu », cũng còn vẻ-vang hơn là kẻ chạy ngược chạy xuôi, đem tiền cầu-cạnh, vào luồn ra cúi, khuất-nhục cái thân, có khi đến khánh-kiệt gia-tài, vay công lĩnh nợ để mua lấy một cái tên gọi, một cái tiếng xưng, một cái dấu son, một mảnh giấy nát, rồi về làng mổ trâu mổ bò, ăn khao ăn vọng, để huyễn-diệu một lũ ngu-phu ngu-phụ. Tưởng có bao nhiêu người sẵn có kiến-thức đều làm gương, đều cổ-động trong chốn hương-thôn như thế, thời cũng giúp cho sự cải-lương cái tâm-tính người nhà quê được nhiều. Nhưng xét ra chính những người tưởng là có kiến-thức như thế lại là những người rất túy-tâm về cái hư-danh. Chẳng thế sao thấy nhiều người buôn-bán ở tỉnh-thành, hễ hơi có lưng-vốn, tất cố mua lấy cái tiếng ông bá ông hàn, để về làng cho được ăn trên ngồi chốc, lấy thế làm rất mực vẻ-vang? Chẳng thế sao từ ngày quí Chánh-phủ gia-ơn cho các ông tòng-sự các sở công được đối-hàm quan-lại, biết bao nhiêu ông hàn, ông thị, ông bá, ông cửu mới, về làng ăn khao ăn vọng, giết lợn giết trâu, nhà đầy câu đối đỏ, sân ngập xác pháo hồng, cỗ-bàn linh-đình, hát-xướng thâu đêm, cực-phẩm vinh-hoa, thập-phần sung-sướng! Người biết mà còn thế, trách chi người không biết?

Ôi! cái ma hư-danh nó đã lẩn-khuất ở chốn nhà quê mà nó lại xâm-lấn cả nơi kẻ-chợ, làm cho cả nước Nam cũng ví như một cái làng lớn, và những thói tranh chiếu ngồi, tranh xôi thịt, thành cái quốc-tục phổ-thông của cả một dân-tộc vậy.

Ấy cái quan-niệm về danh-dự của bậc « nông », nghĩa là bậc dân nhà-quê ở nước ta như thế; nhưng vì nghề nông là nghề căn-bản trong nước, lại vì cái thể-chế riêng về hương-thôn ở nước ta, thành ra cử-quốc đều là dân nhà quê cả, — dẫu người ở tỉnh, ai cũng có « quê », — như thế thì cái quan-niệm về danh-dự ấy không phải riêng cho hạng người chuyên nông-nghiệp, tức là cái quan-niệm chung của cả, và quốc-dân ta vậy.

Kế đến bậc « công ». Công là thợ, người chuyên về công-nghiệp, dùng cái tay khéo mà chế-tác ra các đồ-vật, hoặc là đồ thường-dùng, hoặc là đồ du-ngoạn, hoặc là đồ mĩ-xảo; nói tóm lại bậc « công » là bậc các nhà nghề. Nhà nghề mà tài khéo thời cũng đáng gọi là « thầy nghề ». Xét ra những hạng « thầy nghề » ở nước ta thật cũng ít lắm. Bởi vì nước ta trọng nho-nghiệp hơn cả, những nghề thủ-công, dẫu khôn-khéo cũng vẫn coi thường; kẻ thợ-thuyền bao giờ cho bằng ông nho-sĩ. Bởi thế nên nước ta chưa từng nẩy được cái đại-mĩ-thuật như các nước văn-minh. Mĩ-thuật của ta chẳng qua là phỏng lại của Tàu, mà còn kém xa nhiều. Không phải rằng ta không có nhiều

nghề khéo, vì giống Việt-Nam ta vốn có cái tay khéo tự-nhiên ; nhưng phàm mĩ-thuật muốn cho phát-đạt lên được, phải có một cái không-khí riêng trong xã-hội nó chung - đúc mới nên. Cái không-khí riêng ấy, xã-hội ta không có. Ta khinh người thợ quá, cho nên những người lỗi-lạc không theo về dường thủ-công, dẫu có người khéo cũng chỉ đến bậc bác cai bác phó mà thôi, chưa được xứng cái tên nhà mĩ-thuật. Cũng bởi đó mà người làm nghề của nước ta chưa từng quan-niệm đến cái danh-dự của nhà nghề. Cưỡi gỗ ăn tiền, bôi-bác xong chuyện, đó là cái thói thường của con nhà thuyền-thợ. Còn cố làm cho đẹp, để trước là vừa ý mình, sau là lấy tiếng khen với người, thời thật là ít lắm. Người Tây thường bình-phẩm thợ ta nói rằng : « Người thợ An-Nam không phải là không khéo, nhưng phải cái tính cẩu-thả. Nhiều khi làm cũng công-tế, nhưng phải cái không được chải-chuốt kỹ-lưỡng. Xem như cái bàn cái kỷ, thường khi đóng cũng dễ coi, chạm cũng tinh-xảo, nhưng mặt dưới không bào bao giờ, hay là bào dối. » Có khéo tay mà không có chải-chuốt kỹ-lưỡng, đó là cái khuyết-điểm của người thợ ta. Cái khuyết-điểm ấy cũng do bởi người thợ chưa biết quan-niệm đến cái danh-dự trong nghề mình. « Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh », ngạn-ngữ đã có câu như thế, nhưng trong bọn thuyền-thợ ít người nghĩ đến câu ấy, chẳng qua chỉ nghĩ đến sự ấm-no mà thôi. Đem cái vật-chất mộc-mạc thô-bỉ mà phó cho hình-sắc mĩ-lệ trang - nghiêm, khiến cho đẹp con mắt, cảm tấm lòng, xúc tâm-tư, khêu tình-tứ, bá chẳng phải là cái công « gây hình tạo-hóa » ư? Ở đời còn có sự gì cao-thượng bằng? Ấy cái tinh-thần của mĩ-thuật là thế, cái vinh-dự của nhà nghề cũng ở đó. Xưa nay thợ ta không có học, không quan-cảm tới những lẽ ấy. Ngày nay những người chủ-trương công-nghệ cũng là những người sảo có học-thức, nên dạy cho người thợ biết có cái lòng danh-dự về nghề mình. Sự đó không phải một ngày thành được, nhưng mà cũng phải gây tự bây giờ. Phải giảng cho họ hiểu rằng cái danh-dự của người thợ An - Nam không những là làm nên những đồ đẹp đồ khéo, chải-chuốt kỹ-lưỡng, đủ lấy tiếng khen với người ngoài, mà lại cốt nhất là giữ lấy cái kiểu-cách của nước Nam mình, chớ nên nhiễm những cách « ba dọi », tập những kiểu « giả cầy », tây không ra tây, tàu không ra tàu, làm phí mất cái tiếng nhà-nghề nước mình mà lại bị người ta chê là giống chỉ biết học lỏm của người, không biết tự mình sáng-nghĩ. Vẫn biết rằng nghề mĩ-thuật nước mình cổ-lai cũng không có gì là đặc-sắc cho lắm, nhưng mà đồ vật của nước nào có cái hình-thức, cái mô-dạng, cái lề - lối, cái cốt - cách của nước ấy ; người thợ An-Nam làm đồ An-Nam phải giữ lấy cái kiểu-cách An-Nam, có thể châm-chước một đôi chút cho hợp với sự cần-dùng đời nay, nhưng không nên phá-hoại cả lề-lối cũ để bắt - chước lề - lối của người ; đó cũng là một sự bảo-tồn quốc-túy, và thật là thuộc về cái danh-dự của nhà nghề ở nước ta vậy.

Kế đến bậc « thương ». Thương-cổ là người buôn bán. Người buôn bán cũng như người làm thợ, ở nước ta xưa nay không được kiến-trọng với xã-hội. Chủ lái cũng như bác phó, chưa từng quan-niệm tới cái nghĩa danh-dự trong nghề mình.

Khác màu kẻ quí người thanh,
Ngẫm ra cho kỹ như hình con buôn.

« Con buôn » thời không bao giờ là người thanh kẻ quí được, thường là kẻ thô-bỉ hạ-tiện, nhiều khi lại điên-đảo giả-dối, chỉ biết trọng đồng tiền mà thôi. Ấy xã-hội khinh rẻ người đi

buôn như thế, nên người đi buôn cũng không nghĩ đến cách tự - trọng mình và suy-trọng cho nghề mình. Một dân-tộc chỉ chuyên về nông-nghiệp như dân ta, lại có cái lòng quyến - luyến chốn quê - hương, tất là đối với kẻ đi buôn chỉ cho là một phường mối-lái, buôn chỗ này bán chỗ kia, buôn ít bán nhiều, lường gạt người ta để kiếm lời. Mà thực kẻ buôn bán ở nước ta cũng không thường có tiếng tốt thật. Lường thưng giáo đấu, ăn lận đánh lừa, là cái thói thường của «con buôn». Cứ xem một trăm cái thước đo, một trăm cái cân lường, một trăm cái đấu đong ở nước ta đều không giống nhau cả thời đủ biết Danh-dự của nghề buôn là ở một chữ *tín*, mà tín - thật là một cái đức-tính ít có trong bọn nhà buôn của ta. Sự tín-thực ấy chẳng qua cũng là hiểu rõ cái lợi của mình mà thôi, vì có tín với người thời mới được người tin mà giữ được cái lợi lâu-dài; lường gạt người ta để kiếm lợi là chỉ biết ham cái lợi một lúc mà thôi. Như thế thời dân ta không có cái «khiếu buôn-bán» (*le sens commercial*), thật kém người Tàu và người Tây xa lắm. Năm trước hồi trong Nam ngoài Bắc khởi ra cái phong-trào đề-chế đồ hàng tàu, quan Thống-đốc Nam - kỳ bấy giờ là ông MASPERO diễn-thuyết ở Hội Thương-mại, có bình-phẩm người An-Nam như thế này: « Người An-Nam không biết buôn bán, tranh lại nổi người Tàu thế nào được? Không biết cái lòng tín-thực về sự buôn-bán, không biết cái danh-dự của nghề buôn thế nào. » Lời bình-phẩm ấy nói độp ngay chỗ công-chúng và vào giữa lúc tranh - thương như thế, cũng đau cho người mình thật, nhưng phải nhớ câu « nói thật mất lòng » và công-nhận rằng lời bình-phẩm ấy cũng có một phần thực vậy.

Ngày nay thương-nghiệp ở nước ta đã bắt đầu chấn-hưng, kẻ thức-giả đã hiểu nghề buôn là cái nguồn lợi lớn và là cái gốc kinh-tế của nước nhà, người buôn không phải là chỉ có một bọn chủ lái mà thôi, đã có những ông chủ công-ti, chủ thương-cục, vậy đã đến lúc cần phải giảng-cầu đến cái danh-dự của nghề buôn, danh-dự ấy như trên kia đã nói chỉ gồm trong hai chữ tín-thực.

Nay kết-luận lại bài này thời cái quan-niệm về danh-dự của tứ-dân trong xã-hội ta đều là khiếm - khuyết, sai-lầm, hẹp-hòi và thiên-lệch cả. Bây giờ phải kíp mà gia công chấn-chỉnh lại, đem cái nghĩa chính-đại quang-minh của đạo Danh-dự mà in sâu vào trong trí-não của các hạng người trong nước: Danh-dự của kẻ đi học là biết dùng cái tài-học của mình trước là để trau-giồi nhân-cách của mình, sau là để bồi-bổ cho linh-hồn của nòi-giống; danh-dự của người làm ruộng là chấn-hưng cho cái nghề căn-bản của nước mình, và bồi-dưỡng lấy những cái đức-tính cần-cù, chân-thật, hiền-hậu, hiếu-đễ trong dân-gian; danh-dự của người làm thợ là chế-tạo ra những cái đồ khéo vật đẹp, để nổi cái tiếng công-nghệ của nước nhà; danh - dự của người đi buôn là lấy chữ tín làm đầu việc mậu-dịch, để rửa cái tiếng bình-phẩm của người ngoài và gia công chấn-loát nghề buôn để giúp cho sự giàu mạnh của nước nhà.

Cái nghĩa chân-chính của Danh-dự mỗi ngày một xương-minh thời những thói hư-danh, hư-dự trong các nhân-đẳng trong xã-hội chắc mỗi ngày một mất dần đi, thật là may cho cái cơ tiến-hóa của nước ta.

Kỳ sau sẽ bàn về đạo Danh-dự trong sự giao-tế thường trong xã-hội.

THƯỢNG-CHI

La Patrie est une association, sur le même sol, des vivants avec les morts et ceux qui naîtront.

J. de MAISTRE

Tổ-quốc là một cái hội gồm lại ở trong một đất nước những người sống, người chết và người sắp sinh sau này.

THANH-NIÊN CÓ NÊN BUỒN KHÔNG?

Đêm khuya nghe gẩy đàn bầu, tiếng đàn tỉ-tê thánh-thót, như khóc như than, nghe mà lạnh-lẽo trong lòng, rầu-rầu trong dạ, rời-rạc chân tay, mỏi mê thần-trí; tiếng đàn càng như rót vào tai thời cái sầu lại càng như thấm đến xương thịt.

Rằng hay thì thật là hay,
Nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào!
Lựa chi những khúc tiêu-tao,
Thật lòng mình cũng nao-nao lòng [người.

Đương khi *tựa gối, cúi đầu, gò chín khúc, chau đôi mày* mà nghe những tiếng não-nùng, ai-oán, sầu-thảm, lâm-li như thế, thời tưởng cõi đời như cái bể khổ, trông đến cái gì cũng chán, nghĩ đến cái gì cũng chán, không còn thiết một sự gì nữa. Tâm-hồn khí-lực như tiêu-tán cả, cùng với tiếng đàn mà hòa lẫn vào trong ngọn gió thoảng qua. Bấy giờ cũng có một cái thú đặc-biệt, là thấy trong người nhẹ thênh-thênh, như bay-bổng lên mấy từng mây, mà tưởng cái « thân ngoại-vật là tiên trên đời ».

Hạt muối bỏ vào bát nước trong, ví có linh-hồn cảm giác, thời giữa lúc hòa tan vào nước, tất cũng có cái thú như thế. Nhưng cái thú đó là cái thú tiêu-hồn, cái thú giải-tán, cái thú tịch-diệt, cái thú hư-không. Cái thú đó là cái thú nha-phiến của người nghiện; cái thú đó là cái thú Nát-bàn của nhà Phật vậy.

Cái bệnh sầu của nhiều người thanh-niên trong nước ta bây giờ cũng có một cái thú như thế, cho nên dễ truyền-nhiễm lắm. Bệnh này có thể gọi là một thứ bệnh cao-thượng, cho nên người nào mắc phải bệnh này không những không giấu-giếm, mà lại muốn phô-bầy cho thiên-hạ biết, hoặc là phát ra những lời thở-than, hoặc là ngâm ra những câu ai-oán, lại càng dễ cảm người ta lắm.

Xét ra người thanh-niên ở nước ta hiện nay, — tôi dùng chữ thanh-niên đây là chỉ những người từ mười-lăm mười-tám cho đến ba mươi tuổi, — có thể chia ra hai hạng: một hạng gọi là vô-tri-giác, nghĩa là ù-lì chẳng biết gì cả, ngoài việc ăm-thực nam-nữ, không có tư-tưởng gì nữa, hoặc ngu-xuẩn dần-độn, hoặc ương-ngạnh lếu-láo, hạng này là hạng nhiều hơn nhất, mà không phải thuần là kẻ vô-học; — một hạng sảo có tri-thức, có bụng tốt, có chí cao, cũng biết nghĩ đến việc đời việc nước, nghĩa là những người nước nhà có thể trông mong được sau này, nhưng nghiệm ra trong hạng ấy chia tư thời đến ba phần mắc phải cái bệnh sầu như trên kia. Thành ra tuyệt-nhiên không tư-tưởng sự gì thời chớ, hơi có chút tư-tưởng thời chỉ tư-tưởng những sự buồn-bực, những nỗi chán đời cả. Mở miệng ra là tự-xưng: đa-tư, đa-lự, đa-cảm, đa-sầu; cầm bút viết là chỉ tả: xót-xa, thương-tiếc, cảm-hận, ai-hoài. Tuổi thanh-niên là buổi hăng-hái như mặt trời mới mọc, nước nguồn mới ra, thế mà trong lòng đầy những mộ-khí u-uất, như cảnh hoàng-hôn, còn gì trái ngược bằng!

Cái bệnh u-sầu kia, nếu không tìm phương liệu-trị, thời không khỏi phương-hại đến cái sức mạnh về tinh-thần của nòi-giống. Vậy ta thử xét bệnh này bởi những nguyên-nhân gì mà sinh ra, cùng phải dùng những phương-cách gì để trị lấy.

Xét kỹ có hai cái nguyên-nhân lớn làm cho kẻ thanh-niên ở nước ta hễ

biết nghĩ thời thường hay sinh buồn : một nguyên-nhân chung cho cả thanh-niên các nước, một nguyên-nhân riêng về một tình-cảnh nước ta.

Nguyên-nhân chung cho cả thanh-niên các nước là thế nào?

Người ta vào tuổi mười-tám hai-mươi, đương lúc xuân-tình phát-động, tinh - thần rối - loạn, hay mơ - mảng tưởng-vọng những sự dâu đâu, chưa biết đem con mắt sáng-suốt mà xét sự đời, chưa biết phân-biệt cái chân-cảnh với mộng-cảnh. Thành ra nếu có cái chí-khí cao thời mơ-tưởng những sự cao-xa quá, đem ra đối với sự thực thấy « thân chẳng bằng mộng», không khỏi sinh buồn. Như tưởng-tượng cái ái-tình là một sự tuyệt thanh - cao, tuyệt vui-thú trên đời, thế mà thấy những thói thường của vợ-chồng trai gái ở đời, bất-nhẫn nói, bất-nhẫn trông, thật không khỏi sinh chán. Như mơ-mộng những công-danh sự-nghiệp to-tát, thế mà chưa đủ sức thực-hành được, hay là muốn thực-hành mà gặp những sự ngăn-ngừa trắc-trở, cũng không khỏi sinh chán. Lại như trong khi giao-tiếp với người đời, tưởng gặp được nhiều người hay người tốt, thành lòng thật ý với mình, không ngờ phần nhiều quỉ-quái tinh-ma, đơn-bạc giả-dối, không lường-gạt thời xỏ-xiên, không xỏ-xiên thời lạnh-nhạt, mình sẵn lòng yêu-mến họ mà họ tựa-hồ chẳng thiết gì, lại càng thêm chán lắm. Nhưng mà buồn nhất là sự sinh-hoạt hằng ngày, ngày nào cũng như ngày nào, chỉ có bấy nhiêu việc làm ăn vô-vị, hết ngày ấy sang tháng khác, cho đến suốt đời, cuộc đời thật như một cái bãi sa-mạc tiêu-diêu. Những nỗi buồn nỗi chán như thế thật là nhiều, mà những nỗi vui nỗi sướng không có chút nào, vì nhất-thiết sự thực trước mắt là trái với sự tưởng-tượng của mình cả. Bởi thế nên đã không phải là hạng người vô-tri vô-giác thời phàm sở-tri sở-giác là những mối thương-tâm khổ-trí cả, và cứ ngẫm-nghĩ

Những điều trông thấy mà đau-đớn lòng.

Nói rút lại tuổi thanh-niên là tuổi ít từng-trải, chưa thông-thạo việc đời, chưa biết rằng cuộc đời là một sự chiến-đấu vô-hồi vô-hạn, chỉ muốn điều gì phải xuất hết tinh-lực mà chống-chỏi với những sự khó-khăn mới mong thu-hoạch được một phần nhỏ-mọn, và cái lý-tưởng với sự thực-tế thật là cách xa nhau một vực một trời, chứ không phải cứ quan-niệm điều gì là tiện-thị thực-hành được ngay đâu. Bởi kẻ thanh-niên chưa có từng-trải, chưa biết đem tâm-thân mình uốn-nắn cho thích-hợp với sự đời, lại muốn đem sự đời uốn-nắn cho phải theo cái ý-nguyện mình, mà mình chưa phải là kẻ anh-hùng có tài tạo-thời-thế, cho nên mỗi mỗi gặp sự khó-khăn ngăn-trở, dễ sinh ra chán-ngán buồn - rầu. Nhưng mỗi tuổi mỗi lớn, kinh - lịch càng thêm, biết rằng ở đời là khó, không dám vọng-tưởng những sự xa-xôi, biết nên cái chí muốn cho hợp với cái sức làm và mưu-tính những việc thiết-thực hơn, bấy giờ bỏ cái mộng-cảnh mơ-màng mà thiết - thân ở trong giữa cái chân-cảnh phức-tạp, dẫu có gặp sự khó-khăn mà là sự khó ở việc làm, có gan tất đoạt được, không phải sự khó ở cái chân-cảnh với cái mộng-cảnh mâu-thuẫn nhau là những sự khó-khăn không sức người nào đoạt được; đến khi ấy thời cái sức hăng-hái là hăng-hái để ra quyết-đấu với đời, chứ không phải hăng-hái để tự làm khổ một mình, nghĩ quẩn nghĩ quanh, thở dài thở ngắn, thương thân xót phận, căm-giận sự đời như trước nữa. Đến bấy giờ thời cái bệnh sầu lúc mấy năm tuổi trẻ (thường tự 17, 18 cho đến 25 tuổi là cùng) tự-nhiên tiêu-tán đi, không còn gì nữa.

Đó là cái nguyên-nhân chung của bệnh da-sầu trong bọn thanh-niên. Nhưng thường nhận ra những người nào thân-thể không được cường-tráng lắm thời hay có bệnh ấy hơn là những người vốn có sức-lực mạnh-mẽ. Bởi thế nên muốn trị cái bệnh u-sầu không gì bằng tập thể-thao và sinh-hoạt vận-động ở nơi không-khoáng. Hễ khí-huyết lưu-thông thời không hay u-uất, nghĩ quẩn nghĩ quanh mà sinh buồn sinh chán.

Nói tóm lại, bệnh da-sầu của thanh-niên chẳng qua là cái trạng-thái nhất-thời, bởi những nguyên-nhân chung thuộc về sinh-lý và tâm-lý; thuộc về sinh-lý là phàm người thần-kinh thịnh, hay cảm-giác, ra ngoài tuổi thành-đồng, lúc xuân-tình mới phát-động, thường sinh ra thương hão nhớ huyền, sầu vay khóc mướn, có cái khốn-khổ vô-hình không thể giải ra được, mà lại có cái phong-thú phảng-phất không thể nói ra được, nhưng có thể hình-dung ra một cậu công-tử hay một cô thiếu-nữ ngồi tựa cửa sổ, tay dựa vào đầu, nét mặt rầu-rầu, con mắt đăm-đăm, như muốn chìm đắm vào trong khoảng-không vô hạn; — thuộc về tâm-lý là giữa lúc tinh-thần còn non-nớt mà tư-tưởng lại mạnh-bạo lắm, chỉ muốn những sự mà sức chưa kịp tới, đem cái tâm-cảnh đối với ngoại-cảnh, lấy sự tưởng-tượng diễn ra thực-tế, thấy cách xa nhau như tiêu nhưỡng, trong lòng sinh ra chán-nản vô-cùng mà nghĩ không thiết gì đến sự sống nữa.

Nhưng ngoài những nguyên-nhân chung cho thanh-niên cả các nước, bệnh da-sầu của thanh-niên nước Nam ta lại còn có những nguyên-nhân riêng thuộc về tình-cảnh nước ta nữa.

Tình-cảnh nước ta là đương vào buổi quá-độ-thời-đại, nghĩa là lúc giao-thời, như đương qua đò giữa sông, bờ đi đã xa mà bến đến chưa tới. Vậy thời muôn sự trong nước chưa có sự gì là nhất-định cả. Về đường tinh-thần mới lại càng chông-chênh lắm. Bao nhiêu những nền-nếp cũ, hầu như đổ-nát cả, mà nền-nếp mới chưa gây-dựng nên. Trật-tự về nhân-phẩm trong xã-hội như đảo-điên hết; xét người không biết lấy gì làm tiêu-chuẩn, đoán việc không biết lấy gì làm bằng-cứ. Có kẻ hay mà người ta cho làm dở, có kẻ dở mà người ta cho làm hay; khôn đời xưa, đời nay cho làm dại, dại ngày trước, bây giờ hóa ra khôn. Gia-chi-dĩ đường, sinh-nhai mỗi ngày một eo-hẹp, lối lập-nghiệp mỗi buổi một khó-khăn. Tài-giỏi mười-mươi mà không khéo vận-động cũng khó đường tiến-đạt; ngoan-ngốc rõ-ràng mà gia công luồn-lỏi cũng nổi lên đùng-đùng. Nhưng nổi lên rồi, tiến-đạt rồi, đã chắc thế là hạnh-phúc chưa? hay chẳng qua cũng là mầu son phấn để đánh lừa « con-đen » mà thôi? Đương buổi chông-chênh, chưa cái gì là chắc-chắn, đương lúc nhá-nhem, chửa cái gì là phân-minh cả. Cả quốc-dân còn phân-vân chưa biết định phương-châm thế nào, đặt chủ-nghĩa làm sao. Nhưng phần nhiều người vào hạng vô-tri-vô-giác, cầu-thả gặp sao hay vậy, cũng không từng-hỏi đến phương-châm chủ-nghĩa làm gì. Đối với bọn thanh-niên có chí-khí thời không thể được. Tuổi thanh-niên là tuổi hăng-hái, cần phải tin một sự gì để mà giốc lòng thờ sự ấy. Ở nước ta ngày nay biết tin cái gì cho gọi là đáng tin? Công-danh sự-nghiệp ư? Nhưng công-danh sự-nghiệp của mình bây giờ là gì? Thi được cái bằng trường nọ trường kia, bổ được một chức ông tham ông phán; cầu-cạnh để vào quan-trường, hì-hục cho đầy túi tham; phần nhiều người lấy thế làm thỏa-chí mãn-nguyện lắm rồi. Nhưng ngoài nữa còn có gì không? Tưởng cũng không có đường nào hơn để lập-danh lập-nghiệp nữa. Hay là thờ Kim-

tiền ? Vị thần này cũng nhiều người sùng-bái, nhưng muốn thờ cho đắc-sách cần phải có nhiều cái thủ-đoạn mà kẻ thanh-niên chưa biết được. Hay là thờ Ái-tình ? Nhiều người cũng mê vị thần này, nhưng ít khi thờ được vị chính mà nhiều khi mắc phải vị tà. Vậy thời biết tin biết thờ cái gì cho chánh-đáng ? Thanh-niên đương buổi bây giờ, người không biết nghĩ thời không nói làm gì, người biết nghĩ không biết lấy cái gì làm mục-đích cho sự sinh-hoạt của mình. Ngày xưa thời dễ lắm ; người đi học ai cũng mơ-tưởng có ngày thi đỗ ông nghè, vinh-qui bái-tổ, đó là cái mục-đích tối-cao của một đời, dù đạt được, dù không đạt được, đương khi học-hành bao giờ cũng có hình-ảnh cái võng cái lọng phảng-phất ở trong ý-tưởng mơ-màng. Đời người đã có cái mục-đích nhất-định như thế, thời chỉ việc gia-công gắng sức cho tới nơi, thầu-trí đã định, không có bông-lông mà nghĩ vẩn nghĩ vơ, sinh sầu sinh muộn. Nhưng ngày nay cái mục-đích là gì ? Nếu đã có cái chí-khí hơi cao, không lấy một cái bằng-cấp nhà trường hay một cái ghế ngồi bàn giấy làm mãn-nguyện bình-sinh, thời thật không biết lấy gì làm cái mục-đích xứng-đáng ở đời. Đời đã không có mục-đích thời đời còn đáng sống làm chi ? Bởi thế mà sinh ra chán đời, bởi thế mà sinh ra sầu-muộn.

Lại thêm nhiều nỗi trắc-trở trong sự học-hành, đường làm ăn nữa. Học bây giờ là học chữ tây mà thôi, nghĩa là học một thứ chữ nước ngoài (chữ nho ngày trước tuy gọi là «chữ tàu», nhưng đối với ta không phải là chữ ngoài, vì ta là đồng-văn với tàu) ; phàm học bằng chữ bằng tiếng nước ngoài, phi là người thiên-tư lỗi-lạc, chỉ là một cách học để lợi-dụng về đường sinh-nhai giao-thiệp mà thôi, không phải là cách học để đoàn-luyện cho tinh-thần đạo-đức, để gây-dựng và bồi-bổ cho nhân-cách ; nói tóm lại, sự học bằng tiếng ngoại-quốc chỉ là một môn « khoa-học », không phải là một sự « giáo-dục », không phải là học để « làm người », chỉ là học để « làm ăn » mà thôi. Học để « làm ăn » mà nhiều khi không đủ « kiếm ăn » được, thế đã chán chưa ? Mỗi năm tốt-nghiệp ở các trường ra có tới ngàn người ; nghìn con người đó, trong khi đi học không từng học cái học để «làm người», chỉ học cái học để « làm ăn », đến lúc học ra cũng muốn mau tìm được kế « kiếm ăn », nhưng ngặt vì cái học ấy chỉ đủ bạng-thực vào các sở công, mà chỗ làm ở các sở công thời có hạn, số người xin thời vô-hạn, những kẻ bị thải ra như thế, — mà số kẻ ấy mỗi ngày một nhiều, — thành ra bơ-vơ, không khỏi đâm phiền phát phẩn, mà lại càng tăng thêm cái bệnh u-sầu như trên. Hiện bây giờ biết bao nhiêu những « cậu đồ chữ tây » dở-dang như thế, dở-dang hơn các ông đồ chữ nho cũ ; các cậu ấy là một bọn « đa-sầu » cả (chính các cậu cũng tự-xưng như thế).

Ấy những nguyên-nhân thuộc về tình-cảnh nước ta hiện bây giờ khiến cho kẻ thanh-niên hay có tính sầu-muộn là bởi hai cớ như thế : một cớ là kẻ thanh-niên bây giờ không có phương-châm, không có chủ-nghĩa, không biết lấy gì làm mục-đích ở đời, cho nên sinh lòng chán đời ; một cớ là sự học-hành dở-dang trắc-trở, đường kiếm ăn co-hẹp khắt-khe, kẻ thanh-niên học « làm người » đã không xong, học « làm ăn » cũng không trót, cho nên sinh lòng giận đời. Chán đời với giận đời, mới sinh ra sầu-muộn.

Nguyên-nhân chung, nguyên-nhân riêng đều làm cho cái tâm-lý của kẻ thanh-niên ở nước ta đồng-xoang đồng-điệu với cái tiếng đàn bầu não-nùng ai-oán kia, là tiếng than chung của cả một nòi giống.

Làm thế nào cho sửa được cái tâm-lý thảm-thương đó?

Thuộc về nguyên-nhân chung thời người thanh-niên phải nên phấn-phát tự-cường, chớ nên nhù-nhờ ủy-mị; phải tập quan-sát sự đời theo cái phương-diện thiết-thực, chớ nên mơ-tưởng những sự viển-vông; phải biết đời người là một cái mớ phiền-phức, sự hay cũng có, sự dở cũng có, làm người cốt phải thu-thập lấy cái hay mà bài-trừ cái dở, nhưng trước hết phải biết phân-biệt cái dở cái hay thế nào, nghĩa là phải có từng-trải, nhiên-hậu mới biết được sự đời là gì, chứ không thể lấy lý-luận mà phán-đoán cho đời là đáng chán hay không đáng chán. Đời không hẳn là đáng chán, mà cũng không hẳn là không đáng chán, đâng nào cũng có lẽ cả, muốn cãi cho ra thật vô-cùng-tận. Nhưng cái vấn-đề không phải ở đó, vì dẫu đời đáng chán hay không đáng chán, cũng vẫn phải sống, không có thể trước khi sinh ra đời hay sau khi đã sinh ra rồi tự hỏi nếu đời có không đáng chán thời mới nên sống, nếu đời quả đáng chán thời chẳng nên sống làm gì. Đã không tự hỏi và tự-quyết được như thế, thì tội gì mà nhọc trí băn-khoăn những sự đó làm chi? Không, cái vấn-đề ở đời không phải là nên xét đời đáng sống hay không đáng sống, cái vấn-đề ở đời là đã sống làm người, đã có thân ở đời, phải sống thế nào cho xứng-đáng, phải làm người thế nào cho ra con người. Ấy cái vấn-đề ấy mới khó, vì muốn làm người cho xứng-đáng không phải dễ, hằng ngày phải miễn-cưỡng với mình và chống-chọi với người mới mong phát-triển được cái nhân-cách hoàn-toàn của mình. Mục-đích ở đời là gì? Mục-đích ở đời chính thế: mục-đích ở đời là mỗi người có một cái nhân-cách riêng, phải làm thế nào cho phát-triển được hết cái nhân-cách ấy. Tạo-vật sinh ra mỗi người là đã phú-dữ cho đủ cái tài-liệu để nặn lên một con người xứng-đáng; nhưng mà nặn khéo hay nặn vụng là ở cái tay người ta. Đã sinh ra làm người, — trừ những kẻ túy-sinh mộng-tử không nói làm gì, — còn ai cũng có hoài-bão một bức tượng của mình ở trong lòng; bức tượng ấy mình phải cố nặn cho thành hình, hoặc lâu, hoặc chóng, hoặc khó, hoặc dễ, tùy cái cảnh-ngộ và cái tài-năng của mỗi người, nhưng ai cũng phải gia-công mà tô-tạo lấy cuộc đời mình, như người thợ nặn cái tượng vậy. Nếu nặn không nên thân thời đó là lỗi tại mình, há nên trách ai? Nhưng mà trước khi ra tay tô-tạo, đã đeo cái nét mặt buồn-rầu chán-nản rồi, trước khi bắt đầu nặn tượng đã dự-liệu rằng cái tượng ấy không ra gì rồi, thời còn gì vô-lý hằng? Nói cho cùng đi nữa, dẫu biết rằng về sau có không ra gì thật, dẫu chắc rằng sự đời đáng chán thật, đương giữa tuổi thanh-niên hẳng phải nên thành-thực mà thí-nghiệm xem đã nào. Sự thí-nghiệm ấy, tức là sự đời đó. Còn thí-nghiệm được hay hỏng là tự mình. Nhưng mà làm kẻ thanh-niên bao giờ cũng phải có cái lòng tự-tín rằng thí-nghiệm tất được; rồi sau thế nào sẽ hay, nhưng lúc bấy giờ phải nên tự-tín như thế.

Thuộc về cái tình-cảnh riêng nước ta không lợi cho cái chí-khí kẻ thanh-niên, thời mới xét tưởng như thế thật, mà xét kỹ cái tình-cảnh ấy lại chính là cái nguyên-nhân khiến cho ta phải nên tự-phấn tự-lệ vậy. Phàm những buổi giao-thời là những lúc vận nước suy-vi, người ta hay có tính chán đời. Xem như nước Pháp sau đời vua Nã-phá-luân, trong một khoảng từ năm 1815 đến năm 1835, thế nước có ý sút kém, bấy giờ cái chủ-nghĩa chán đời rất là thịnh-hành: xã-hội đời trước oanh-oanh liệt-liệt thế nào, xã-hội đời ấy ủy-ủy mị-mị như thế; không ai có chí-

khí gì lỗi-lạc cả, phần nhiều người chỉ ngâm sầu vịnh thảm, lấy sự sống làm một cái khổ. Người làm thơ có tiếng nhất đời bấy giờ là ông ALFRED DE MUSSET, ông đã có câu rằng: « Câu thơ tuyệt-điệu là một tiếng khóc trong. » Đàn-ông thanh-tú đời bấy giờ phải là người mình gầy mặt xanh, có cái dáng buồn mới là người phong-nhã; đàn-bà nhan-sắc phải có cái vẻ đẹp yếu-điệu yếu-ớt như cây liễu. Đàn-bà đàn-ông nhiều người có bệnh phổi bệnh lao, lấy thế làm lịch-sự. Hầu hết người thương-lưu đời bấy giờ đều có bệnh da-sầu cả. Nhà lịch-sử xét nguyên-nhân bệnh đó cho là bởi thời-thế khiến nên: Đời trước có tay một bậc đại-anh-hùng quản-thế là vua Nã-phá-luân làm nên những sự-nghiệp kinh-thiên động-địa, quốc-dân đã phải gắng sức quá lắm rồi, đương lúc hăng-hái theo vua không nghĩ đến những nỗi nhọc-nhằn, nhưng đến khi nên đế-nghiệp nhất-đán đổ-sập thời mới biết rằng dân-khí đã kiệt, dân-lực đã hết, cử-quốc đều chán-nản cả, không ai còn thiết đến công-danh sự-nghiệp gì nữa. Bọn người thanh-niên về khoảng năm 1830 là chịu ảnh-hưởng cái thời-thế đó, cái thời-thế đã lạc mất kẻ anh-hùng đó, cho nên phẩm ngâm-vịnh là thổ-lộ ra những giọng buồn-rầu ai-oán cả. Bệnh da-sầu đời bấy giờ công-nhiên gọi là cái « thời-bệnh » (*le mal du siècle*).

Như trên kia đã nói, nước Nam ta bây giờ tức là đương giữa vào một buổi giao-thời như thế, tuy nguyên-nhân không giống như nước Pháp vào khoảng năm 1830, nhưng cũng là vào một thời-kỳ tinh-thần ủy-mị, chí-khí suy-đồi, người ta không biết tin ở sự sống nữa, vì không biết sống để làm gì, cho nên phần nhiều kẻ thanh-niên có bụng da khá lại hay mắc phải cái bệnh da-sầu là cái « thời-bệnh » đương bấy giờ. Nhưng cái thời-bệnh ấy tuy có bởi thời-thế mà phát-sinh ra, nhưng cũng có thể nhờ thời-thế mà liệu-trị được.

Kẻ thanh-niên có chí bây giờ khổ vì nỗi gì? Khổ vì nỗi không biết lập-chí thế nào cho xứng-đáng; khổ vì nỗi không có một cái phương-châm, một cái chủ-nghĩa để hướng-đạo cho mình ở đời; khổ vì nỗi không biết cái mục-đích ở đời là thế nào. Làm người mà muốn tìm cái mục-đích ở đời cho xứng-đáng thời quả cũng khó thật. Nhưng mà giả-thiết mình làm dân một nước đã phú-cường, đã có địa-vị, có thế-lực trong thế-giới, mà có cái chí to muốn tìm lấy cái tuyệt-đích ở đời, thời có lẽ khó thật. Như làm kẻ thanh-niên một cường-quốc văn-minh như nước Pháp, nhiều khi phân-vân không biết khuynh-hướng cái sự-nghiệp mình về đường nào cho xứng-đáng với cái chí-nguyện của mình: về bên tả hay về bên hữu, về phía bảo-tồn hay về phía quá-khích, về sự lợi-lạc cho cá-nhân hay về sự hạnh-phúc cho xã-hội, về phương-diện quốc-gia hay về phương-diện quốc-tế, về đường chiến-tranh hay về đường hòa-bình, v. v.. Trong bấy nhiêu đường, trong bấy nhiêu phía, phải chọn lấy một đường nào, một phía nào để làm mục-đích cho đời mình: khó lắm thay! Song làm kẻ thanh-niên ở nước Nam bây giờ, chưa có đâu những nỗi khó-khăn như thế. Nước mình kém-hèn đủ mọi đường, làm người có chí hẳng nên nghĩ cách giúp nước trước đã, đó là sự cần-cấp, còn ngoại-giả là chuyện bên ngoài cả. Đương lúc nước nhà lắm việc, mà còn có kẻ ngồi rồi thở vắn than dài, ngâm sầu vịnh thảm, khởi ra những câu hỏi vô-vị về lẽ đời người có đáng chán hay có nên chán không, thời thật là kẻ vô-tình, loài máu lạnh quá. Đã sinh ra cái kiếp người An-Nam, cùng với trăm vạn kẻ đồng-loại chia vui chia buồn, chia khổ chia sướng, mà trông thấy loài mình ủy-mị suy-đồi như thế, phải gia công gắng sức làm sao để tự-phấn tự-cường lên, chứ cứ ngồi

một chỗ mà than mà khóc, nói rằng yếm-thế, nói rằng chán đời, nói rằng da-sầu, nói rằng đa-cảm, đeo cái mặt ủ-dột u-sầu, gieo những lời ai-oán thảm-thiết, khiến cho người ta trông thấy mà chán ngắt, nghe thấy mà buồn tênh, thời có ích-lợi gì cho ai, chỉ đủ tự-khổ lấy mình, không những thế, lại di-truyền cái sầu-độc ra khắp xã-hội nữa.

Đời người có đáng chán không? Thanh-niên có nên buồn không? Dẫu đáng chán mười-mươi mà vị nước cũng không được chán; dẫu đáng buồn mười-mươi mà vị nước cũng không nên buồn. Trên cả những câu hỏi hão-huyền ấy, còn có một câu hỏi thiết-thực hơn: là đã sinh vào làm dân một nước yếu hèn như nước này, phải làm thế nào cho nước ấy kém yếu kém hèn đi, cho mong có ngày được mở mày mở mặt ra với đời?

Câu hỏi ấy có giải-quyết được thời hẳng nên đề-khởi ra những câu hỏi kia; không thời là câu chuyện bâng-quơ cả.

Thanh-niên có nên buồn không? Việc gì mà buồn? Vì không thi đỗ mà buồn chăng? Vì không kiếm được việc làm mà buồn chăng? Vì bị cô nhân-tình nào thất-tín mà buồn chăng? Vì gặp cậu bạn học nào lường gạt mà buồn chăng? Vì ít tiền mà buồn chăng? Vì muộn vợ mà buồn chăng? Nếu có thế mà buồn thời cũng nhỏ-nhen quá. Nếu có thế mà than đời trách trời, nếu có thế mà thành ra người « da sầu », thời cũng « trẻ con » quá. Không, ở đời cũng lắm chuyện đáng buồn thật, nhất là ở nước mình bây giờ; nhưng mà không phải buồn như thế. Cái buồn của người trượng-phu là buồn vì cái chủ-nghĩa mình không thực-hành được, buồn vì cái chí-nguyện mình không đạt tới được, buồn vì công-phu khó-nhọc mà chẳng nên kết-quả gì; là cái buồn của con

Đa-tràng se cát bể Đông,
Nhọc-nhằn mà chẳng nên công chuyện gì!

Buồn là buồn vì cái chí mình không có người hiểu, buồn vì kẻ đồng-loại không đồng-tâm, buồn vì kẻ đồng-bào lại phản-bội, buồn vì chính người mình lại đố-kỵ mình mà sẵn tay ném đá trước. Buồn là như cái buồn của ông võ-tướng kia, buổi chiều thu quân về trại, thấy tồn-tướng hao-binh mà không thu-hoạch được một thước đất nào. Buồn là buồn như thế, mà càng buồn lại càng phấn-lệ thêm lên; chứ thanh-niên đã làm cái gì mà đáng buồn?

T.-C.

PHÁP-DU HÀNH-TRÌNH NHẬT-KÝ (1)

VII

Thứ bảy 13 tháng 5 năm 1922.
(Ở khách-sạn *Terminus*, Lyon).

Sáng hôm nay dậy sớm để đi chuyến xe-lửa 8 giờ 1/2 lên *Lyon*. Tối hôm qua đã thức khuya sửa-soạn hành-lý. Hồi ở nhà đi đem một cái hòm (cái rương) lớn đựng quần áo với một cái va-li to đựng đồ vặt. Khi lên tàu xuống tàu mới biết rằng lịch-kịch bất-tiện quá: đi xa không nên đem hòm lớn, nếu có nhiều đồ thời để sau ra làm mấy cái va-li tiện hơn. Vả cũng không nên đem nhiều đồ quá. Ai cũng tưởng rằng đi xa phải phòng-bị cho đủ thứ, nhất

(1) Xem *Nam-Phong* số 58, 59, 60, 63, 65, 66.

là đồ ăn-mặc; nhưng mà giả đi những phương xa-lạ đâu-đâu, chắc rằng không có đủ những thức mình cần-dùng, thời phòng-bị như thế là phải; chứ đi sang Tây thời cần gì? Chỉ sợ không có nhiều tiền mà sắm đồ thôi, không lo thiếu đồ dùng. Càng kỹ bao nhiêu thời lại càng phiền bấy nhiêu. Như cả ngày hôm qua lo về đồ-đạc hòm-đũng thời đủ biết. Đành là không thể đem cái hòm lên *Paris* được, phải gửi lại nhà trọ ở *Marseille* và mua thêm một cái va-li nữa để đựng những đồ cần-dùng. Và những đồ quần-áo trong hòm cũng không dùng đến, vì phần nhiều là quần áo An-Nam cả, khi ở nhà đi, tưởng sang bên này cứ giữ quốc-phục, sang đến đây mới biết rằng không tiện. Mình sang đây là để xem người, không phải cho người xem mình; như vậy mà cứ thướt-tha như anh lễ-sinh, đi nghênh-ngang ngoài đường phố, thời khác nào như làm một cái vật « đầu-xảo » giong đường cho người qui-quốc xem, nghĩ nó cũng dơ-dáng dạng-hình quá! Bởi thế nên từ ngày tới Pháp đến giờ, phải bận Âu-phục luôn, trừ những khi dự các hội-tiệc thời mặc quốc-phục cho trọng-thể. Còn nhớ mấy ngày đầu mới ăn-mặc tây, rỡ phiền quá. Tôi bắt đầu thử mặc tây tự Sài-gòn đi, để tiện xuống chơi các bến tàu đỗ. Hôm xuống Tân-gia-ba là ngày mặc Âu-phục lần thứ nhất: hôm ấy trời lại nóng-nực, mình quen mặc rộng-rãi thênh-thang, bây giờ bó-buộc như thằng hình-nhân, lấy làm khổ quá; nào là quần trong, quần ngoài, nào là áo « sô-mi », nào là « bờ-lơ-ten »; khổ nhất là đeo cái « phò-côn » cho ngay-ngắn, thắt cái « cà-vạt » cho đẹp coi. « Cà-vạt » có thứ đã thắt sẵn, chỉ việc cài vào mà thôi; có thứ mình phải thắt lấy. Trước khi mua đã phải hỏi ý các ông sành mặc tây, ông nào cũng bảo rằng thứ thắt sẵn chỉ để cho các ông già dùng, còn người trẻ phải thắt lấy mới là lịch-sự. Nhưng khốn quá, mình tập thắt mãi mà nó vẫn cứ nghiêng-vẹo, lệch-lạc, sô-sếch, giãn-reo, không thấy « lịch-sự » một chút nào cả! Cực nhất là lúc tàu đã đến bến rồi, anh em đợi để lên ăn cơm ở cao-lâu trên phố, mà mình ở trong buồng cứ loay-hoay thắt với buộc mãi không xong, bấy giờ đỏ mặt tía tai lên, muốn quăng cả đi, nghĩ bụng rằng: « Thôi, chẳng tây thì dừng tây, mỗi lần thế này khổ quá. » Sau cũng phải nhờ có tay giúp mới buộc xong. — Nhưng mà cho hay muôn sự tại thói quen cả, hôm đầu khó nhọc như thế, đến ngày thứ nhì thứ ba đã thấy dễ rồi; cách một tuần-lễ thời buộc cái « cà-vạt » thấy dung-dị như thường, và soi gương coi đã ra vẻ lắm rồi! Khi đến *Marseille* thời nghiễm-nhiên như ông Tây « đặc », tưởng hình như mình vẫn mặc tây đã mấy mươi năm rồi; không những cách ăn-mặc mà dáng-bộ cũng hệt lắm: tay bỏ túi quần, tay cầm gậy « can », không còn ngượng-ngập gì nữa. Nghĩ bụng giá bấy giờ cứ thế mà hiện hình về giữa phố Hàng Đào Hàng Ngang Hà-nội thời chắc ai cũng phải cho là một cậu « Công-tử Bột » chán-chủng! Lại nghĩ rằng nếu văn-minh mà chỉ có thế thôi, thời cũng dễ quá: chỉ mất sáu trăm quan là được cái lốt văn-minh như hệt, và theo « mốt » tối-tân, các « công-tử » nước nhà không sao theo kịp: áo thắt ngang lưng, quần nếp thẳng băng, cổ là bóng nhoáng, giầy sơn đen nhảy, lại phủ một miếng da trắng ở trên cho khỏi bụi (thế mới hợp « mốt » năm nay)... Nhưng mà mình vẫn biết đã lâu rằng văn-minh không phải ở cái lốt ngoài đó. Chẳng qua là đến đâu phải theo tục đó mà thôi. Nhưng mà có một điều nên biết, là người mình có tính mềm-mại, uyển-chuyển, không bắt-chước người thì chớ đã bắt chước thì cũng chẳng kém gì ai, nhất là về cách ăn-mặc, có khi người mình ăn-mặc tây lại còn ông-ả riêm-rúa hơn nhiều người qui-quốc. . .

Vậy bao nhiêu hành-lý để cả *Marseille* và chỉ đem hai cái va-li đựng quần-áo tây với mấy bộ quần-áo Annam để phòng khi dùng đến; còn thiếu cái gì, lên *Paris* sẽ mua.

Tự *Marseille* lên *Paris*, nếu đi luôn thì tự 8 giờ sáng đến 10 giờ đêm tới nơi, hai bữa ăn ở trên xe lửa cả. Nhưng đi thế nhọc, vả cũng không vội gì mà phải đi như thế. Bên định đi làm hai độ: hằng tự *Marseille* lên *Lyon* trước, ở chơi đấy vài ngày, rồi sẽ đi lên *Paris* sau. Vậy mấy bữa trước đã lấy vé xe-lửa lên *Lyon* rồi, vì ở đây định đi chuyến xe nào về ngày nào phải lấy vé mấy ngày trước và dặn người ta giữ chỗ cho, nếu chính ngày giờ ấy mới đến lấy vé ở ga thì không kịp và nhiều khi không còn chỗ. Trong thành-phố có đặt ra nhiều sở phát vé trước như thế, người nào đến lấy trước, mất một vài quan tiền hoa-hồng, thời tùy-ý trong hạng mình muốn chọn ngồi chỗ nào cũng được, vì thường thường ngồi vào chỗ góc về mặt trông ra ngoài đường thời vừa dựa được và vừa tiện xem phong-cảnh hơn là ngồi về bên lối đi (Xe-lửa bên này có ba hạng và chỗ ngồi sắp đặt cũng như hạng nhất hạng nhì xe-lửa bên ta, nghĩa là ngồi một bên và một bên có lối đi, chỉ khác hạng nhất hạng nhì có đệm êm và hạng ba thì không, cũng như bên ta).

Đi tự *Marseille* lên *Lyon*, vào hạng nhì, giá chừng 60 quan. Muốn ăn cơm ở trên xe thì sau khi lên xe phải lấy một cái vé giữ chỗ ngồi ăn, giá ăn chừng 10 quan một bữa. Trong xe-lửa đã có hai ba cái toa đặt làm buồng ăn, và có bếp nước đủ cả.

Đường xe lửa tự *Marseille* lên *Paris* qua *Lyon* (gọi là đường *Paris - Lyon-Méditerranée*, viết tắt là đường P.-L.-M.) là đường dài nhất và quan-trọng nhất ở nước Pháp, do một công-ti lớn kinh-doanh. Những chuyến xe chính, nghĩa là đi qua các tỉnh lớn, không đỗ những ga nhỏ, như chuyến 8 giờ sáng chạy *Lyon* và *Paris* thì chạy mau lắm, đến 80 cây một giờ; đó gọi là những chuyến xe « thường-tốc » (*express*); lại còn những chuyến chạy thật mau, gọi là « thượng-tốc » (*rapides*), thường chạy ban đêm. Ngoài những đường chính đó, chà-chạnh ra hai bên, chằng-chịt như mạng-nhện, có vô-số những đường nhỏ, nối các tỉnh-lỵ bé, các huyện, các tổng, các làng với nhau; hạng xe-lửa này gọi là xe-lửa nhà quê (*trains omnibus*), chạy chừng 20 đến 30 cây một giờ, đến ga nào cũng đỗ, cũng giống như các xe-lửa bên ta.

Tự *Marseille* lên *Lyon* đỗ có mấy tỉnh lớn là: *Arles*, *Tarascon*, *Avignon*, *Orange*, *Montélimar*, *Valence*, *Vienne*, nhưng mỗi chỗ đỗ có mấy phút, không đủ xem gì cả. Duy nhận kỹ cái phong-cảnh hai bên đường, thời khi đi chừng được non nửa đường thấy khí-vị khác hẳn. Tự *Montélimar* trở xuống thời khí-hậu ấm-áp, phong-cảnh sáng-sủa, đó là thuộc về Nam-phương, có cái cảnh-sắc riêng của xứ *Provence*, cũng còn phảng-phất như ở *Marseille*. Nhưng càng đi lên thì càng thấy dịu dần, sắc trời bớt sáng, khí trời bớt ấm, phong-cảnh đã hơi có ý diu-hiu; người đăng-trí đến đâu cũng nhận biết ngay rằng đã dời đất Nam-phương mà chuyển lên Bắc-phương vậy.

Đến *Lyon* vừa đúng 2 giờ rưỡi chiều. Ngay cạnh nhà ga « *Lyon-Perrache* » có một cái khách-sạn lớn gọi là *Hôtel Terminus* của công-ti xe-lửa P.-L.-M. đặt cho hành-khách trọ. Mấy anh em đều xuống nghỉ cả đấy. Nhà khách-sạn này lịch-sự lắm và chỉ nhận những khách đi xe-lửa mà thôi.

Nghỉ-ngơi một lát, chừng bốn giờ đi chơi phố, Mới ở *Marseille* lên, thấy cảnh-tượng phố-phường ở đây lạ hẳn. *Lyon* là thành-phố thứ ba của nước Pháp, dưới *Paris* và *Marseille*, thế mà không có cái vẻ sầm-uất như ở *Marseil-*

le. Không phải là thành-phố không to lớn, buôn-bán không thịnh-vượng, — đây chính là nơi tổ nghề tơ-lụa ở nước Pháp, bao nhiêu những đồ tơ-lụa có tiếng của nước Pháp đem bán ở các nước là chế-tạo tự đây, xuất-cảng tự đây cả, — không phải là dân-số ít, — vì dân đây cũng hơn 50 vạn người chẳng kém gì *Marseille*, — thế mà đến đây có cái vẻ bình-tĩnh nghiêm-trang, không có phiền-náo rộn-rịp như ở *Marseille*. Là bởi cái cảnh-tượng bề ngoài với cái tư-cách người ta, ở Nam-phương với ở đây cách xa nhau lắm. *Lyon* tuy chưa hẳn là Bắc-phương, nhưng đã có cái khí-vị Bắc-phương rồi. Người *Marseille* hay nói hay cười, hay ba-hoa bả-lả, hay ngao-du ngoài phường-phố, hay tụ-tập chỗ đông người, lại hay đùa nhau, bỡn nhau, chửi nhau, đánh nhau, nên trong thành-phố lúc nào cũng ồn-ào những tiếng người, rộn-rịp những xe chạy. Lại thêm trời thường sáng-sủa, nắng-ráo, ấm-áp, bảnh-bao, cho nên đầy trong không-khí như có cái vẻ vui-vẻ tươi-cười. Ở *Lyon* thời thật khác: người đây trầm-tĩnh, điềm-đạm, ít nói, ít cười; coi bộ những người đi ngoài phố như ai cũng có việc gì mới đi, chứ ít người đi chơi phiếm. Còn cảnh-sắc thời thường u-ám, hay có sương mù ở sườn núi mặt sông. Cảnh ấy người ấy làm cho thành-phố *Lyon* có một cái khí-vị nghiêm và buồn.

Địa-thế thành *Lyon* đẹp lắm; ở giữa nơi hợp-lưu hai con sông *Rhône* và *Saône*, chung quanh những núi non xanh rì, nhà lầu chồng-chất, trông thật là kỳ-tú. Không cảnh gì đẹp bằng đứng trên bờ sông mà ngắm dải trường-giang xanh ngắt, trên có hơn chục cái cầu bắc song-song. Một bên sông *Rhône*, một bên sông *Saône*, bao-bọc thành-phố như hai con trường-xà: những phố-phường ở giữa hai sông là nơi động-đúc đẹp-đẽ nhất.

Mấy anh em cùng đi chơi phố, đi bộ từ 4 giờ đến 7 giờ, kể cũng đã nhiều đường đất. Mình từ khi sang Tây đến giờ, được cái đi bộ giỏi. Ở nước nhà, bước bước lên xe, sang đây ra đến cửa phải cuốc bộ, nó cũng quen đi. Nhưng phải biết rằng đi bộ bên này có cái thú riêng, không khổ như bên mình: đường phố rộng-rãi sạch-sẽ, hai bên hè rộng bằng đường bên ta, cả năm không bao giờ có cát bụi, nắng không có nắng to vỡ đầu, mưa không có mưa dầm lầy-lội, như thế mà thẳng-thắng cắp cái « can » sau lưng đi dạo các phường-phố, khi dừng lại xem các cửa hàng, lúc vui chân theo khách qua lại, lại lúc ngửng mặt nhìn bức phong-cảnh, ung-dung thơ-thẩn, không vội-vàng gì, như thế chẳng thú lắm dư? Chẳng bù với bên mình, đường phố đã chật-hẹp, lại bẩn-thỉu, hai bên đường thời những nước cống chảy đen xì, mùi hôi tanh, cả năm trừ mùa mưa dầm với mùa nắng hạ bước chân ra đường là cái tội, duy có mùa tạnh ráo thời lại là mùa hanh, đi ngoài đường gặp cái xe ô-tô chạy qua thời mồm, mũi, tai, mắt như hứng lấy một rổ bụi ném vào; như thế phỏng còn sướng gì? Ở đời không có cái thú gì giản-dị và rẻ tiền bằng cái thú đi thơ-thẩn ngoài đường, ngắm người ngắm cảnh. Cái thú ấy ở nước ta cũng ít khi được hưởng. Ở đây thời sự đi tản-bộ ngoài đường phố không những là một cái thú vui, mà lại là một bài học cho khách du-lịch nữa, vì trong khi đi thơ-thẩn như thế, xem xét được nhiều điều hay lắm, và khác nào như hô-hấp sâu được cái không-khí riêng của cái nơi mình ở. Rồi sau về nhà hồi-tưởng lại, nhớ đến một cái góc phố kia, một cái cửa hàng nọ, một cái nét mặt người, một cái giọng cười nói, cũng đủ hình-dung được cái cảnh-tượng, cảm-giác được cái linh-hồn những nơi mình đã qua. Tôi cho là thật người du-lịch

phải đi bộ, và nói ra thì có người cho là hủ-lậu, nhưng cách du-lịch không gì bằng đi võng đi cáng như các cụ ta đời xưa. Đến xem xét một xứ nào mà chạy cái xe hơi vùn-vụt, như muốn cho chóng xong để đi nơi khác, như thế còn có thú-vị gì, và còn xem được gì?

Buổi chiều hôm nay đi tự nhà ga *Perrache* đến nơi công-trường *Bellecour*, rồi lên xe điện ra nơi công-viên *Tête d'or*, vào trong vườn chơi mãi đến tối mới về. Công-trường *Bellecour* và công-viên *Tête d'or* là hai nơi thắng-cảnh đệ-nhất thành *Lyon*. Công-trường *Bellecour* là một cái sân lớn rộng thênh-thang, hình chữ nhật, bề dài 310 thước, bề ngang 200 thước, trong có những vườn cây, máy nước, và ở chính giữa có một cái tượng lớn vua Louis thứ 14 cỡi ngựa. Chỗ này là chỗ họp-tập những người sang-trọng ở thành *Lyon*, chiều chiều ra chơi mát, uống rượu nghe kèn. Người ta nói nội các công-trường (*places publiques*) trong thế-giới, nơi này có lẽ vào bậc nhất nhì, kiểu-cách với bề-thế cũng chẳng kém gì nơi Cộng-hòa-trường (*Place de la Concorde*) ở *Paris*. — Còn công-viên *Tête d'or* thời tuy gọi là cái vườn nhưng thực là một cái rừng nhỏ, có cây rậm, có hồ trong, có trại động-vật, có trại thực-vật, cũng là một chỗ đi chơi thanh-thú.

Bấy giờ rưỡi về khách-sạn ăn cơm tối. Chỗ này ăn-uống lịch-sự lắm, người hầu-hạ rất mực phép-tắc, khách ăn cũng toàn người sang cả.

Ăn cơm xong lại đi dạo chơi phố một hồi, cho biết cái cảnh-tượng *Lyon* ban đêm. Sánh với *Marseille* vào giờ này thì thật buồn rứt; trừ mấy chỗ có nhà cà-phê còn có người ngồi, đến các nơi khác từ 9 giờ trở đi là vắng tanh. Về trọ ngủ cũng yên lặng và im phăng-phắc, không có tiếng người tiếng xe như ở *Marseille*.

(*Còn nữa*)

Pu. Q.

Hoa-đường ngữ-lục

Khôn cho người ta dài, dại cho người ta thương, dở-dở ương-ương chỉ tổ người ta ghét. Trong xã-hội ta, cái hạng người dở-dở ương-ương ấy thật nhiều: khôn không hẳn khôn, vì học-thức không có gì, kinh-lịch cũng chửa mấy, làm việc thời không thạo, giao-thiệp cũng chẳng sành; dại không hẳn dại, vì không chịu ngồi dựa cột mà nghe bao giờ, việc gì cũng muốn dính vào, chuyện gì cũng muốn có câu, ngồi tụm giăm ba kẻ thời nghị-luận tung-hoành, bình-phẩm kẻ nọ người kia, thường không coi ai ra gì cả, mà không nghĩ đến mình đã hơn ai chưa? Người khôn thời đã không phải nói rồi; người dại còn có tính thật-thà, nghe người ta nói phải, biết phục-tòng, mong có ngày rạng dần ra và bớt dại đi. Đến kẻ dở-dở ương-ương thời không sao mong hóa được, vì bất-cứ nói phải trái, hễ nghe nói là giương cổ lên cãi rồi, mà toàn cãi gân cãi bướng cả. Ở nhà quê là bọn kỳ-mục «nát»; trong phái cựu-học là những ông đồ gàn; ở kẻ chợ là mấy bác gặp dịp kiếm được ít xu, cũng muốn lên mặt thượng-lưu, ngồi đâu cũng trường-khoát nghị-luận thời-thế, mà chẳng biết thời-thế là cái gì; trong phái tân-học thời là những cậu học-hành dở-dang, những hạng «văn-sĩ nổi», chữ tây không thông, chữ tàu cũng mít, thuộc được ít nhiều câu sáo ở trong các báo quốc-ngữ, cũng ba-hoa lên mặt cao-đàm hùng-luận, mà chẳng có cái chủ-ý định-kiến gì cả. Giỏi thời giỏi hẳn cho người ta kính-phục, dốt thời dốt hẳn cho người ta dạy bảo; dở-dở ương-ương thật là khó xử quá. Mà bọn đó lại nhiều lắm: thế có nguy không?

Hoa-đường.

ĐẠO-GIÁO[1]

(Đạo Lão-tử)

II

Sống ở dời thì ta nên thế nào là phải? Một hôm Án Bình-Trọng hỏi Quản Di-Ngô cách dưỡng-sinh. « Quản Di-Ngô trả lời rằng : 肆之而已。勿塞勿閼。(2), để thả rông mà thôi, đừng ngăn đừng lấp, nghĩa là tai muốn nghe gì cứ cho nghe, mắt muốn trông gì cứ cho trông. mũi muốn ngửi gì cứ cho ngửi, miệng muốn nói gì cứ cho nói, thân-thể ưa gì cứ cho tùy thích, ý muốn làm gì cứ cho làm. Hễ tai nghe thanh-âm mà không được nghe, là lấp cái suốt ; mắt muốn trông mà không được trông, là lấp cái sáng; mũi muốn ngửi hương thơm mà không được ngửi, là lấp cái thông hơi ; miệng muốn đàm-đạo điều phải, điều trái, mà không được nói, là lấp trí khôn ; thân-thể ưa sự tốt đẹp sung-sướng, mà không được như ý, là lấp cái sở-thích ; ý muốn làm điều phóng-dật mà không được thực-hành, là lấp cái chí-hướng. Phàm những cái ủng-ứ là cái chủ đại-ngược, bỏ những cái chủ đại-ngược ấy đi mà vui-vẻ hớn-hở, được ngày nào hay ngày ấy, được tháng nào hay tháng ấy, được một năm, mười năm nào hay một năm, mười năm ấy, bao giờ chết thì thôi, ấy thế là dưỡng-sinh. Nếu còn e-lệ giữ những cái chủ đại-ngược, bo-bo không dám buông ra, tuy sống lên đến một trăm năm, một nghìn năm, một vạn năm, mà cứ rầu-rĩ cả dời thì không phải là cách dưỡng-sinh của ta. » — Quản Di-Ngô lại hỏi lại Án Bình-Trọng rằng : « Ta đã bảo ngươi cái cách dưỡng-sinh, còn cách tống-tử là thế nào ? » — Án Bình-Trọng nói : « Ta đã chết rồi còn có việc gì đến ta nữa, đốt đi cũng được, dìm xuống nước cũng được, chôn xuống đất cũng được, để phơi ra cũng được, bó chiếu mà ném ra ngoài lạch cũng được, khâm-liệm bằng gấm vóc mà để vào áo quan bằng đá cũng được, tùy được thế nào thì hay thế ». — Quản Di-Ngô ngoảnh lại bảo những người bạn khác rằng : « Cái đạo sinh-tử chỉ có hai chúng ta là thấu được mà thôi. » Nghĩa là sống ở đời là phải để tùy cái tính tự-nhiên của người ta, đừng có ngăn-trở cái gì cả. Trời đất sinh ra người đã cho đủ cả thân-thể trí-tuệ và các giác-quan, thì cái lẽ đương-nhiên là để cho cái gì cũng được thung-dung mà cử-động, không bị ngăn cấm đè nén. Có thế mới thuận cái lẽ tự-nhiên của Đạo.

Ấy là đại-lược những cái tư-tưởng của Liệt-tử về sự tạo-hóa trời đất và cuộc sinh-hóa vạn-vật trong thế-gian. Những cái tư-tưởng ấy đủ tỏ cho ta biết rằng Liệt-tử không những là một tay cự-phách trong phái Đạo-giáo, mà lại là một nhà triết-học rất cao-kỳ ở phương Viễn-Đông ta.

Liệt-tử thường dùng những chuyện vấn-đáp để bày tỏ cái tôn-chỉ Đạo-giáo, có lắm chuyện ý-nghĩa thật là cao xa ; nhưng có lắm chuyện thật là huyền-hoặc, như những chuyện nói về thần-

(1) Tiếp kỳ trước. Xem N.-P. số 67, trang 21-32.

(2) Liệt-tử: Dương-Chu.

tiên và phép tu-luyện ở trong thiên *Hoàng-đế*, thiên *Chu Mục-vương* và thiên *Thang-vấn*. Chắc đấy là Liệt-tử có ý lấy cái nghĩa bóng những chuyện ấy để tỏ cái huyền-diệu của Đạo là thế nào, nhưng về sau phái Đạo-sĩ nhân lấy những chuyện ấy mà đặt ra lắm chuyện hoang - đường, để đánh lừa những kẻ ngu.

Tuy thế mặc lòng, sách *Liệt-tử* vẫn là quyển sách nên xem mà ngẫm-nghĩ cho tinh-tường, thì về sự học chắc cũng có phần ích-lợi. Miễn là ai xem cũng nên chú-ý vào cái huyền-lý của Lão-học, thì mới hiểu được cái ý-nghĩa những chuyện kỳ - dị trong những sách như *Liệt-tử* và *Trang-tử*.

Trang-tử cũng theo cái tôn-chỉ Lão-học và cái lối đặt chuyện như Liệt-tử mà làm ra,bộ sách ba mươi ba thiên. Cái tư-tưởng cũng sâu-xa như Liệt-tử, nhưng cái văn-từ thì thật là hùng-hào hơn nhiều. Không biết có phải là chính Trang-tử viết ra quyển sách ấy hay là về sau môn-đệ góp nhặt những lời thầy dạy mà xếp thành sách, thì ta nay không rõ, nhưng cái từ-chương, cái văn-khí, thì chắc là từ xưa đến nay chưa ai đã vượt qua được cái tài của Trang-tử.

Có người xem sách *Trang-tử* rồi phê rằng : « Văn Trang-tử là một thứ văn vừa *cao*, vừa *kỳ*, vừa *hùng*, vừa *biện*. Các nhà văn còn có phọc-thúc, văn Trang-tử, thì như cơn gió ở bể, đám mây trên trời, phóng - túng tự-như không có phọc-thúc gì cả. Xưa nay ai chẳng cho trời đất là to lớn, Trang-tử nói được cái đạo-lý có thể bao-quát cả trời đất. Xưa nay ai còn vượt khỏi được vòng cổ kim, Trang-tử tìm được cách nói vượt thoát được vòng ấy. Thông-minh trí-tuệ còn ai chẳng cho là đế-vương thánh-hiền, Trang-tử nói đến đạo-lý để rèn đúc ra đế-vương, siêu-việt được thánh - hiền. Người ta ai cũng lẩn-quẩn về những sự phú-quí, bần-tiện, sinh-tử, Trang-tử nói tách-bạch ra là phú-quí phi-vinh, bần-tiện phi-bệnh, sinh-kỳ tử-qui. Vì có thứ văn ấy cho nên không những duy-trì được Lão-học, mà lại khiến cho nho-gia cũng hấp-thụ cái tinh-thần tư-tưởng của Lão-học ».

Cứ theo *Trang-tử liệt-truyện* trong *Sử-ký* của Tư-Mã Thiên, thì Trang-tử là người đất Mông (nay là Mông-thành thuộc tỉnh An-huy bên Tàu), tên là Chu, thường làm Tất-viên-lại cùng thời với Huệ-vương nước Lương (370-333) và Tuyên-vương nước Tề (332-314). Trang-tử học rộng, sách nào cũng biết, song cốt-yếu học chuyên về Lão-tử, cho nên làm sách hơn mười vạn lời nói, đều là nói ngụ-ngôn cả. Làm ra thiên *Ngư - phủ*, *Đạo-Trích*, *Khư - nịp* bài - bác phái Khổng - học để phát-minh cái học-thuật của Lão-tử. Nói những chuyện Úy-Lũy, Hư-khâng, Trang-tử đều là nói đặt không có sự thực, song khéo bày chuyện đặt lời, lấy việc không có, làm giống sự thực, để chê bẻ đạo Nho đạo Mặc, dẫu những kẻ học giỏi thời bấy giờ cũng không tránh khỏi được những lời chê bẻ ấy. Cách lập-ngôn của Trang-tử, mênh-mông bát-ngát, nói hả được ý của mình mà không có câu-thúc gì cả, cho nên vương-công đại-nhân không thể nhận xem văn Trang-tử mà hạn-lượng cái nhân-phẩm của Trang-tử là người thế nào được.

Uy-vương nước Sở nghe tiếng Trang-tử, sai sứ đem hậu-tệ đón về làm tướng. Trang-tử cười bảo sứ-giả rằng : « Nghìn vàng tuy là lợi to thật, khanh-tướng tuy là ngôi tôn thật, nhưng ngươi không thấy con hy-ngưu để tế Giao hay sao ? nuôi béo được vài năm cho mặc đồ văn-tú, rồi đem vào thái-miếu để làm thịt ; lúc bấy giờ muốn

làm con lợn một mình có được không? Ngươi đi ngay, đừng làm bận ta ; ta thả vui chơi ở trong chỗ cô-độc, còn hơn phải những người hữu-quốc mi-lặc ta, cả đời ta không làm quan để thỏa cái chí của ta ».

Ngay ở trong sách *Trang-tử*, có thiên « Thiên-hạ » chắc là một thiên của người học-trò Trang-tử, hay là của một người nào về sau thêm vào để phê-bình các học-phái về đời Chu-mạt, nói rằng : « Trang-tử lấy những chuyện mậu-du, những câu hoang-đường, những lời không có căn-cứ đâu cả, để giải-thích những sự mờ-mịt không có hình, biến-hóa không thường, hoặc sự sống sự chết, hay là việc trời đất thần-minh, vạn-vật đi lại biến-hóa. Vì Trang-tử cho cái tư-chất của thiên-hạ là chìm là đục, không thể dùng chính-luận để hiểu-dụ được, cho nên mới dùng « chi-ngôn » để bày tỏ ra, dùng « trọng-ngôn » để chứng những sự thực, dùng « ngụ-ngôn » để mở rộng ý-kiến. Một mình đi lại chơi với thiên-địa tinh-thần, không vướng-vít với vạn-vật, và cũng không bàn thị-phi với thế-tục. Sách *Trang-tử* tuy kỳ-quặc, song cũng là vẫn theo sự-vật, mà không hại gì. Lời văn Trang-tử tuy không chỗ nào giống chỗ nào mà cách biến-hóa làm cho người ta ai đọc cũng thích. Cái đạo-lý của Trang-tử sung-thực không thể nào ngăn giữ lại được : trên thì chơi với đấng tạo-vật (tức là thái-cực) ; dưới thì chơi với những bậc ở ngoài vòng sinh-tử và không có thủy-chung. Cách lập-ngôn của Trang-tử thì rộng-rãi, sâu-sắc, không biết thế nào là cùng-tận. Cái tôn-chỉ của đạo Trang-tử, thì từ thấp lên cao không cái gì bằng được ».

Đấy là những lời của người ta phê-bình cách tư-tưởng và tài văn-chương của Trang-tử. Còn chính Trang-tử tự mình cũng kể rõ ở đầu thiên « ngụ-ngôn » cái lẽ tại làm sao mà phải dùng những « ngụ-ngôn », « trọng-ngôn » và « chi-ngôn ». Trang-tử nói rằng : « Trong mười câu thì ta phải dùng chín câu « ngụ-ngôn 寓言 », nghĩa là mượn lời bàn của người ngoài, khen chê không phải tự mình, như là cha không khen con hay, sợ người ta ngờ là thiên-tư. Ta không nói thật, phải mượn ngụ-ngôn không phải là lỗi ta, tại là lỗi người đời không nghe lời nói thật : người ta thường lấy ý mình mà phân phải trái : đồng-ý với mình thì mình theo, không đồng-ý với mình thì mình không theo ; hợp-ý mình thì cho là phải, khác ý mình thì cho là trái.

« Trong mười câu thì ta phải dùng bảy câu « trọng-ngôn 重言 » là để tránh khỏi sự tranh-biện, vì đã chọn những lời nói của các bậc kỳ-ngải ngày trước mà ai ai vẫn thường tôn-trọng, thì không ai cãi nữa. Song cũng phải chọn những lời nói hay, chứ dẫu người xưa sinh trước ta thật, mà không biết kinh-vĩ bản-mạt, thì dù là người xưa, nhưng cũng không có giá-trị gì.

« *Chi-ngôn nhật xuất, hòa dĩ thiên nghê*, 巵言日出。和以天倪。 nghĩa là lời nói tùy-vật mà biến đổi, ngày ngày mới lạ vô-cùng, mà chỉ thuần giọng tự-nhiên, chứ không thêm chút tư-ý nào cả ; dùng những lời ấy để bày tỏ mọi lẽ cho bao giờ người ta cũng hiểu, cũng thích. Vì có cái giọng tự-nhiên ấy, cho nên không nói mà người ta ai cũng có thể hiểu được, chứ nói mà người ta không hiểu, thì dù nói cũng như không. Cho nên có câu : « vô-ngôn » nghĩa là hình như không nói ; tuy nói cả đời mà cũng hình như không nói, mà tuy không nói lại hơn người nói. »

Thiết-tưởng sách *Trang-tử* là sách rất khó xem, có lắm chuyện hoặc viển-vông, hoặc ngoắt-ngoéo quá

chừng, chẳng khác gì đi vào rừng rậm, vậy nên phải dẫn những điều đã nói trên kia để làm tiêu-biểu cho mình khỏi lầm-lạc. Trang-tử thiên về Lão-học, mà rất ghét cái đạo tầm-thường của Nho-giáo ; cho một đàng thì rộng-rãi mênh-mông như trời như bể, một đàng thì hẹp-hòi nhỏ mọn như cái giếng cái sông (1). Bởi thế cho nên Trang-tử hay đặt ra lắm chuyện để bài-bác Khổng-tử, nhất là thiên *Khư-nip*, thiên *Ngư-phủ* và thiên *Đạo-Trích*, thì thật là kịch-liệt lạ-lùng. Nay tôi tưởng nên lược-dịch thiên *Đạo-Trích* ra đây để mọi người được hiểu rõ cái lối văn và những ý-kiến của Trang-tử. Không phải là tôi có ý bới móc sự hủy-báng thánh-hiền, nhưng cốt để tỏ cái cách tư-tưởng tự-do về thời-đại chưa bị một cái đạo độc-tôn nó ngăn-cấm mất sự vẫy-vùng của tinh-thần người ta.

Khổng-tử là bạn thân với Liễu Hạ-Qui (tức là Liễu Hạ-Huệ) Liễu Hạ-Qui có người em tên là Đạo-Trích, dem thủ-hạ chín nghìn người, hoành-hành thiên-hạ, xâm-bạo chư-hầu, cướp bóc vợ con, trâu ngựa của người ta, không đoái-hoài gì đến cha mẹ anh em, không thờ phụng tổ-tiên, đi qua chỗ nào, nước lớn thì phải giữ thành, nước nhỏ thì phải rào lũy, muôn dân lấy làm khổ-sở lắm.

Khổng-tử bảo Liễu Hạ-Qui rằng : « Làm cha thì phải dạy con, làm anh thì phải dạy em ; nếu cha không biết bảo con, anh không biết bảo em, thì bậc phụ-huynh còn quí gì nữa. Nay tiên-sinh là bậc tài-sĩ đời nay, em là Đạo-Trích làm hại thiên-hạ mà không biết dạy, tôi lấy làm xấu-hổ thay cho tiên-sinh. Vậy tôi xin thay tiên-sinh để đi khuyên-răn xem sao ». — Liễu Hạ-Qui trả lời rằng : « Tiên-sinh nói cha nên dạy con, anh nên dạy em. Song con phải đứa không biết nghe cha, em phải đứa không biết nghe anh, thì dù tiên-sinh khéo nói thế nào, cũng chẳng làm gì được. Vả em tôi bụng nó như suối chảy, ý nó như gió thổi, sức mạnh đủ chống với kẻ thù-nghịch, khẩu-biện đủ chữa cái lỗi của mình. Ai tôn-nịnh nó thì nó thích, ai phật-ý nó thì nó giận, lại hay lấy lời nói mà sỉ-nhục người ta. Tiên-sinh không nên đi ».

Khổng-tử không nghe, sai Nhan-Hồi cầm cương xe, Tử-Cống ngồi cạnh bên tay phải, đi đến Đạo-Trích. Lúc bấy giờ Đạo-Trích đang cho sĩ-tốt nghỉ ở bên nam núi Thái-sơn, nướng gan người để ăn cơm. Khổng-tử xuống xe bảo Yết-giả là người coi việc tiếp khách rằng : « Tôi là Khổng Khâu người nước Lỗ, nghe tiếng tướng-quân là người cao-nghĩa, kính lạy xin cho vào hầu. » Yết-giả vào nói với Đạo-Trích. Trích nghe nói giận lắm, mắt sáng quắc lên như sao, tóc đứng ngược lên trên mũ bảo rằng : « Có phải là Khổng Khâu người xảo-ngụy nước Lỗ đó không? Ra bảo người ấy như thế này : « Anh bày đặt ra ngôn-ngữ nói dối là của vua Văn vua Vũ, đội mũ văn-sức rườm-rà như cành cây, đeo cái đai da bò, nói lếu nói láo, không làm ruộng mà có thóc ăn, không dệt vải mà có áo mặc, máy môi múa lưỡi, bịa đặt ra thị-phi, để lừa-dảo vua chúa, khiến kẻ sĩ-tử trong thiên-hạ không biết trở lại cái bản-tính, chỉ vọng-tác hiếu-dễ, cầu-may để được phú-quí. Tội anh đã to lại nặng, anh nên chạy về ngay, không thì ta sẽ lấy thêm gan để ăn cơm buổi sáng nay. » — Yết-giả ra bảo Khổng-tử. — Khổng-tử nói rằng : « Vì tôi được quen ông Qui, xin cho tôi vào để được trông thấy dép ở dưới màn. » — Yết-giả lại vào thông với Đạo-Trích. — Trích bảo

(1) Trang-tử : Thu-thủy.

cho vào.— Khổng-tử đi giảo lên mà tiến, tránh chiếu đi giật lùi, lạy hai lạy. — Đạo-Trích giận lắm, xạng hai chân, cầm gươm, trợn mắt, thét lên như tiếng cọp mà bảo rằng : « Khổng-Khâu kia lại đây, ngươi nói thuận ý ta thì sống, trái ý ta thì chết. » — Khổng-tử nói rằng : « Khâu này nghe trong thiên-hạ có ba đức : sinh ra mà to lớn, đẹp tốt không ai bằng là thượng-đức ; biết được trời đất, biện được vạn-vật là trung-đức ; khỏe mạnh quả-cảm, họp được nhiều chúng, đem được nhiều quân là hạ-đức. Trong ba điều ấy hễ có một điều cũng đủ ngồi ngoảnh mặt về phương nam mà xưng cô rồi. Nay tướng-quân có đủ cả ba đức, mình dài tám thước, mặt mắt sáng-sủa, môi đỏ như son, răng như hàng ngọc, tiếng như luật hoàng-chung, mà gọi là Đạo-Trích, thật là Khâu này trộm lấy làm thẹn thay, mà không chịu. Nếu tướng-quân nghe tôi, tôi xin phía nam đi sứ nước Ngô nước Việt, phía bắc đi sứ nước Tề nước Lỗ, phía đông đi sứ nước Tống nước Vệ, phía tây đi sứ nước Tấn nước Sở, khiến các nước ấy vị tướng-quân mà làm ra thành lớn vài trăm dặm, lập ra một ấp vài mươi vạn nhà, tôn tướng-quân làm một ông vua chư-hầu, cùng thiên-hạ canh-thủy, nghĩa là xúy-xóa chuyện cũ, cho nghỉ binh-tốt, thu-dưỡng con em, cúng tế tổ-tiên, như thế là cái nết tốt của thánh-nhân tài-sĩ, mà thiên-hạ ai cũng trông mong vào tướng-quân » — Đạo-Trích nổi giận lên trả lời rằng : « Khâu kia lại đây. Nội những người có thể lấy lợi dỗ được, lấy lời nói răn được, đều là phường ngu-lậu cả. Ta nay to lớn đẹp-đẽ, ấy là cái di-đức của cha mẹ ta, Khâu dẫu chẳng khen ta, ta há lại không biết hay sao ? Vả, ta xem ai hay khen người đàng trước mặt, là hay chê người đàng sau lưng ; nay ngươi đem những chuyện thành to dân nhiều bảo ta, ấy là ngươi định lấy lợi dỗ ta mà cho ta cũng như là thường-dân, ta không nghe được. Kể cái thành to còn cái thành nào to bằng cả thiên-hạ, vua Nghiêu vua Thuấn có thiên-hạ mà con cháu không có chỗ đất để cắm dùi ; vua Thang vua Vũ làm thiên-tử mà con cháu tuyệt-diệt, đều vì một cái lợi to quá cho nên thành ra thế.

« Vả, ta nghe nói chuyện lại rằng : Đời xưa cầm-thú nhiều mà người ít, người ta làm tổ trên cây để ở, ban ngày nhặt hoa-quả ăn, ban đêm lên cây ngủ, cho nên gọi là « dân hữu-sào ». Đời xưa không biết ăn mặc, mùa hè chứa củi, mùa rét đốt lên để sưởi, cho nên gọi là « dân tri-sinh ». Đến đời Thần-Nông làm ăn tự-nhiên, dân biết có mẹ, không biết có cha, ở lẫn với hươu-nai, cày lấy mà ăn, dệt lấy mà mặc, không ai có bụng hại ai, thế mới gọi là đời « tri-đức ». Về sau Hoàng-đế không có đức, đánh nhau với Suy-Vưu ở Trác-lộc, máu chảy trăm dặm. Nghiêu, Thuấn, mới lập ra quần-thần, vua Thang đuổi chúa Kiệt, vua Vũ giết Trụ-vương, từ đấy trở về sau, chỉ cậy mạnh ăn hiếp yếu, cậy nhiều ăn hiếp ít, đều là loạn-nhân-chi-đồ cả.

« Nay ngươi sửa đạo Văn Vũ, làm một người biện-thuyết trong thiên-hạ để dạy đời sau, kiều-ngôn ngụy-hạnh để mê-hoặc vua chúa, mà cầu được phú-quí, còn trộm nào to bằng ngươi nữa, thế mà thiên-hạ sao không gọi ngươi là Đạo-Khâu mà lại gọi ta là Đạo-Trích ? Ngươi dỗ ngon dỗ ngọt Tử-Lộ để theo ngươi, khiến Tử-Lộ bỏ cái mũ cao, cởi thanh gươm dài, đi làm học-trò ngươi, thiên-hạ ai cũng cho là ngươi có thể ngăn được kẻ bạo, cấm được điều trái. Chung-qui Tử-Lộ muốn giết vua nước Vệ, sự không thành đến nỗi phải làm mắm bêu ở đông-môn nước Vệ. Thế là cái sự

giáo-thụ của ngươi không ra gì. Ngươi tự cho ngươi là thánh-nhân tài-sĩ có phải không? Thế mà hai lần phải đuổi ở nước Lỗ, phải tước-tích ở nước Vệ, phải cùng ở nước Tề, phải vây ở Trần Thái, trong thiên-hạ không có chỗ nào mà dung thân, dạy được Tử-Lộ để làm mầm, trên không làm gì được cho mình, dưới không làm gì được cho người, còn qui-hóa gì cái đạo của ngươi!

« Người đời ai cũng khen Hoàng-đế, Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Vũ, thế mà Hoàng-đế đánh nhau ở Trác-lộc, máu chảy hàng trăm dặm. Nghiêu thì bất-từ, Thuấn thì bất-hiếu, Hạ Vũ thì chỉ biết sung-sướng lấy một mình, Thang, Vũ thì đuổi cả vua, Văn-vương thì phải tù ở Dữu-lý. Sáu người ấy đều là vì lợi làm mê mất cả cái thiên-chân, mà làm phản cả cái tính-tình tự-nhiên, thật đáng là xấu-hổ lắm. Đời vẫn cho hiền-sĩ như Di, Tề thì chết đói ở Thủ-dương; như Thân-Đồ can vua không nghe, thì ôm đá nhảy xuống sông mà chết; như Thôi-tử cắt thịt đùi cho Văn-công ăn, sau chịu chết cháy ở trong rừng; như Vĩ-sinh hẹn với con gái ở dưới cầu, con gái không đến mà nước lên, chịu ôm cột cầu mà chết. Những người ấy đều vị-danh khinh chết, không biết nghĩ đến bản-dưỡng thọ-mệnh. Đời vẫn cho là trung-thần như Tỉ-Can, Tử-Tư, thì một người phải mổ ruột, một người phải vất xuống sông, thế thì trung cũng không quí gì.

« Ngươi có thể đem việc quỉ nói chuyện cho ta nghe, thì ta không biết; còn như việc người, thì cũng chỉ có thế mà thôi, ta biết hết cả rồi. Nay ta bảo ngươi lấy cái thường-tình của người ta: mắt muốn trông sắc đẹp, tai muốn nghe tiếng hay, miệng muốn ăn của ngon, chí-khí muốn cho thỏa-thích. Thượng-thọ được trăm tuổi, trung-thọ thì tám mươi, hạ-thọ thì sáu mươi; trừ lúc ốm, lúc đau, lúc lo, lúc buồn, trong một tháng vui cười được độ bốn năm ngày. Trời đất vô-cùng, người ta chết có hạn, đem một cái mang có hạn mà gửi vào trong quãng vô-cùng, cũng chóng như bóng con ngựa chạy qua cái lỗ hở, ai không biết thích lấy chí-khí của mình, dưỡng lấy thọ-mệnh của mình, đều không phải bậc thông-đạt cả. Những lời của ngươi nói ta không dùng được, bước ngay đi, đừng nói nữa, đạo của ngươi hư-xảo, dối-dá, không phải là thứ đạo toàn được chân-tính, ta không bõ nghị-luận làm gì. »

Khổng-tử lạy hai lạy, lui ra khỏi cửa, lên xe cầm cương ngựa, mắt mờ không thấy gì, mặt xạm như tro, về đến đông-môn nước Lỗ, gặp Liễu Hạ-Qui hỏi rằng: « Có phải tiên-sinh vừa đi thăm Đạo-Trích về đấy không? » — Khổng-tử thở dài mà nói rằng: « Phải, tôi thực là bỗng dưng không có bệnh gì mà đem chữa bệnh. Xoa đầu cọp, vuốt râu cọp, tí nữa thì không khỏi miệng cọp! »

Đấy là một chuyện Trang-tử bịa đặt ra để bác đạo Khổng, và để tỏ cái tôn-chỉ Lão-học, chứ không phải là chuyện thật, nhưng cái cách đặt chuyện thì khéo và lại có lắm ý-tứ rất nên đem mà ngẫm-nghĩ.

Về đường Lão-học thì Trang-tử phu-diễn những cái lý-thuyết đã nói ở sách *Đạo-đức-kinh* và sách *Liệt-tử*, cho trời đất vạn-vật đều do Đạo mà sinh ra. Đạo thì có thể cảm-giác được, có thể tin là có được, mà vẫn vô-vi vô-hình, có thể truyền được mà không nhận lấy được, có thể hiểu biết được mà không trông thấy được. Trước khi có trời đất, thì Đạo đã có rồi, mà vốn là tự-bản tự-căn, chứ không phải bởi đâu mà sinh ra, và bao giờ cũng thế, không biến đổi chút nào. Trời

đất cũng bởi Đạo mà sinh ra, thượng-đế quỉ-thần cũng bởi Đạo mà linh-thiêng. Đạo ở trên thái-cực mà không lấy làm cao, ở dưới lục-cực (trời đất và bốn phương) mà không lấy làm sâu, sinh ra trước trời đất mà không lấy làm lâu, trước đời thượng-cổ mà không lấy làm già 夫道有情有信。無爲無形。可傳而不可受。可得而不可見。自本自根。未有天地自古以固存。神鬼神帝。生天生地。在太極之先而不爲高。在六極之下而不爲深。先天地生而不爲久。長於上古而不爲老 (1). Đại-lược thì Đạo thật là to-tát bao-quát cả trời đất cổ kim, lúc nào cũng thế, mà đâu đâu cũng có, không-gian, thời-gian đều ở trong Đạo cả, mà bao giờ cũng như bấy giờ, chứ không có cổ-kim trước sau gì cả 無古無今。無始無終 (2). Không có cái gì ra ngoài Đạo được ; dẫu to đến đâu cũng vẫn ở trong Đạo, mà nhỏ thế nào Đạo cũng không bỏ sót. To lớn mênh-mông, không cái gì là Đạo không bao-quát, sâu-xa thăm-thẳm, không thể nào đo lường được 夫道於大不終。於小不遺。故萬物備。廣乎其無不容也。淵乎其不可測也。(3).

Cái Đạo thể là thế, còn cái chân-tinh của Đạo là cốt ở *hư-tĩnh điềm-đạm, tịch-mịch vô-vi*, 夫虛靜恬淡寂寞無爲者。天地之平。而道德之至。萬物之本。(4). Những cái chân-tinh ấy là cái thăng-bằng của trời đất, cái cực-điểm của đạo-đức và cái gốc của muôn vật. Bởi thế cho nên những người đã hiểu được Đạo thì bao giờ cũng lấy đấy làm cái đích cho sự động-tác hành-vi của mình, chứ không cầu danh-lợi, nhân-nghĩa, cho những điều ấy là tư-tâm, vụ lấy cái kiểu-sức, không hợp với cái lẽ tự-nhiên của tạo-hóa. Những người đã thông-đạt được Đạo, thì gọi là « chân-nhân », nghĩa là người không yêu sự sống, không ghét sự chết, sinh ra ở đời không lấy làm thích, mà khuất đi cũng không lấy làm chán, cứ mặc kệ, lúc nào đi thì đi, lúc nào lại thì lại, chỉ biết lúc khởi đầu sinh ra, chứ không lo đến lúc cuối cùng hết đi ; được thế nào hay thế, đến lúc mất thì thôi, không lấy cái tư-tâm mà làm hại Đạo, mà cũng không lấy sức người mà ngăn-trở việc trời (5). Không dụng-tâm mà thành ra cao, không cần đến nhân-nghĩa mà hay, không dùng đến công-danh mà trị, cứ đạm-nhiên không thiết gì cả, thế là tự-khắc có đủ điều hay (6). Bởi vậy người đời xưa không lấy sự biện-bác để trang-sức cái trí khôn, mà cũng không lấy cái trí khôn để làm cho thiên-hạ phải chịu mình, hay là cho kiệt hết cái thiên-đức của mình. Cứ tự-nhiên ở vào đâu thì hay đấy mà giữ được cái bản-tính là đủ. Đạo không cần làm những việc nhỏ, đức không cần biết những điều nhỏ, vì là những cái nhỏ-nhặt ấy làm hại đạo hại đức (7).

Người ta sinh ra ở trong khoảng trời đất này, chẳng khác gì cái bóng mặt trời thoáng qua trước cái khe cửa. Đường sinh-tử là cái lối đi ra đi vào của vạn-vật. Sự đi lại ấy thật là nhẹ-nhàng, dễ-dàng, ai ai cũng thế, chứ không ai khác ai. Vì sự hóa mà sinh, rồi lại vì sự hóa mà tử, vậy thì việc gì mà ta lo, ta buồn. Những người lấy sự sống chết làm lo làm buồn là người không biết gì, khác nào như muốn đem cất cái cung của trời, thắt cái túi áo của trời. Làm trái với mệnh trời,

(1) Trang-tử : Đại-tôn. — (2) Trang-tử : Tri-bắc-du. — (3-4) Trang-tử : Thiên-đạo.
(5) Trang-tử : Đại-tôn. — (6) Trang-tử : Khắc-ý. — (7) Trang-tử : Thiện-tình.

thì làm sao được. Ta nên để mặc cái cung trời lúc dương lúc trùng, cái túi áo trời lúc mở lúc xếp, cứ biết rằng cái lẽ sống chết là một lẽ thay đổi, vừa liên-tiếp, vừa thong-thả, khi hồn phách ở, thì thân mình ở, khi hồn phách đi thì thân mình đi theo, cùng về cả trong quãng thái-hư mà thôi 解其天弢。墮其祅。紛乎。宛乎。魂魄將往。乃身從之。乃大歸乎。(1).

Sự sống chết là thế, thì việc gì mà lo sợ. Chẳng qua mình lo sợ là lo sợ cái mình chưa biết ra thế nào, chứ biết đâu sự thay đổi của tạo-hóa là một sự hay. « Ngày xưa người con gái đẹp đất Lệ sang lấy vua nước Tấn, lúc ở nhà đi ra thì kêu khóc. Đến lúc về ở với vua được đủ mọi điều sung-sướng, lúc ấy mới hối sự mình đã kêu khóc. Thế thì biết đâu người chết rồi lại không hối lúc trước mình đã cầu sống. Thường đêm nằm chiêm-bao uống rượu, sáng dậy có sự buồn rầu, hoặc đêm nằm chiêm-bao thấy sự buồn-rầu, sáng dậy có sự vui-vẻ, nghĩa là sự chiêm-bao và sự thực không giống nhau. Đương lúc mình chiêm-bao, mình không biết là chiêm-bao, mà trong lúc chiêm-bao mình vẫn đoán việc chiêm-bao, mãi đến khi tỉnh dậy thì mới biết là chiêm-bao thật. Chỉ có bậc đại-giác, thì mới biết được cuộc đời là một giấc chiêm-bao lớn mà thôi, còn người ngu thì chiêm-bao mà vẫn cho là tỉnh, rồi tưởng mình chủ-tể được cái tâm-trí ấy (2). Hãy thí-dụ như ta nằm mê hóa làm con chim bay ở trên trời, hóa làm con cá lặn ở dưới vực, trong lúc đó mình có biết được mình chiêm-bao hay là mình tỉnh không (3)? Ngày xưa Trang-Chu nằm chiêm-bao làm con bươm-bướm phấp-phơ hớn-hở, tự lấy làm thích-chí lắm, không biết mình là Chu nữa. Bỗng chốc tỉnh dậy, thì lại sờ-sờ là Chu, không biết Chu nằm chiêm-bao làm con bươm-bướm, hay là con bươm-bướm nằm chiêm-bao làm Chu. Chu cùng với con bươm-bướm tất là khác nhau, vậy thì vạn-vật hóa đi đều như thế cả (4).

Thường giấc mộng mơ-màng ấy là cuộc sống ở đời mà lúc tỉnh dậy là sự chết đó thôi. Bởi vậy cho nên những bậc « chân-nhân » cứ tự-nhiên-nhi-nhiên, hễ gặp vào lúc sống mà sống là hợp-thời, gặp vào lúc chết mà chết là thuận-cảnh. Hợp-thời và thuận-cảnh, thì còn có việc gì nữa mà buồn hay vui? Người ta lúc sống chẳng qua cũng như bị cái dây nó treo mình ở trong khoảng không-gian, lúc chết là cởi cái dây ấy mà xuống. Cũng thí-dụ như củi với lửa: Củi là hình-hài, lửa là cái tinh-thần, lửa bén vào củi, rồi củi hết thì lửa tắt. Nhưng kỳ-thực là ta biết thế nào là hết lửa được; lửa tắt là vì hết củi đó thôi 古者謂是帝之懸解。指窮於爲薪。火傳也不知其盡也。(5).

Đã là « huyền-giải », nghĩa là treo với cởi thì ta cứ để mặc đấng tạo-vật sai khiến, dẫu thế nào cũng là phải, là hay cả. Nếu cánh tay trái ta đây rồi hóa làm con gà, thì ta nhân đó mà gáy về đêm; nếu cánh tay phải của ta hóa làm viên đạn, thì ta nhân đó mà bắn chim để nướng chả ăn; nếu cái xương cùng của ta hóa làm bánh xe, thần-hồn của ta hóa làm con ngựa, thì ta nhân đó mà bắt ngựa kéo xe, càng khỏi phải ngồi xe khác. Vả được là bởi thời-vận, mất là thuận cái lẽ tự-nhiên, cứ yên thời mà theo lẽ thuận, dẫu vui dẫu buồn cũng không động tới lòng ta được. Cha mẹ sai con thế nào cũng phải nghe, trời đất với người cũng

(1) Trang-tử: Tri-bắc du. — (2) Trang-tử: Tề-vật. — (3) Trang-tử: Đại-tôn. — (4) Trang-tử: Tề-vật. — (5) Trang-tử: Dưỡng-sinh.

vậy. Nếu trời đất bắt phải chết, mà mình không nghe thì chẳng hóa ra ngang trái lắm ru. Trời đất che chở cái hình-hài của ta, bắt ta phải khó-nhọc về lúc sống, cho ta được nhàn-nhã về lúc già, được nghỉ-ngơi về lúc chết. Cho nên đã khéo xếp đặt cho ta về lúc sống, thì tất khéo xếp đặt cho ta về lúc chết. Giả một người thợ đúc nấu sắt, mà sắt ở trong lò nhảy lên bảo rằng: « Phải đúc cho ta làm thanh gươm quí », thì người thợ đúc chắc cho là một thứ sắt quái-gở. Nay ta đã phải sinh ra làm người, mà cứ đòi làm người mãi, thì chắc là tạo-hóa cũng cho ta là người quái-gở, chứ chẳng không. Đã biết rằng trời đất là một cái lò lớn, tạo-hóa là người thợ đúc, thì đi đâu mà chẳng được, 夫大塊載我以形。勞我以生。佚我以老。息我以死。故善吾生者乃所以善吾死也。今大冶鑄金。金踊躍曰我且必爲鏌鋣。大冶必以爲不祥之金。今一犯人之形。而曰人耳人耳。夫造化者必以爲不祥之人。今一以天地爲大鑪。以造化爲大冶。惡乎往而不可哉。(1).

Sự tử-sinh là cái trạng-thái, xoay đi đổi lại của cái vật-chất nó cứ sinh-sinh hóa-hóa, theo cái lý tiến-hóa của trời đất. Trang-tử lấy chuyện sau này để giải-thích cái lý ấy. Một hôm Liệt-tử đi chơi, ăn cơm ở đường, trông thấy cái đầu-lâu người, nhặt lấy cầm giơ lên mà bảo rằng: « Chỉ có ta cùng ngươi biết được không cái gì là sống, cũng không cái gì là chết; như ngươi đã chắc là chết chưa, mà như ta đã chắc là sống chưa? Thử xem một vài giống sinh-hóa thì biết: ở dưới nước là cái trứng bèo, ở chỗ bùn lầy là cái váng nước, ở gò đống là đám rêu; đám rêu được chỗ đất tốt hóa làm cây « ô-túc », gốc cây « ô-túc » hóa làm sâu « tê-tào », lá cây « ô-túc » hóa làm con bươm-bướm, con bươm-bướm đẻ ra sâu, sâu lại hóa ra thành vật khác, cứ mãi thế cho đến hóa thành người, người lại quay trở vào cái máy của tạo-hóa; 萬物皆出於機皆入於機, muôn vật đều ở cái máy của tạo-hóa mà ra, rồi lại quay trở vào cái máy ấy (2).

Ta nay đã hóa làm người, còn sau hóa làm gì nữa, thì ta chưa biết được. Ta cứ yên lặng để mặc cái mệnh trời sai khiến, không việc gì mà phải lo sợ. Người ta ở đời ai nấy đã có cái mệnh nhất-định, dù hay dù dở thế nào, ta cứ yên phận, cốt giữ lấy cái bản-tính của mình là đủ. Về đời chí-đức ngày trước, người ta ở lẫn với cầm thú, cho vạn-vật cùng một tộc-loại, không phân-biệt gì cả, bởi thế không có ai là quân-tử, ai là tiểu-nhân. Ai nấy đều vô-tri, cho nên có đức, ai nấy đều vô-dục, cho nên tố-phác, tố-phác là cái thường-tính của người ta vậy.

Đến bậc thánh-nhân đem bày đặt ra nhân-nghĩa, làm cho thiên-hạ mới không tin nhau nữa, đem những cái tỉ-mỉ đặt ra lễ-nhạc làm cho thiên-hạ mới phân-ly nhau ra. Bởi thế thuần-phác mà chưa mất thì dùng gì đến con trâu chén rượu để tế-lễ; hòn bạch-ngọc chưa nát, thì lấy đâu làm ngọc khuê ngọc chương; nếu đạo-đức chưa bỏ, thì nhân-nghĩa dùng làm gì; nếu tính-tình chưa ly, thì dùng lễ-nhạc làm gì; không loạn ngũ-sắc, lấy đâu làm văn-thái, không loạn ngũ-âm lấy đâu làm lục-luật. Hễ đem phá cây gỗ mộc để làm đồ dùng là tội của người thợ; đem phá đạo-đức để làm nhân-nghĩa, là tội của thánh-nhân.

Xem như con ngựa ở trên cạn ăn cỏ, uống nước, lúc vui thì dựa cổ đùa bỡn nhau, lúc giận thì quay lưng lại đá nhau, con ngựa biết thế là đủ rồi. Nay đem cái dây chằng đầu, mảnh da che mắt, làm cho con ngựa thành ra dữ tính, và có đủ các nết xấu, thế là lỗi của Bá-nhạc.

Xem như đời Hách-tư (tức là đời vua Viêm-đế) dân ở nhà không biết

(1) Trang-tử : thiên *Đại-tôn*. — (2) Trang-tử : thiên *Chí-lạc*.

làm gì, đi cũng không biết đi đâu, ngậm miếng cơm mà vui, vỗ bụng mà chơi, dân được thế là đủ rồi. Đến khi thánh-nhân uốn-nắn ra lễ nhạc, để sửa cái chân-hình của thiên-hạ, đem treo cao sự nhân-nghĩa để cho người ta phải kiễng lên mới với đến, thành ra dân mới đua khôn tranh lợi mà không thể nào ngăn giữ được, thế là lỗi của thánh-nhân (1).

Phàm danh là cái công-khí, nghĩa là của chung của thiên-hạ, mình không nên chiếm-nhận nhiều để làm phần mình ; nhân-nghĩa là cái nhà trọ của tiên-vương, chỉ có thể ngủ trọ độ một đêm, chứ không ngủ lâu được. Sự nhân-nghĩa ấy đã làm cho người ta biết ham, biết thích, thì nhiều người mượn nhân-nghĩa ấy để làm càn. Bậc chí-nhân (至人) ngày xưa lấy nhân là cái đường mượn, nghĩa là cái nhà trọ ; chơi ở cõi tiêu-dao, ăn ở ruộng cầu-giản, đứng ở trong vườn không vay ; tiêu-dao thì không phải làm gì, cầu-giản thì dễ nuôi, không vay thì không lời lãi gì, thế gọi là « *thái-chân chi-du* 采眞之遊 ».

Còn những kẻ ham giàu thì không nhường lộc, ham quí thì không nhường danh, ham quyền thì không giao quyền cho ai. Khi đã được những điều ấy, thì cứ lo sợ, giữ lấy khư-khư, nhỡ mất đi thì thương tiếc khổ-sở. Ấy thế mà vẫn không ai biết tỉnh-ngộ, cứ phải vất-vả không được nghỉ-ngơi lúc nào, thật là người chịu tội trong thế-gian này.

Sự ân, sự oán, sự lấy của người ta, sự đem của cho người ta, sự can răn người ta, sự dạy dỗ người ta, sự cho người ta sống, sự bắt người ta chết, tám điều ấy là cái đồ dùng để « chính », nghĩa là để sửa đổi lại các công việc trong thiên-hạ. Trừ phi những kẻ nào biết theo sự đại-biến như là sự sinh-tử mà không có tư-ý gì, thì mới có thể dùng được, chứ hễ bụng mình còn có thiên-vị, thì là trái với đạo tự-nhiên, dẫu có dùng cũng không công-hiệu gì (2).

Người ta ở đời hễ sự thỏa-thích của mình mà được trọn-vẹn, thì gọi là đắc-chí. Người đời xưa cho là đắc-chí, không phải là được làm vua làm quan, vì rằng dẫu được làm vua làm quan, cũng không thêm cái vui cho mình. Người đời nay cho đắc-chí là được làm vua làm quan. Nhưng ta nên biết rằng sự phú-quí không phải là tính-mệnh, những cái gì ở ngoài đến là gửi đấy thôi. Những sự gửi ấy nó đến không ngăn được, thì nó đi cũng không giữ được. Bởi thế những kẻ hiểu đạo, không vì sự phú-quí mà thỏa-thích, cũng không vì sự cùng-khổ mà theo đuổi với thế-tục, bất-kỳ vào cảnh-ngộ nào cũng vui được. Còn như những sự vui của người đời là sự gửi cả, đã gửi thì còn lấy gì làm vui, mà dù có vui cũng không được lâu. Bởi thế những kẻ bị vật-dục làm mất bản-thân, bị thế-tục làm sai mất bản-tính, thì gọi là dân treo ngược, nghĩa là trái với lẽ tự-nhiên (3).

Đại-khái cứ như Trang-tử, thì thế-giới hoàn-toàn hơn cả là cái thế-giới về đời thái-cổ. Lúc ấy người ta chất-phác, cổ-lỗ, không biết thế nào là nhân-nghĩa, không cần gì đến trí-tuệ, chỉ vụ lấy kiếm ăn đủ no thì thôi, bụng no thì chơi, chứ không bày đặt ra văn-chương xảo-kỹ gì cả; ai cũng hồn-nhiên mà sống, hồn-nhiên mà chết, không có cầu điều gì, chỉ cầu cho ai ai cũng được trọn-vẹn cái thiên-niên, rồi thì để mặc tạo-hóa tự chủ-trương lấy, thế gọi là đời « chí-đức ». Về sau người ta sinh ra tinh-quái giả-dối là tại những người xưng là thánh-nhân, bày đặt ra điều nọ chuyện kia, làm mất cả cái tính tự-nhiên của trời đất đã phú cho, thành ra thiên-hạ rối loạn, nào người tranh quyền, cướp lợi, nào người đấu trí ganh tài, chém

(1) Trang-tử : thiên *mã-đề*.— (2) Trang-tử : thiên *Thiên-vạn*. — (3) Trang-Tử : thiên *Thiện-tính*.

giết lẫn nhau, cướp bóc lẫn nhau, làm cho đời người thật là vất-vả khổ-sở. Những bậc thánh-nhân ấy nói là trị thiên-hạ, kỳ-thực là làm loạn thiên-hạ. Bây giờ đã trót ra thế rồi làm thế nào được, chỉ có một cách là những kẻ có quyền-thế và những người có cái trách-nhiệm về việc chính-trị nên tỉnh-ngộ lại để dần dần đem thế-giới lại quay trở về cái thời-đại trí-đức. Trang-tử muốn chỉ đường cho người đời đi. Nhưng chỉ e rằng con đường mà Trang-tử chỉ cho ta đấy, dẫu có thật là con đường thẳng của nhân-loại nên phải theo nữa thì bây giờ chắc gai góc đã lấp mất rồi, khó lòng mà tìm ra được, vì nhân-loại lạc đường đã lâu, đi quanh đi co trong rừng, tuy phải trèo non vượt suối, nhưng cũng gặp được lắm nơi phong-cảnh hữu-tình, làm cho mình quên được những sự khó-nhọc khổ-sở của mình. Nay dù có muốn trở lại đường cũ, cũng không sao mà trở lại được. Lại còn một lẽ nữa là biết đâu cái lầm-lỗi của những thánh-nhân đời trước và sự tinh khôn của loài người bây giờ, lại không phải chính đấy là con đường tiến-hóa theo lẽ tự-nhiên của vạn-vật hay sao. Vì rằng sự thay đổi là cái then chốt cho sự sinh-hoạt của loài người, vậy thì muốn rằng thế-giới cứ đứng yên một chỗ như đời thái-cổ, thế chẳng hóa ra trái với đạo tự-nhiên lắm ru. Vả đã nhận rằng vạn-sự đều do mệnh, thì cái thay đổi dù hay dù dở thế nào cũng là mệnh cả, ta cưỡng mệnh làm sao được.

Dẫu thế nào mặc lòng, bây giờ thế-giới đã trót đứng vào cái hiện-cảnh đảo-điên này, thì ta chỉ nên đành vậy, rồi cố tìm cách mà làm cho đỡ cái cực cái khổ. Cũng như là chuyện trong sách thánh bên đạo Thiên-chúa nói rằng người ta lúc đầu mới sinh ra, thì thật là sung-sướng ; chẳng may bị lừa ăn phải quả khôn thành ra từ đấy về sau phải chịu đủ điều khổ-sở. Khi thuốc độc đã nuốt qua cuống họng rồi, nhổ ra không được nữa, thì chỉ còn một đường là đi tìm thày thuốc để chữa bệnh. Bởi vậy những bậc đại-hiền đại-giác ngày trước lập ra tôn-giáo này tôn-giáo nọ để cứu vớt người đời, thường cũng là nhận cái chức-vị người thày thuốc đó thôi. Nay Lão Trang bày tỏ những cái huyền-lý về đường sinh-tử, bảo người ta nên lấy sự thanh-tĩnh vô-vi mà xử-thế, ấy cũng là một cách chỉ bảo đường lối cho người ta. Nhưng vì cái lý-tưởng ấy cao-kỳ quá-độ, họa chăng chỉ có một phần rất ít người có thể hấp-thụ được cái tinh-thần mà thôi, còn nhân-chúng thì cứ chìm đắm vào những sự đê-hạ, đua đuổi nhau ở những cái trước mắt, rồi thiên về đường thần-tiên tu-luyện và mê-hoặc những sự yêu-ma quỉ-quái, làm thành ra đạo Lão là một cái tôn-giáo rất nhảm-nhí. Thường những cái tư-tưởng bay bổng lên cao xa quá, hễ không sà xuống đất thì chớ, chứ đã sà xuống, thì lại hay bị rơi vào những nơi ẩm ướt bùn lầy. Tưởng cái học của Lão Trang cũng vậy, chính cái lý-thuyết thì thật thâm - viễn tinh-vi, thế mà đến lúc đem ra thực-hành, thì thành một cái đạo thô - thiển, chỉ chuyên về những điều huyễn-hoặc rất là hại cho sự tiến-hóa.

Cứ như thế-giới bây giờ, hễ cái lý-thuyết nào và cái tôn-giáo nào mà không làm cho phấn-chấn lòng người, để ai ai cũng vì điều lành, điều hay, điều thực, mà cố gắng hoạt-động, ai ai cũng biết lấy sự công-bình, và đem lòng từ-ái mà đối-đãi với mọi người, thì dẫu muốn thiên-ngôn vạn-ngữ thế nào mặc lòng, cũng là dở cả. Người ta cần phải mỗi ngày một tốt hơn hay hơn để cho nhân-loại tiến-hóa dần-dần ra khỏi được cái vòng vật-dục. Bao giờ cũng phải lấy điều chí-thiện, chí-mĩ làm cái cực-điểm cho sự sinh-hoạt của mình. Ấy là cái phẩm-giá của người ta và cái vận-mệnh của nhân-loại, tưởng cũng chỉ có bấy nhiêu đó mà thôi, chứ ngoại-giả thì không có nghĩa gì cả.

TRẦN TRỌNG-KIM

LƯỢC-KHẢO VỀ BỘ LUẬT MỚI BẮC-KỲ (1)

VII

LUẬT HÌNH-SỰ TỐ-TỤNG

(*Code de Procédure Pénale*)

Mấy lời nói đầu

Luật Hình đặt ra là để giữ cho người lương-thiện được yên mà làm ăn, không phải lo vì những kẻ bất-lương nhũng-nhiễu; để giữ cho mọi người được vững lòng yên trí về việc bình-trị để bảo-thủ quyền-lợi chung cho xã-hội; và nhất là để bắt mọi người phải tuân theo công-pháp. Ai mà phạm đến quyền-lợi người khác hay là không tuân theo hoặc làm trái công-pháp, thì có tội phải bị hình-phạt. — Nhưng muốn bảo-toàn quyền-lợi của mọi người, muốn xử hình-phạt không sai-suyễn, thế tất phải đặt sẵn ra một cái thể-lệ nhất-định và minh-bạch, để do quan chức có quyền phải chiếu theo mà xét-xử các án về hình-sự. Ấy đó chính là mục-đích của luật Hình-sự-tố-tụng.

Vậy thì luật Hình-sự-tố-tụng là để bổ-cứu cho luật Hình. — Nghĩa là luật Hình là luật làm cỗi-gốc để định tội-phạm nào phải bị xử theo về hình-phạt nào, mà luật Hình-sự-tố-tụng là luật về hình-thức định về cách phải xét việc án, phải kết-nghĩ thế nào cho giản-dị và hợp lẽ công-minh. Ví như việc chữa bệnh, thày thuốc muốn biết bệnh-tình thế nào, trước hết phải chẩn-mạch, hoặc dùng phép thí-nghiệm để biết rõ là bệnh gì; (hoặc là sốt rét, hoặc là thương-thực) biết đích bệnh rồi, mới chiếu theo sách dạy về dược-tính mà kê đơn cho đi lấy thuốc. Về việc án, khi quan thẩm-phán đã nghe có việc phạm xảy ra, chưa biết rõ là việc gì, đầu-cuối làm sao, tất trước hết phải lấy tang, nghe chứng, hỏi căn-duyên sự-thể để biết rõ là tội-phạm gì, (hoặc là tội ăn cướp, tức là tội *đạo-thiết*, hoặc là tội đánh nhau vỡ đầu tháo máu, tức là tội *đả-nhân thương-nhân*, đã rõ tội-danh đủ chứng-cứ rồi mới chiếu luật-Hình khép vào tội gì, phạm điều thứ mấy trong luật Hình phải xử thế nào. — Như thế, thì luật Hình-sự-tố-tụng là dạy về cách-thức phải làm để biết đích đầu đuôi sự thể về việc phạm tội gì, mà luật Hình là để khép vào tội-phạm gì, và xử hình-phạt thế nào. Thí-dụ như trong chuyện *Long-đồ-công-án* nói về việc Bao-công xét cái án cắt lưỡi trâu như sau này: Nguyên có một người đem đến thưa Bao-công rằng trâu mình bị cắt lưỡi, Bao-công hỏi người ấy rằng xưa nay có ai thù-hằn gì không? Người kia không biết ai là người thù-hằn với mình, Bao-công không biết xét ra làm sao, bèn cho người ấy 500 quan và bảo về cứ làm thịt con trâu bị cắt lưỡi ấy mà bán lấy tiền, để góp với 500 quan tiền kia mua lấy trâu khác mà cày. Một mặt Bao-công lại sức khắp trong hạt, hễ ai thấy có người giết trâu lậu bán thịt mà đem báo quan thì được thưởng tiền. Người kia từ được lời Bao-công về giết trâu đem bán thịt. Quả-nhiên có người trong xóm đem cáo-giác với Bao-công. Bao-công liền nghi ngay người đi cáo ấy là kẻ đã cắt lưỡi trâu, suy lẽ rằng kẻ đi cáo ấy hẳn là có thù hằn với người kia, bèn tra hỏi ra thì quả-nhiên kẻ ra cáo ấy phải thú thật là kẻ đã phạm tội cắt lưỡi trâu. Bấy giờ đã có lời thú-thực của người phạm rồi, Bao-công liền chiếu-luật xử phạt người phạm ấy 50

(1) Xem *Nam-Phong* từ số 57 đến 61.

trượng và phạt giam một tháng. — Nay ta lấy cái thí-dụ ấy mà tách ra để so với luật mới thời nay, thì ta có thể cho việc Bao-công bảo người kia về giết trâu để bán thịt và lại sức cho nhân-dân trong hạt được cáo-giác người giết thịt trâu lậu là một cách xét chứng nã-phạm, sánh với luật mới, tức là cách thẩm-cứu định trong luật Hình-sự-tố-tụng, mà việc xử phạt-trượng phạt-giam sánh với luật mới tức là việc chiếu luật Hình xử tội. — Nhưng đời trước dân hãy còn chất-phác, cho nên quan có thể chỉ lấy trí cao-minh mà xử kiện, mà dân thì thực-thà, hễ bị hỏi vặn đến lý thì thú thật ngay, cho nên pháp-luật không cần phải phiền-phức lắm, mà vẫn giữ được đạo công-bằng. — Nhưng về sau dân-tình sinh ra điêu-bạc, quan-lại ít khi giữ được công-minh; bởi thế cần phải có luật qui-định rõ-ràng, đặt ra phép thẩm-cứu phân-minh, để phòng cho khỏi những việc oan-uổng.

. . .

Cái tôn-chỉ rất cao-thượng về việc đặt ra luật Hình-sự-tố-tụng là phải dung-hợp hai điều sau này với nhau:

1° Một mặt phải giữ cho xã-hội có trật-tự, sao cho kẻ phạm phép tất phải bị trị-tội, không được dong kẻ gian-phi.

2° Một mặt phải giữ cho cá-nhân được công-bằng, sao cho được minh-cứu đâu ra đấy không được thiên-vị, mà cũng không được ức-hiếp người ta. Vậy thì luật Hình-sự-tố-tụng đặt ra là để dung-hòa cái lợi của xã-hội và của cá-nhân với nhau, muốn cho đến trời soi-xét thấu suốt mọi lẽ không sai tơ-hào, và muốn cho đầu cân thẩm-phán phải giữ cho công-bằng, chiếu tình xét lý cho rõ ngay gian mà định hình-phạt cho đúng như soi gương không lầm.

. . .

Cách tổ-chức các thủ-tục tố-tụng theo phương-pháp thời nay thì noi theo ở mấy cái đại-ý sau này:

a) *Các tòa-án thẩm-phán về hình-sự cùng với các tòa-án thẩm-phán về dân-sự là một.* — Nghĩa là cùng tòa-án ấy vừa xử về hình-sự vừa xử về dân-sự:

Thí-dụ như tòa sơ-cấp vừa xử về dân-sự thì chỉ xử về việc kiện từ 30 đồng bạc trở xuống; lại xử về hình-sự thì xử các tội vi-cảnh.... Như tòa đệ-nhị-cấp xử về dân-sự thì xử những việc kiện mà giá-ngạch quá 30 đồng bạc, những việc kiện về bất-động-sản vân vân.... Xử về hình-sự, thì xử những khinh-tội trọng-tội. Như tòa đệ-tam-cấp xử về dân-sự, thì xử những việc chống án đối với các án sơ-thẩm của đệ-nhị-cấp, về hình-sự thì xét-xử những việc chống-án đối với án đệ-nhị cấp về việc khinh-tội trọng-tội, vân vân. — Nhưng phải nhớ rằng tuy cùng một tòa-án vừa xử về dân-sự vừa xử về hình-sự (dầu về sơ-cấp đệ-nhị-cấp đệ-tam-cấp cũng thế), mà về thủ-tục, thì việc dân-sự phải khác hẳn với việc hình-sự. — Cái sự phân-biệt hai thủ-tục đó là cái cốt-tử trong phép làm luật thời nay; trong bài lược-khảo này đã từng nói về lệ phân-biệt ấy, về việc kiện dân-sự (gồm cả thương-sự) thì theo thủ-tục đã định trong luật Dân-sự thương-sự-tố-tụng, mà về việc kiện hình-sự, thì theo thủ-tục đã định trong luật Hình-sự-tố-tụng.

b) *Công việc tư-pháp chia riêng ra từng việc.* — Công việc tư-pháp về hình-sự, thường chia ra làm việc thám-sách hoặc truy-vấn, thẩm-cứu hoặc dự-thẩm, thẩm-phán tức là kết-án, chấp-hành tức là chiếu án thi-hành.

c) *Các tòa-án ấy là tòa-án xử chung tất cả mọi người sở-thuộc.* — Nội là người dân An-Nam ở Bắc-kỳ mà thuộc

về thẩm-quyền tòa Nam-án Bắc-kỳ, thì đều do tòa-án có quyền xét-xử; chớ không phải như ngày xưa ở mấy nước bên Thái-tây có người con nhà quí - phái phải tội, thì đặc-biệt được tòa-án khác xét-xử, mà người thường-dân phạm tội thì do tòa-án thường xét-xử ; phân - biệt kẻ khinh người trọng như thế là trái lẽ bình-đẳng, hại đạo công-bằng, luật mới bây giờ cũng như luật cũ nước ta khi trước nhất-thiết đều không noi theo sự làm trái đạo-lý ấy.

.·.

Cái mục-đích của luật Hình-sự-tố-tụng và cái đại-ý tại sao đặt ra luật ấy đã giải rồi, nay ta có thể thích gọn nghĩa chữ « luật Hình-sự-tố-tụng » như sau này :

Luật Hình-sự-tố-tụng là luật định về các thể-lệ thám-phóng, sưu-sách, thẩm-cứu, trừng-trị các thứ tội-phạm. — Những thể-lệ ấy thuộc về tội vi-cảnh một khác, thuộc về khinh-tội, trọng-tội một khác. — Chữ vi-cảnh, khinh-tội, trọng-tội nghĩa là gì, đã giải ở trong mục khảo về luật Hình. — vả trong mục khảo về luật Pháp-viện-biên-chế đã nói rõ-ràng tội vi-cảnh, thì thuộc về quyền tòa sơ-cấp xét-xử, còn như khinh-tội trọng-tội thì thuộc về quyền tòa đệ-nhị-cấp xét-xử ; lại cũng đã nói rằng việc chống-án (kháng-cáo) sơ-cấp có nghĩ-xử phạt-giam thì đem lên đệ-nhị-cấp, còn việc chống-án (kháng-cáo) đệ-nhị-cấp về khinh-tội, trọng-tội đều đem lên đệ-tam-cấp.

Luật Hình-sự-tố-tụng gồm có 211 điều, chia làm 13 chương. Trong bài lược-khảo này, theo cách xếp-đặt riêng chia làm 6 chương :

Chương thứ I nói về việc vi-cảnh.

Chương thứ II nói về việc khinh-tội trọng-tội.

Chương thứ III nói về phương-pháp chống-án (kháng-tố).

Chương-thứ IV nói về chấp-hành việc án.

Chương thứ V nói về thủ-tục đặc-biệt.

Chương thứ VI nói về thủ-tục linh-tinh.

CHƯƠNG THỨ NHẤT

Về việc vi-cảnh

(từ điều 1 đến điều 7 luật Hình-sự-tố-tụng)

§ I. — *Thám - sách, khám - nghiệm các tội vi-cảnh.*

Các quan hành-chánh ở tỉnh, phủ, huyện, các viên bổ-nhiệm về việc cảnh-sát trong địa-hạt hoặc thôn-xã, chánh phó tổng lý-trưởng và phó-lý, điều có trách - nhiệm thám-sách và khám-nghiệm về các tội vi-cảnh cùng là nhận-thu tờ báo-cáo, tờ cáo-giác và đơn khống về việc vi-cảnh.

Các viên-chức ấy sẽ làm biên-bản kê rõ : tính-chất, tình-trạng việc vi-cảnh, thì-giờ, trường-sở phạm-tội ; bằng-cứ hoặc chứng-tích gì tình-nghi là phạm-tội, và các lời khai.

Các quan thẩm-phán sơ-cấp thụ-lý là do tiếp-nhận các biên-bản nói ở đoạn trên, hoặc do tiếp-nhận đơn khống của người bị-hại hoặc do đương-trường gặp sự vi-cảnh, (điều 1 H. S. T. T.)

Chiếu như qui-định điều ấy thì quan thẩm-phán sơ-cấp thụ-lý về việc vi-cảnh (nghĩa là tiếp cái gì mà biết có tội vi-cảnh phát-sinh ra) như sau này :

1° — *Do các biên - bản* của những viên-chức nói ở trên làm ra về khi các viên-chức ấy thấy người-chứng hoặc người bị-hại đến cáo-giác.

Điều thứ 1 ấy lại nói rằng «..... cùng là nhận thu tờ báo-cáo..... về việc vi-cảnh ». — Nghĩa là trong các viên-chức, kể ở điều thứ 1 người dưới làm tờ báo-cáo trình với người trên-thì do người trên nhận-thu để chuyển-trình lên quan thẩm-phán sơ-cấp.

2º — *Do đơn khống* của người bị-hại về việc vi-cảnh trực-tiếp đệ-nạp lên quan thẩm-phán sơ-cấp.

3º. — *Do đương-trường gặp sự vi-cảnh.* Khi ấy quan thẩm-phán không phải làm biên-bản, song nên làm thì hơn. — Lại khi ấy quan thẩm-phán có thể lập-tức định nhật-kỳ cho người phạm sẽ đến hầu, hoặc chỉ biên lấy họ-tên, chỗ-ở của người ấy rồi sau sẽ sức giấy đòi đến hầu.

§ II. — *Sức đòi.*

Cách đòi. — Điều thứ 4 định rằng : « Phạm đòi-gọi ra trước quan thẩm-phán xử vi-cảnh, thì sẽ dùng một cái trát thường hoặc là truyền miệng ».

Kỳ-hạn đến hầu. — Từ ngày sức-đòi đến ngày mở phiên-tòa, ít ra cũng phải cách một ngày ; hạn ấy cứ chiếu lộ-trình cách 30 ki-lo-mét thì được tăng thêm một ngày.

§ III. — *Thẩm-cứu.*

Trước khi mở phiên tòa, quan thẩm-phán có thể tự-mình hoặc sai người định giá về các khoản tổn-hại và tự mình hoặc sai người làm các thứ biên-bản có ích (điều thứ 4 đoạn 3). — Nghĩa là thẩm-cứu việc kiện cho biết rõ đầu-cuối để làm cho có thể kết-án được. — Về việc định-giá các khoản tổn-hại thì cũng cần phải làm để sẽ dùng về khi người bị-hại xin bồi-thường về khoản tổn-hại vì tội vi-cảnh.

Nhưng khi nào cái đơn xin bồi-thường quá 30 đồng-bạc, thì quan thẩm-phán phải bẩm lên tòa đệ-nhị-cấp ; còn về tội vi-cảnh thì vẫn được xét-xử. Về các biên-bản tự quan thẩm-phán làm ra, là tất thuộc về các tội vi-cảnh do quan thẩm-phán tự khám-nghiệm lấy hoặc do người đương-sự đến trình miệng ; còn về các biên-bản sai người làm ra, là tất thuộc về những sự khám-nghiệm cần phải làm ra để biết rõ tình-trạng mà phán-đoán cho minh.

§ IV. — *Phiên-tòa*

Các người đương-sự, nghĩa là người phạm vi-cảnh, người bị-hại về tội vi-cảnh, cùng là khi có người chứng, thì cả người chứng, đều bị đòi đến hầu ở trước phiên-tòa. Thế là khởi sự thẩm-cứu ở trước phiên-tòa.

Điều thứ 5 định rằng : « Việc thẩm-cứu ấy phải mở phiên tòa công, không thế, thì vô-hiệu ; khi thẩm-cứu thì làm theo thứ-tự sau này :

« Nếu có biên-bản, thì đọc biên-bản cho các người đương-sự nghe.

« Nếu có người đương-sự bị-hại, thì phải nghe lời kết-luận về sự thỉnh-cầu của người ấy.

« Nghe người bị đòi đương-đường biện-luận ; nếu người ấy có chỉ-dẫn người chứng, thì phải chất-vấn.

« Thẩm-cứu xong rồi, quan thẩm-phán kết-án ngay ở phiên tòa ấy, hoặc chậm nữa đến phiên tòa sau cũng phải kết-án. »

Cái điều luật trên này là cùng nghĩa với điều thứ 3 có định rằng : « Tội vi-cảnh thì lấy biên-bản hoặc tờ báo-cáo làm bằng-cứ. » — Những người bị-can cũng được phép xin dẫn-chứng để bài-trích lại tờ biên-bản tờ báo-cáo, bởi thế cùng điều thứ 3 ấy lại định rằng : « Biên-bản có khi cũng bị phản-chứng bài-trích lại, mà phản-chứng thì hoặc bằng giấy hoặc bằng miệng, nhưng phải do tòa-án chuẩn cho dùng mới

được dùng. » — Vậy tất phải có quan thẩm-phán cho phép, thì mới được dùng phản-chứng, nghĩa là để phản lại bác lại cái chứng-cứ trước.

§ V. — *Thẩm-phán.*

Cái án kết-nghĩ nói rõ phạm vi-cảnh thuộc về tội gì, phải dẫn-chứng luật-văn phải nghĩ-định hình-phạt, khi có cần lại phải xử-trí về khoản tổn-hại của người đương-sự bị-hại, và nghĩ-xử người phạm-tội phải chịu khoản lệ-phí, mà khoản lệ-phí ấy thì tính-toán vào trong án. Bản thảo án-văn phải do quan thẩm-phán và viên lục-sự ký tên ; trước khi chưa ký tên, không được cấp-phát bản trích-lục (điều thứ 6 luật Hình-sự-tố-tụng).

Tất cả án vi-cảnh sẽ đăng-lục vào một quyển sổ dùng về việc ấy, mà lưu-trí ở văn-khố của bản-nha.

Mỗi tháng các quan thẩm-phán xử vi-cảnh, phải lược-biên các án nghĩ-xử tháng trước kê biên những án phạt-giam, phạt bạc và mục-lục lệ-phí, mà trình lên quan chánh-thẩm-phán tòa án tỉnh, quan chánh-thẩm-phán tòa án tỉnh kiểm-duyệt rồi, thì chuyển-trình lên quan Chưởng-lý tòa Thượng-thẩm Hà-nội.

Thuộc về mẫu án vi-cảnh, thì sẽ do quan Chưởng-lý tòa Thượng-thẩm Hà-nội lấy qui-tắc mà định. (điều thứ 7 luật H. S. T. T.).

§ VI. — *Chống-án* (Kháng-án, Kháng-cáo).

Cùng điều thứ 7 ấy có định rằng : « Án vi-cảnh mà không có phạt-giam, là án chung-thẩm (nghĩa là về sơ-cấp chỉ có án xử phạt-giam, mới được kháng-cáo mà thôi) ; đối với án ấy (tức là án chung-thẩm) duy có thể dùng cách thủ-tiêu như điều thứ 65 và các điều sau sẽ nói để xin tiêu mà thôi. »

Chiếu như qui-định điều thứ 7 ấy, có thể suy ra mọi lẽ như sau này :

1°) Khi nào án vi-cảnh có xử phạt-giam, thì có thể bị kháng-cáo, mà sự kháng-cáo ấy, thì do tòa-án tỉnh xét-xử (xem điều 51-57 H. S. T. T.).

2°) Án xử phạt-giam mà là án khuyết-tịch thì lại có thể bị kháng - án nữa (xem điều 48-50 H. S. T. T.).

§ VII. — *Chấp-hành.*

Các thể-lệ, thủ-tục về việc chấp-hành, cùng là quan-chức nào đứng chuyên-biện về việc chấp-hành, thì sẽ nói riêng trong chương « chấp-hành » ở sau.

Nay chỉ nói rằng : « Bất-cứ trường-hợp nào không được vì duyên-cớ gì mà bộ-tróc (bắt-nã) người phạm vi-cảnh trước khi án nghĩ phạt-giam chưa thành nhất-định, (điều 2 H. S. T. T). — « Án chưa nhất-định » một nghĩa là án chưa hoàn-kết xong (chưa xử xong hẳn) việc kiện ; một nghĩa là án xử rồi mà còn được chống án, như án khuyết-tịch còn được kháng-án, án sơ-thẩm còn được kháng-cáo, thì chưa thành ra nhất-định.

Điều 102 luật Hình-sự-tố-tụng lại định rằng : « . . . Những án về tội vi-cảnh . . . thì 24 giờ sau khi mãn-hạn kháng-tố, mới được đem chấp-hành». — Nghĩa là án đã xử xong rồi, chiếu luật phải để thì-giờ cho người đương-sự được xin chống-án ; vậy nếu có người xin chống-án thực, thì án ấy lại có thể canh-cải (thay-đổi) lại ; như thế thì án chưa gọi là nhất-định được, nên phải để mãn-hạn kháng-tố (chống-án) mới được đem chấp-hành.

CHƯƠNG THỨ HAI

Về việc trọng-tội khinh-tội

(từ điều 8 đến điều 47 Hình-sự-tố-tụng)

Luật Đại-Pháp thì định thủ-tục về

khinh-tội một khác, trọng-tội một khác, nhưng chiếu luật Bắc-kỳ thì về hai thứ tội-phạm ấy cùng theo một thủ-tục như nhau.

TIẾT THỨ I

Thám-sách trọng-tội và khinh-tội.

§ I — *Cáo-giác*

Những người được phép cáo-giác khinh-tội trọng-tội là :

1º) *Người trông thấy can-phạm trọng-tội khinh-tội.* — Luật lại định rằng nếu sức làm được, thì người ấy lại phải ngăn-trở người phạm và cứu-hộ người bị-hại. — Nếu thấy có người đương can-phạm trọng-tội hoặc khinh-tội mà không thể ngăn-cứu được, hay là đã can-phạm rồi mà ngăn-cứu không kịp, thì người trông thấy phải lập tức báo-cáo với người chức-dịch rất gần, và giúp sức bộ-tróc, (bắt lấy) người phạm đương-trường mà giải-nạp cho hương-chức sở-tại chỗ bộ-tróc, hoặc tùy sự có thể giải-nạp ngay lên quan thẩm-phán quản-hạt (điều 8 H.S.T.T.). — Về khi ấy cần nhất là phải bắt ngay lúc đương-trường phạm-tội.

2º) *Người bị-hại về trọng-tội khinh-tội.* — Người nào đã bị-hại về trọng-tội khinh-tội, thì đều được có quyền xin minh-cứu. — Người bị-hại ấy có thể khai miệng hoặc làm đơn (xem điều 9 H.S.T.T.).

a) *Đơn khống.* — Đơn khống phải nói rõ họ tên, niên-canh, chức-nghiệp, sinh-quán, trú-quán của người đứng khống, và khống về việc gì; nếu muốn viện chứng, thì phải khai rõ họ tên người chứng (xem điều 9 Hình-sự-tố-tụng).

Đơn khống về khi mất trộm mất cướp. — Nếu bị thất-đạo, thì phải kể rõ đồ-vật bị mất. — Nếu mất nhiều đồ-vật trong một lúc không thể kể hết được, thì có thể tục-khai trong khi đương thẩm-cứu (xem điều 9 Hình-sự-tố-tụng).

Đơn khống về tội thông-gian. — Nếu khống về tội thông-gian thì người đứng khống, phải đem những giấy có thể chứng-minh về sự giá-thú đúng phép, mà đính vào đơn khống (xem điều 9 Hình-sự-tố-tụng). — Nghĩa là phải có giá-thú, thì mới buộc được là tội thông-gian.

b) *Khai-miệng.* — Nếu người đương-sự đến khai miệng, thì quan-chức nhiệm việc tư-pháp hoặc việc hành-chánh, khi tiếp lời khai ấy, nên hỏi cho tường-tất mà làm biên-bản.

§ II. — *Cáo-giác và trình đơn tại đâu?*

1º) Quan-chức nhiệm việc tư-pháp hoặc việc hành-chánh như trên đã nói.

2º) Các viên bổ-nhiệm về việc cảnh-sát trong địa-hạt, trong thôn-xã hoặc chánh phó-tổng, lý-trưởng và phó-lý gặp khi nào vì người bị-hại đến thưa, hoặc vì cớ khác, mà phát-giác trong quản-hạt mình có người phạm khinh-tội trọng-tội, thì phải lập-tức trình quan thẩm-phán sở-tại, và phải hết sức tìm cách để thám-sách người phạm và thu lấy các tang-chứng.

Các viên ấy phải làm biên-bản nói về việc đã phát-giác, mà đệ-trình lên quan thẩm-phán quản-hạt trong kỳ-hạn rất chóng ; nếu có tiếp được đơn khống của người bị-hại và có thu được tang-chứng, cũng phải phụ-trình.

Cùng trong lúc ấy, lại giải-nạp cả người phạm đã bị đương-trường bắt được hoặc đã bị người ta minh-bạch cáo-giác (điều thứ 10 Hình-sự-tố-tụng).

3º) Các quan thẩm-phán sơ-cấp có thể do cách ấy hoặc trực-tiếp do người chứng, người đứng khống mà biết việc phạm. Khi nào quan thẩm-phán sơ-

cấp đã thụ-lý về một việc khinh-tội hoặc trọng-tội, thì quan-chức ấy phải lập-tức báo-tri với quan chánh-thẩm-phán tòa án tỉnh ; và bằng chức-vụ mình mà lập-tức cứu-vấn để cho biết quả có trọng-tội hoặc khinh-tội, và lập-tức lấy các chứng-cứ có ích để cho phát ra sự thật. — Gặp trường-hợp có án nhân-mạng, thì quan thẩm-phán sơ-cấp phải lập-tức đi đến chỗ phạm tội, đốc-sức bảo-tồn cái cảnh-trạng chỗ phạm-tội không cho di-dịch, phải để y-nguyên cho đến khi chiếu luật khám-nghiệm xong. Trừ khi nào có người bị-thương còn sống, cần phải cấp-cứu thì khác.

Công việc làm xong, quan thẩm-phán sơ-cấp phải làm một tờ bẩm nói kỹ-càng, thuật cái kết-quả về sự cứu-vấn và khám-nghiệm, mà đệ-trình lên quan chánh-thẩm-phán tòa-án tỉnh (điều 11 H. S. T. T.).

4°) Quan chánh-thẩm-phán đệ-nhị-cấp thụ-lý là do các duyên-cớ sau này :

Hoặc do trực-tiếp nhận đơn khống của người đương-sự ;

Hoặc do người đệ-tam cáo-giác ;

Hoặc do tờ tư của quan chánh-công-sứ bản-tỉnh trong khi không kiêm-nhiệm chức thẩm-phán đệ-nhị-cấp, tư đến :

Hoặc do tờ bẩm của quan thẩm-phán sơ-cấp như điều thứ 11 đã nói ;

Hoặc do tờ tư của quan Chưởng-lý Thượng-thẩm Hà-nội ;

Hoặc quan thẩm-phán đệ-nhị-cấp thấy đương-trường phạm-tội (điều 12 H. S. T. T.).

TIẾT THỨ II

Thẩm-cứu về trọng-tội khinh-tội

§ I. — *Các quan thẩm-cứu (hay là dự-thẩm).*

Cái quyền đốc-biện về sự thẩm-cứu những trọng-tội khinh-tội phát-sinh trong tỉnh-hạt thì *duy thuộc về quyền quan thẩm-phán đệ-nhị-cấp* mà thôi (điều 12 Hình-sự-tố-tụng) ; nhưng quan thẩm-phán đệ-nhị-cấp có quyền phái-ủy rất rộng.

A. — Trước hết là quan chánh thẩm-phán đệ-nhị-cấp giữ quyền đốc-biện về sự thẩm-cứu. — Quan thẩm-phán đệ-nhị-cấp đã thụ-lý những việc khinh-tội trọng-tội rồi, phải lập-tức tự làm hoặc ủy người làm những sự khám-nghiệm cần dùng, hoặc sức quan-lại chức-dịch sở-tại khám-nghiệm và khi có cần lại sức thám-sách người phạm. — Gặp trường-hợp có án nhân-mạng, thì quan thẩm-phán tòa án tỉnh được sức bảo-tồn cái cảnh-trạng chỗ phạm-tội, cấm không được di-dịch phải để y-nguyên cho đến khi tự mình đến lý-khám (điều 12 H. S. T. T.).

Chiếu như điều luật ấy thì quan thẩm-phán đệ-nhị-cấp được phép ủy những viên-chức nào ?

B. — Các viên bổ-nhiệm về việc cảnh-sát trong địa-hạt thôn-xã, hoặc chánh phó-tổng, lý-trưởng và phó-lý, đã thừa-lệnh quan thẩm-phán sức đi khám-nghiệm, thì có chuyên-trách được thân-hành đến trú-sở người bị-can và sưu-sách, áp-thu những đồ vật có thể phát-minh sự-thực.

Phàm đồ vật đã áp-thu rồi, phải bao gói cẩn-thận, tùy sự có thể hoặc để trong hộp trong lọ, hoặc để trong bao, ngoài niêm một miếng giấy mà do người đã thân-hành đến áp-thu kiểm-triện của mình hay là kiểm-triện của xã-thôn để làm bằng.

Quan thẩm-phán hoặc người ủy-viên trong khi làm chức-vụ, có quyền được trực-tiếp thôi-chiêu binh-lực để giúp đỡ công việc mình làm (điều 13 H. S. T. T.).

C. — Quan chánh thẩm-phán tòa án

tỉnh được phép ủy quan thẩm-phán sơ-cấp ở địa-hạt phát-sinh ra khinh-tội trọng-tội (điều 18 H. S. T. T.).

D. — Nếu có quan trợ-thẩm cung-chức ở tòa đệ-nhị-cấp thì có thể phái quan trợ-thẩm ấy (điều 18 H.S.T.T.).

E. — Hoặc phái một Nam-quan giúp việc mình chiếu như điều thứ 12 trong Pháp-Viện-biên-chế đã định.

.·.

Không cứ quan chánh thẩm-phán phái quan-chức nào làm việc thẩm-cứu, bao giờ quan chánh thẩm-phán ấy cũng phải giữ trách-nhiệm đốc-sức về sự thẩm-cứu (điều 18 đoạn cuối).

§ II. — *Nã-tróc*

Trừ các trường-hợp đương - trường phạm-tội không cứ người nào đều được và đều phải nã-giải người phạm, và trừ các trường-hợp có người minh-bạch cáo-giác như điều thứ 10 đã nói, thì không kể ; còn ngoài ra nếu không có trát-nã của quan thẩm-phán, thì không được nã-tróc.

Luật định thế là để phòng sự bắt bậy. Chỉ trừ ra những khi « đương-trường-phạm-tội » và « minh-bạch-cáo giác » thì không kể, còn ngoài ra tất phải có trát nã của quan thẩm-phán mới được phép bắt.

Thuộc về trát nã, nếu đã biết họ tên người bị-nã, thì phải biên cho rõ, và phải kể những tin-tức tiếp được, để cho dễ tìm người phạm và dễ nhận-diện.

Trong trát lại phải lược nói cái duyên-cớ bị-nã, ký tên, và kiểm ấn (điều 14 H. S. T. T.).

Chiếu như điều luật trên này, thì trát nã tất phải *do quan thẩm-phán* phát ra, mà quan ấy tức là viên-chức đứng làm công-việc thẩm-cứu.

Các viên sở - thuộc thì chỉ thừa-hành. — Nhưng khi nào một người hoặc nhiều người bị-can đã liệt tên vào trát nã, mà tỉnh-nghi là trốn ở hạt khác, thì quan thẩm-phán tòa án tỉnh lập-tức chuyển-giao trát nã cho quan thẩm-phán hạt ấy ; quan thẩm-phán hạt ấy tiếp-nhận trát-nã rồi, phải lập-tức sức-biện những sự thám-sách cần dùng.

Nếu một người hoặc nhiều người bị-can đã liệt tên vào trát nã, mà hiện trốn trong nhượng-địa Đại-pháp như là Hà-nội Hải-phòng, thì bao giờ cũng phải giao trát nã cho quan Chưởng-lý tòa Thượng - thẩm Hà - nội ; quan Chưởng-lý sẽ tìm cách thám - sách, lâm-thời sẽ sức giải-giao người phạm cho quan thẩm-phán đã nhiệm - sự thẩm-cứu.

Nếu một người hoặc nhiều người bị-can đã liệt tên vào trát nã, mà trốn ở sở đồn-điền hoặc tư-cơ của người Âu-tây thì trát nã sẽ giao quan Công-sứ hoặc quan Đại-lý bản - tỉnh sức-biện (điều 15 H. S. T. T.).

Trát nã đã chấp-hành rồi, phải trả lại quan thẩm-phán nguyên phát ra trát ấy và cùng trong một lúc giải-nộp các người bị - can đã nã được, lại phải biên ngày giờ nã được vào trong trát nã. Gặp trường - hợp không nã được người bị-can cũng biên-chú việc ấy vào trát nã mà trả lại quan thẩm-phán.

Khi nào chưa có trát nã, mà quan thẩm-phán thấy có giải-nạp người bị-can đến, nếu xét ra đáng giam-cứu người bị-can ấy, thì phải làm ngay một cái trát nã, cho hợp luật (điều 16 Hình-sự-tố-tụng).

.·.

Nên phân-biệt chữ *trát nã* (*ordre d'arrestation*) và chữ *trát tống giam* hoặc *phiếu tống-giam* (*ordre d'écrou*). Trát nã là để tầm-nã bắt lấy người nào còn đương tại-ngoại. Phiếu tống

giam là để đem người đã bị bắt, giữ tại giam-thất ở huyện-lỵ hoặc tỉnh-lỵ. — Nhưng không phải là người nào bị-nã đến trước quan thẩm-phán cũng phải bị trống-giam cả đâu.

Khi cần phải tống-giam, tất phải có phiếu tống-giam thì người giám-thủ nhà giam-thất mới được phép tiếp-nhận và đem giữ tại giam-thất.

§ III. — *Thẩm-cứu*.

I. *Củ-vấn*. — Củ-vấn tức là hỏi người bị-can : người đã bị-nã, sau khi nã được trong 24 giờ đồng-hồ sẽ do quan thẩm-phán sơ-cấp hoặc đệ-nhị-cấp, quan nào đã tiếp - nhận được người bị-nã ấy, thì phải đương-đường củ-vấn và hiểu-thị cho biết can về tội gì (xem điều 17 H. S. T. T.).

Cái qui - định ấy không những thì cho những kẻ đã bị trát nã bắt đến, mà lại thì cho cả những kẻ bị bắt vì sự đương-trường phạm-tội hay là vì sự minh-bạch-cáo-giác của những người thường trông thấy phạm-tội hoặc của những chức-dịch sở-thuộc tỉnh lên. Nhưng quan thẩm-phán được trong 24 giờ để mà củ-vấn, vậy thì trước khi chưa củ-vấn, mới chỉ là tạm-giam mà thôi.

Cách củ-vấn ấy như thế nào ? Sự củ-vấn phải làm biên-bản. Biên - bản ấy lại phải tuyên-độc cho người bị-can biết, người ấy sẽ cùng quan thẩm-phán đều ký tên.

Nếu người ấy không biết ký tên hoặc không muốn ký tên, trong biên-bản cũng phải nói rõ (xem điều 17 Hình-sự-tố-tụng).

II. *Hỏi chứng*. a) *Người chứng*. — Phàm người chứng đã liệt-danh trong đơn khống và các người mà quan thẩm-phán liệu-nghĩ nên chất-vấn trong khi thẩm-cứu, thì đều phải bị đòi-gọi đến tòa-án để chất-vấn (điều 20 Hình-sự-tố-tụng).

b) *Sức đòi*. — Cách đòi gọi thì dùng một cái truyền-phiếu, lược-kê duyên-do đòi gọi và định ngày đến hầu ; trong truyền - phiếu ấy phải biên năm ngày tháng, do quan thẩm-phán hoặc viên lục-sự ký tên và kiểm ấn tòa án, rồi trực-tiếp giao cho người bị đòi hoặc lý-trưởng sở-tại.

Người bị đòi đã nhận phiếu ấy, phải đem trả lại quan thẩm-phán. — Nếu không gặp người bị đòi, thì lý-trưởng phải biên sự ấy vào trong phiếu, nộp trả lại quan thẩm-phán.

Không cứ trường - hợp nào, cái truyền - phiếu ấy cần phải đính vào bút-lục việc án.

Nếu người bị đòi là người đã bị câu-giam, thì do viên giám-thủ-trưởng ống-đạt truyền-phiếu cho người ấy (điều 20 Hình-sự-tố-tụng).

c) *Kỳ-hạn đến hầu*. — Muốn các người chứng được tiện về sự đến hầu trước quan thẩm-phán, thì phải tùy theo thường-nghiệp của các người ấy và chỗ ở xa gần, mà định cho kỳ-hạn vừa phải.

Người chứng đã cung-khai rồi, hoặc khi có cần đã đối-chất với người bị-can cùng các người đương-sự rồi, thì lập-tức cho về (điều 21 H.S.T.T.).

Nếu các người đương-sự, hoặc người chứng, hoặc người bị-can trú ở hạt khác, thì truyền-phiếu sẽ do quan thẩm-phán nhiệm-sự thẩm-cứu trực-tiếp giao cho quan thẩm-phán ở địa-hạt người bị đòi hiện ở (điều 24 H.S. T.T.).

Chiếu theo các điều luật đã dẫn trên này, thì trát đòi người chứng cũng giống như trát đòi người bị-can còn tại-ngoại.

d) *Hình phạt*. — Phàm người chứng đã bị chiếu lệ đòi gọi, không có cớ gì

hợp lẽ mà tự-ý không đến hầu trước tòa sơ-cấp nghĩ-xử việc vi-cảnh, hoặc trước tòa án tỉnh, hoặc trước tòa đệ-tam-cấp, hoặc trước quan thẩm-cứu, thì có thể bị ép bắt phải đến hầu, và vì cớ không đến hầu phải bị xử phạt bạc từ 1 đồng đến 5 đồng, và phạt giam từ một ngày đến 5 ngày, hoặc hai thứ chỉ phải chịu một.

Sự trừng-phạt ấy, sẽ do tòa án thụ-lý thủ-tục tố-tụng mà cần đòi chứng, hoặc do quan thẩm-phán chịu phái-ủy làm sự thẩm-cứu nghĩ-xử.

Nếu về sau người chứng lại đến hầu mà sự đến hầu hãy còn có ích, và viện ra cớ cáo-thác gì mà tòa án hoặc quan thẩm-phán liệu nghĩ dung-nạp được, thì sự trừng-phạt ấy có thể được chuẩn-miễn.

Về khoản phạt-giam, thì duy khi nào không phải do tòa án đệ-tam-cấp nghĩ-xử, mới được chiếu thường-lệ mà kháng-cáo.

Nếu người chứng bị đòi không phải là quốc-dân An-Nam mà không duyên-cớ gì hợp lẽ lại không đến hầu, thì sẽ do tòa-án hoặc do quan thẩm-phán làm biên-bản nói về sự người ấy không đến hầu, rồi ký-trình lên quan Chưởng-lý tòa Thượng-thẩm Hà-nội để chiếu-biện (điều 22 H. S. T. T.).

1°) Người chứng bị ép bắt phải đến hầu tức là người phải có lính bắt đến. Khi ấy quan thẩm-phán phải hạ trát rõ. — Nhưng khi người chứng đã đến cung-khai rồi, cùng là khi có cần đã đối-chất với người bị-can cùng các người đương-sự khác rồi, chiếu điều 21, phải lập-tức cho về.

2°) Đối với chính người bị-can tại-ngoại, nếu xét ra không cần phải tống-giam, thì khi củ-vấn xong cũng phải lập-tức cho về.

3°) Cái hình phạt-bạc và cái hình phạt-giam định ở điều 22 luật Hình-sự-tố-tụng, chỉ để thi cho người-chứng mà thôi. — Trong khi thẩm-cứu về cách đối-đãi với người bị-can, thì chỉ được bắt ép đến hầu, và nếu có cần thì chỉ được tống-giam.

III. *Khẩu-cung của người bị-can và người-chứng.* — Lấy khẩu-cung trong khi hỏi chứng hoặc trong khi củ-vấn người bị-can, thì thuộc về lời cung của mỗi người phải biên riêng mỗi tờ, lại phải kể rõ họ tên, niên-canh chức-nghiệp, sinh-quán và trú-quán của người ấy, nếu người chứng hoặc người bị-can đối với một người trong các người đương-sự là thân-thuộc thích-thuộc thế nào hoặc là gia-nhân cũng phải nói rõ. Khi lấy khẩu-cung, cần phải biên cho đúng và cho đủ, không được bỏ thiếu câu gì (điều 29 H. S. T. T.).

Luật bắt phải nói cả đến cái dây thân-thuộc, thích-thuộc hoặc là gia-nhân, là để cho quan thẩm-phán tiện tài-định về cái giá-trị lời khẩu-cung của người đứng khai (xem điều 23 Hình-sự-tố-tụng).

Lại trong tờ lấy khẩu-cung người-chứng, phải biên rõ rằng khi sắp hỏi chứng, hiện đã chất-vấn người-chứng, thì người ấy đã đoan-nhận chịu trách-nhiệm cung-khai (xem điều 30). Cái lệ cam-đoan ấy là để thay cái lệ phát-thệ trong luật Đại-Pháp.

Sau khi hỏi chứng hoặc củ-vấn, đem tờ khẩu-cung đọc lại cho người cung-khai nghe, người ấy cùng quan thẩm-phán cùng ký-tên.

Nếu tờ ấy không phải quan thẩm-phán tự viết lấy, thì người viết thay cũng phải ký tên, nếu người-chứng hoặc người bị-can không biết ký-tên hoặc không muốn ký-tên, trong tờ cũng phải nói đến (điều 30). « Người viết thay » nói ở đây tức là viên lục-

sự hoặc viên thư-ký-lục-sự.

Phàm bản-chánh các tờ hỏi-chứng và tờ cũ-vấn phải đính vào bút-lục việc án (điều 31).

Các biên-bản chiếu theo điều 32 H. S. T. T., mà làm ra, nghĩa là thuộc về sự lý-khám, giám-định, vân-vân, cũng phải đính cả vào bút-lục việc án.

IV. *Xét tiền-án của người bị-can.* — Quan thẩm-phán lại phải cứu xét người bị-can ngày trước đã có can-án hay không.

Khi nào xét ra người bị-can ngày trước đã có can-án ở tòa-án Đại-Pháp, thì do quan chánh-thẩm-phán tòa Nam-án trình giấy lên quan Chưởng-lý tòa Thượng-thẩm Hà-nội xin một bản trích-lục cái tư-pháp-lý-lịch của người ấy thuộc về tiền-án (điều 32, đoạn cuối).

V. *Phái-ủy và ủy-thác.* — Trong khi thẩm-cứu, quan chánh-thẩm-phán đệ-nhị-cấp có quyền được ủy người đứng làm thay một vài việc, đại-khái như việc hỏi-chứng, giám-định, khám-nghiệm, lý-khám, vân-vân. Có hai cách: phái quan thẩm-phán trong quản-hạt hoặc sức cho tổng-lý thuộc hạt đứng làm, thì gọi là *phái-ủy* (*délégation*); ủy quan thẩm-phán trong tỉnh-hạt khác đứng làm, thì gọi là *ủy-thác* (*commission rogatoire*). — Cách làm việc phái-ủy và ủy-thác về hình-sự cũng tương-tự như cách làm thuộc về dân-sự thương-sự, xem những điều 25, 19, 26, 27, 28 luật Hình-sự tố-tụng thì biết.

VI. *Thư-chứng và vật-chứng.* — Người khống-tố hoặc người cáo-giác, nếu có dẫn giấy-má gì làm tang-chứng thì phải đem bản-chánh đồng-thời cùng với đơn khống trình nộp lên quan thẩm-phán (đoạn 1 điều 29 H. S. T. T.). — Dẫu đem nộp đơn lên quan thẩm-phán sơ-cấp cũng phải tuân-lệ ấy.

Những giấy-má trình nộp về sau, thì quan thẩm-phán có thể bác-khước mà không nhận (đoạn 2 điều 29 H. S. T. T.). — Chữ thẩm-phán đây là trỏ quan thẩm-phán đệ-nhị-cấp vì quyền đốc-biện việc thẩm-cứu là quyền độc-nhất của quan chánh-án đệ-nhị-cấp.

Còn như những tang-vật do người đương-sự trình nộp hoặc do viên-chức khám-nghiệm khinh-tội áp-thu, thì quan thẩm-phán phải lưu-giữ, để về sau phòng khi tòa án kháng-cáo có tùy-dụng đến.

Phàm những vật không thể để lâu và những súc-vật không thể nuôi được đến ngày có định-lệnh tòa án thượng-cấp, thì có thể do lệnh quan thẩm-phán giao người khán-thủ hoặc phát-mại; nhưng phải tường-kê trong biên-bản rồi đính vào bút-lục. (điều 40 H. S. T. T.).

Nhưng mà nếu biết đích người chủ sở-hữu, thì phải giao trả lại cho người ấy.

VII. — *Xong việc thẩm-cứu.* — Khi nào những viên-chức hoặc quan thẩm-phán đã chịu phái-ủy làm một công-việc thẩm-cứu, mà liệu-định công-việc đã làm xong, thì phải đem tất cả bút-lục về việc án trình nộp lên quan thẩm-phán tòa đệ-nhị-cấp, và cùng trong một lúc trình nộp một tờ bẩm kể đầu đuôi việc ấy và lời kết-luận của mình. Sau khi đã trình nộp rồi thì do quan thẩm-phán tòa đệ-nhị-cấp sẽ tuyên-cáo mệnh-lệnh nhất-định chiếu như sau này:

1°) Một là chứng-cứ đã xong, người phạm đã biết; khi ấy quan chánh-thẩm-phán tòa án tỉnh phải làm ra một cái *mệnh-lệnh đề-nghị.* — Điều 34 định rằng: Khi nào tội-chứng đã đích-xác hoặc sự tình-nghi đã đủ bằng-cứ, thì quan chánh-thẩm-phán tòa án tỉnh phải làm ra một cái mệnh-lệnh đề-nghị, mà tuyên-cáo người bị-can hoặc các

người bị-can phải bị nghĩ-xử và phạm về tội-mục gì. Cùng trong một cái mệnh-lệnh ấy, lại chỉ-định ngày nào mở phiên tòa.

Không cứ truy-tố về khinh-tội trọng-tội gì, hễ chưa có mệnh-lệnh nhất-định, định về tội-mục và chỉ rõ người bị-can là ai, thì quyết không được đem ra trước tòa-án mà đề-nghĩ. — Trong cái trát đòi sẽ giao cho người bị-can, cũng phải nói đến cái tội-mục bị truy-tố chiếu như trong mệnh-lệnh nhất-định của quan thẩm-phán đã định, cho người ấy biết.

Nếu trước ngày mệnh-lệnh đề-nghĩ, người bị-can chưa hề bị tróc-nã, thì về sau duy khi nào có án kết nhất-định cần phải chấp-hành, mới được đối với người phạm-tội mà nã-tróc và câu-giam mà thôi (điều 34 H.S.T.T.).

2o) Một là chứng-cứ không đích-xác hoặc sự tình-nghi không đủ làm bằng-cứ; khi ấy quan thẩm-phán tòa án tỉnh sẽ làm ra một cái *mệnh-lệnh miễn-tố*. — Điều 35 định rằng : Khi nào tội chứng không đích-xác, hoặc sự tình-nghi không đủ làm bằng-cứ, thì quan chánh-thẩm-phán tòa án tỉnh có thể làm ra một cái mệnh-lệnh miễn-tố, mà tuyên-cáo rằng một người hoặc nhiều người bị-can không phải bị đề-nghĩ. — Mệnh-lệnh ấy cùng với bút-lục việc án, đồng - thời đệ - trình lên quan Chưởng-lý tòa Thượng-thẩm Hà-nội. Sau khi buồng giấy quan Chưởng-lý tiếp-nhận rồi, nếu quan Chưởng-lý có phản-đối mệnh-lệnh ấy, thì trong hạn 15 ngày phải tống-đạt sự phản-đối cho quan chánh-thẩm-phán tòa án tỉnh, và yêu-sách phải đòi lại người được miễn-tố ra trước tòa án để kết-nghĩ.

Gặp trường-hợp ấy, giấy tống-đạt của quan Chưởng-lý sẽ kể cái tội-mục, và chỉ rõ người bị-can cùng người chứng phải bị đòi.

Quan Chưởng-lý cũng có thể trước khi chưa tống-đạt phán-thị làm sự cứu-vấn bổ thêm (điều 35 H. S. T. T.).

3o) Một là khi nào xét ra việc án thuộc về thẩm-quyền tòa án khác, thì phải nghĩ-định một cái *mệnh-lệnh nói rằng không có thẩm-quyền và phải giao-phó*, mà đồng-thời đệ-trình cái mệnh-lệnh ấy và bút-lục việc án lên quan Chưởng-lý tòa Thượng-thẩm Hà-nội. Sau khi buồng giấy quan Chưởng-lý tiếp-nhận rồi, nếu quan Chưởng-lý có phản-đối với mệnh - lệnh ấy, thì trong hạn 15 ngày được tống-đạt sự phản-đối cho người bị-can biết (điều 36 H. S. T. T. kiêm xem điều 37).

Nếu cái mệnh-lệnh vô thẩm-quyền mà được xác-nhận (chuẩn-y), thì bút-lục ấy sẽ do sự chuyên-biện của quan Chưởng-lý giao-phó cho tòa án có thẩm-quyền.

Nếu cái mệnh-lệnh vô-thẩm-quyền mà bị bác-khước, thì bút-lục ấy sẽ do sự chuyên-biện của quan Chưởng-lý, giao trả lại cho quan thẩm-phán đệ - nhị - cấp nguyên - trình, để quan thẩm-phán ấy tùy theo tình-trạng của thủ-tục mà hoặc tục-biện về sự cứu-vấn, hoặc đề - xuất người bị-can ra trước tòa-án để kết-nghĩ.

Cái định-lệnh tòa đệ-tam-cấp nghĩ-định về thẩm-quyền thì tòa đệ-nhị-cấp cần phải tuân theo (xem điều 38 H. S. T. T.).

Tiết thứ III

Vậng-án

Phiên-tòa. — Ngày giờ mở phiên-tòa để thẩm về trọng-tội thì do quan chánh-thẩm-phán tòa án tỉnh sẽ lâm-thời chỉ-định.

Ngày giờ của tòa án tỉnh mở phiên tòa để thẩm về khinh-tội thì có định-kỳ, mỗi tuần-lễ một lần hoặc vài lần (điều 41 H. S. T. T.).

Sức dòi. — Phàm người bị-can còn tại-ngoại và các người chứng mà quan chánh-thẩm-phán xét nên hỏi chứng ở trước phiên-tòa, thì sẽ bị dòi gọi chiếu như cách-thức đã định ở điều thứ 20 đoạn 1 (điều 42 H. S. T. T.).

Kỳ-hạn. — Thuộc về kỳ-hạn dòi người bị-can đến hầu, thì từ ngày giao truyền-phiếu đến ngày đến hầu, ít nhất cũng hạn cho 3 ngày, hạn ấy lại được chiếu lộ-trình cách 30 ki-lô-mét thì thêm một ngày (đoạn 2 điều 42 H. S. T. T.). — Còn về kỳ-hạn dòi người chứng, thì trong điều 42 ấy không nói; vậy theo điều 21 có định rằng muốn các người chứng, được tiện đến hầu, thì phải tùy theo thường-nghiệp của các người ấy và chỗ ở xa gần, mà định cho kỳ-hạn vừa phải. — Bởi thế cho nên có khi vì người-chứng mà cái hạn đến hầu của người bị-can tại-ngoại cũng thành ra thêm lên.

Thẩm-cứu tại trước phiên tòa. — Ở trước phiên tòa, quan chánh-thẩm-phán tòa-án tỉnh phải thân-hành cứ-vấn và đối-chất các người bị-can người khống-tố, hoặc người cáo-giác cùng các người chứng nên hỏi; và lại phải trần-thiết các đồ tang-vật, khi có cần phải sức đem biên-bản và giấy-má ở trong bút-lục mà đã xét ra có ích cho sự phát-minh sự-thực, tuyên-độc cho mọi người đều nghe (điều 43 H. S. T. T.).

Đình-kỳ cáo-bạ. — Trước tòa án sẽ có một cái đình-kỳ cáo-bạ tường-biên: những lời dương đường cứ-vấn người bị-can; những lời các người đương-sự và các người chứng cung-khai, những lời vấn đáp của các người đối-nại; và lại chỉ rõ những thư-chứng hoặc vật-chứng đã dùng trong khi công-phán.

Cái bạ ấy lại phải biên cả mọi việc phụ-đái xảy ra trước phiên-tòa cùng là việc án phải để hoãn lại phiên tòa sau. Cái đình-kỳ cáo-bạ, khi nào có xảy ra sự chống án lên tòa Thượng-thẩm thì sao ra một bản đính vào bút-lục để lên chiếu-dụng.

Xong việc công-phán. — Sau khi công-phán, quan chánh thẩm-phán sức người bị-can được viện-lý trần-tình để kháng-biện, — vậy ra luật cho người bị-can được cãi sau cùng.

Kết-án. — Công-phán đã xong, nghĩa là đã do ở trước phiên tòa hỏi chứng-cứ, xét giấy-má nghe lời người bị-can cãi lẽ rồi, thì quan chánh thẩm-phán Đại-Pháp với quan bồi-thẩm An-Nam cùng nhau phán-đoán để kết-án. Nếu hai quan không đồng-ý, thì quan chánh-thẩm-phán được quyết-nghị (điều 12 luật Pháp-viện-biên-chế).

Các cách nghĩ án

Về đường tinh-thần, thì trong án nghĩ hoặc chuẩn người bị-can được miễn-nghị, miễn các khoản truy-tố, không phải chịu lệ-phí; hoặc tuyên-cáo người bị-can là có tội mà nghĩ tội (điều 45 đoạn 1, H.S.T.T.).

Tòa án có thể đổi cái tội-danh đã chỉ ra trong mệnh-lệnh đề-nghĩ (vì trong mệnh-lệnh đề-nghĩ đã đối với sự truy-tố mà chiếu luật chỉ ra tội-danh). Nhưng khi công-phán nếu có phát-sinh cái đoan-do gì về sự thật, lại thành ra thứ tội phạm khác, thì cũng không được lấy cái đoan-do ấy mà thay cho cái đoan-do về sự thật của cái tội-phạm đã thụ-lý rồi, người nào không bị mệnh-lệnh đề-nghĩ chỉ đích-danh là có phạm-tội, thì tòa án đối với người ấy không được nghĩ-xử gì cả.

Nếu vì sự công-phán của tòa đệ-nhị-cấp, mà xét ra sự bị-tố là khinh-tội trọng-tội, lại thành ra tội vi-cảnh, thì tòa án sẽ chiếu tội vi-cảnh đã định trong luật mà nghĩ-án và thi cho cái

hình-phạt thuộc về tội vi-cảnh.

Gặp trường-hợp ấy, thì án kết là án chung-thẩm (điều 47 H.S.T.T.).

Các phần trong án

Về đường hình-thức, chiếu như cái mẫu án-văn đã định trong điều 45 luật H.S.T.T., thì trong cái án có thể chia ra làm 4 đoạn : *Lề-lối đầu-tiên* là để biên ngày, tháng, năm, họ tên quan thẩm-phán, họ tên các người đương-sự, tức là cái đoạn bắt đầu từ chữ « Trung Bắc lưỡng-kỳ . . . ; *tự-sự* là để bầy tỏ việc can-phạm chứng-cứ, phạm điều luật nào, tức là cái đoạn « chiếu-chi. ., chiếu-chi. , » ; *chủ - văn*, là đoạn cốt-yếu để nghĩ tội, hoặc để tha tội, tức là cái đoạn bắt đầu từ chữ : « vì cái lẽ ấy. . . . » ; *hiển-thị về quyền kháng-cáo*, là để bảo cho người đương-sự biết về việc có quyền - năng được chống án.

Thảo-án. — Án-văn phải do quan chánh thẩm-phán kết-án tự làm lấy. Bản-thảo tức là bản-chánh, phải do quan chánh thẩm-phán tự mình biên năm ngày tháng, ký tên kiểm ấn, và do viên lục-sự cũng ký-tên, điều 46 đoạn 1 và 2.

Bồi-thường. — Bất-cứ về việc án gì, quan thẩm-phán đều có thể bằng chức-vụ mình bắt người bị-nghĩ phải bồi-thường cái bồi-khoản xứng-đáng cho người bị tổn-hại hoặc vì tội-phạm hoặc vì sự truy-tố mà phát-sinh ra. Gặp trường-hợp ấy, trong án sẽ định rõ cái tính-chất sự tổn-hại phải bồi-thường (điều 46 đoạn 3).

Lệ-phí. — Các khoản thuộc về tư-pháp-lệ-phí, cũng bắt người bị-nghĩ phải chịu. Nếu gặp trường-hợp miễn-nghị, thì khoản lệ-phí ấy có thể bắt người khống-tố hoặc người vu-cáo phải chịu (điều 46 đoạn 4 luật Hình-sự-tố-tụng).

. . .

Cái điều 46, đoạn 3 luật Hình-sự-tố-tụng dẫn trên này, là một điều-khoản rất cần-dùng về việc bồi tổn-hại : phàm quan thẩm-phán muốn xử bồi-thường cho người đương-sự hoặc người đương-sự muốn xin bồi-thường tất phải viện điều 46 ấy là một điều-luật rất nên chú-ý

(*Còn nữa*)

H. T.

NHÂN-VẬT TRUYỆN KIỀU

Truyện *Kim-Vân-Kiều* là một thiên tiểu - thuyết kiệt-tác của NGUYỄN DU tiên - sinh, viết bằng văn vần, là một nền văn-chương bất-hủ, hay nhất của nước ta. Khắp người nước ta, từ bác xã cày sâu cuốc bẫm cho chí nhà văn-học vạn-quyển thiên-kinh, từ chị hàng rau cục-kịch cho chí người khuê-các phong-tao, ai cũng ưa đọc truyện *Kiều*, ai cũng thích ngâm truyện *Kiều*. Xét những bộ tiểu - thuyết tuyệt-bút của các nước, thường không có được cái tính - cách phổ-thông, mà những bộ tiểu-thuyết phổ-thông được trong dân-gian, thời không phải là những nền văn-chương có giá-trị mĩ-thuật. Vì sao vậy? Vì cái sở-thích của những người ít học là ở như câu chuyện rắc - rối, rườm-rà, lắm việc bi-thương, huyền-hoặc, náo - động, chứ đến những tiểu-thuyết cốt-cách tầm-thường, chủ-não rõ-rệt, thuật ít tả nhiều, tả tình, tả cảnh, tả tâm - lý, chứa - chan tư-tưởng, dồi-dào ngụ-ý, thì họ chê là nhạt, là tẻ, là buồn. Mà nhạt, mà tẻ, mà buồn cho họ thật, vì họ có biết

thưởng-giám đâu đến những chỗ cực-tả bức chân, những tư-tưởng uyên-áo, những ngụ-ý cao-xa. Tài-tình thật! Đến Tiên-điền-tiên-sinh thì tài-tình thật! Truyện *Kiều* của tiên-sinh thì khắp các hạng người trong xã-hội ta đọc, mỗi người hiểu một cách, mỗi người ưa một đàng, nhưng ai đã đọc đến truyện *Kiều* cũng đều công-nhận là một truyện hay đến cực-điểm. Một người tài-sắc tuyệt-luân như cô Kiều mà mang phải kiếp đoạn-trường, cái nỗi thảm tình thương của cô, cái thân-thế khổ-thống của cô, cái tình-cảnh bi-thương của cô, ai đọc đến truyện cô mà không đau-đớn lòng vì những điều nghe thấy?

Truyện *Kim-Vân-Kiều* lấy tên ba người là Kim Trọng, Thúy-Vân, Thúy-Kiều đặt tên sách, nhưng kỳ-thực người chủ-đông trong toàn-truyện chỉ có cô Kiều, truyện là truyện cô Kiều vậy. Cái hay của truyện *Kiều* tuy là ở văn-chương cũng nhiều thực, nhưng lời văn đẹp, câu thơ giòn chẳng qua mới là bộ áo khoác bên ngoài, nếu truyện *Kiều* hay chỉ có ở đấy thôi thì cái giá-trị có đâu được lớn-lao như thế, cái ảnh-hưởng có đâu được sâu-xa như thế? Truyện *Kiều* sở-dĩ là truyện *Kiều*, truyện *Kiều* sở-dĩ được cùng với non sông thọ-trường là vì tác-giả có cái tài sáng-tạo ra nhân-vật, nghĩa là nhân-vật của truyện *Kiều* sinh-hoạt hệt như thực, ngôn-ngữ cử-chỉ của người nào trong truyện *Kiều* cũng hợp với cái tâm-lý người ấy, NGUYỄN DU tiên-sinh là một nhà am-hiểu nhân-tình thế-thái, trông suốt gan ruột người đời một cách sâu-xa mật-thiết, không những tiên-sinh biết

« Đau lòng vì những điều trông thấy »,

mà tiên-sinh lại có tài thuật lại những cái tiên-sinh trông thấy, khiến cho người nghe tiên-sinh cũng phải đau lòng, cũng phải cau mày rơi lụy. Một nhà làm tiểu-thuyết phải thâm-hiểu cái tâm-lý con người ta, đến khi làm văn phải khéo tả cho được hệt, cho cảm được lòng người, thì tiểu-thuyết mới có giá-trị. Các nhà làm tiểu-thuyết bên Á-Đông ta không hay để ý vào sự tả tâm-lý con người, có lẽ một phần vì cớ ấy mà không thấy được mấy bộ tiểu-thuyết có giá-trị về mĩ-thuật chăng?

Vì những ý nghĩ trên này nên luận về « Nhân-vật truyện *Kiều* », chủ-ý phát-siển ra cái tâm-lý của mỗi người trong truyện. Văn như bài này có hai lối lập-luận: Một lối lấy riêng từng nhân-vật một ra mà luận; một lối thì vừa lược-thuật truyện cho có đầu có đuôi, rồi gặp nhân-vật nào thời tùy cái cảnh-ngộ cùng cách cử-động của nhân-vật ấy mà luận. Ký-giả theo lối thứ hai mà lập-luận, phân-tích truyện *Kiều* ra từng đoạn cho được rõ-rệt phân-minh.

I

Chơi hội Đạp-thanh tình-cờ gặp gỡ.
Trước hiên Lãm-thúy nguyện-ước ba sinh.

Thúy-Kiều là con gái ông Viên-ngoại họ Vương, tuy gia-tư cũng chỉ vào bực trung-thường, nhưng vốn dòng thi-lễ, nền-nếp nho-gia. Cô người tuyệt đẹp, đẹp có một không hai, mai cốt-cách, tuyết tinh-thần, mặn-mà sắc-xảo, ngọc nói hoa cười, cái nhan-sắc cô thực nghiêng thành đổ nước, cá lặn nhạn sa. Sắc đành có một, tài đành họa hai, cô thông-minh rất mực, thơ hay, vẽ khéo, hát giỏi, đàn hay, thực hồng-quần như cô, phong-lưu đã vào bậc nhất. Xuân-xanh cô mới độ trăng rằm, mà tài-sắc đã lừng trong quận, nhưng cô vẫn còn:

Êm-đềm trướng rủ màn che,
Tường đông ong bướm đi về mặc ai,

Cô phải cái đa-sầu, đa-cảm, đa-lự, đa-tư. Khi cô đi tảo-mộ, cùng hai em

thơ-thẩn ra về, chợt trông thấy mồ vô-chủ, hương-khói vắng tanh, hỏi em là Vương Quan mới biết :

Đạm-Tiên nàng ấy xưa là ca-nhi,
Nổi danh tài-sắc một thì,
Xôn-xao ngoài cửa thiếu gì yến anh.
Kiếp hồng nhan có mong-manh,
Nửa chừng xuân thoắt gẫy cành thiên-hương.

Nghe thế mà cô đem lòng thương xót, châu sa đầm-đầm :

« Sống làm vợ khắp người ta,
Hại thay thác xuống lầm ma không chồng ».

Cô liền thắp hương khấn vái :

Gọi là gặp-gỡ giữa đường,
Họa là người dưới suối vàng biết cho.

Cô Kiều là người có học, thâm-hiểu đạo nho, nên nhất-thiết việc đời đều tin ở số-mệnh. Cô Kiều cũng như tác-giả tin rằng :

Trời xanh quen với má-hồng đánh ghen.

Nên chi nghe truyện Đạm-Tiên, liền than ngay rằng :

« Đau-lớn thay phận đàn-bà !
Lời rằng bạc-mệnh cũng là lời chung ».

Có dễ trong lòng cô lo buồn cho cái thân mình mai sau chưa chắc đã ra ngoài được cái số-mệnh chung của người tài-sắc :

Rằng : « hồng-nhan tự thủa xưa,
Cái điều bạc-mệnh có chừa ai đâu !. . . »

Vả khi cô còn bé, có người tướng-sĩ đoán cho cô rằng :

« Anh-hoa phát-tiết ra ngoài,
Nghìn thu bạc-mệnh một đời tài-hoa. . . »

Ôi ! một người con gái, mơn-mởn như đóa hoa xuân, mà mang lấy cái bệnh đa-sầu đa-cảm, lại thêm cái lòng mê-tín, thì thực là một người sầu-nhân, trong lòng chỉ chồng-chất những sầu cùng não, thực suốt đời cô Kiều không có lúc nào là lúc vui vậy.

Cái lối làm tiểu-thuyết của tàu, của ta, thế nào cũng gài thêm được những điều huyền - hoặc vào trong truyện. Tiên-điền tiên-sinh là một nhà thâm-nho, không tránh được cái bệnh thông-thường ấy, nên chỉ chị em cô Kiều đang đứng trước mả Đạm-Tiên bàn truyện người mệnh bạc, thì tiên-sinh cho ngay Đạm-Tiên hiển hiện lên :

Ào-ào đổ lộc rung cây,
Ở trong nhường có hương bay ít nhiều,
Bè chừng ngọn gió lần theo,
Dấu dầy từng bước in rêu rành-rành.

Tiếc rằng một câu chuyện huyền-hoặc Đạm-Tiên này mà lại là cái then-chốt cuộc đời cô Kiều mai sau. Cái phép khảo-cứu thì nghĩ thế nào phải viết như thế, chứ thực không dám phê-bình đến cụ NGUYỄN DU, và chủ-đích của ký-giả là khảo-cứu nền văn-chương của cụ để học lối làm văn vậy.

Chị em còn đang :

Dùng-dằng nửa ở nửa về,
Nhạc vàng đâu đã tiếng nghe gần gần.

thì đã :

Trông chừng thấy một văn-nhân,
Lỏng buông tay khấu bước lần đặm băng.

Người ấy là công-tử họ Kim, tên Trọng, vốn nhà trâm-anh, cùng với Vương Quan là bạn-hữu.

Nền phú-quí, bậc tài-danh,
Văn-chương nết đất thông-minh tính trời,
Phong-tư tài-mạo tót vời,
Vào trong phong-nhã ra ngoài hào-hoa.

Kim Trọng vốn đã :

Trộm nghe thơm nức hương-lân,
Một nền Đồng-tước khóa xuân hai Kiều.

Tuy nước non cách-trở, mà đã rầy ước mai ao, trộm yêu thầm nhớ. Cuộc tương-phùng ngày nay mới may-mắn làm sao !

Bóng hồng nhác thấy nẻo xa,
Xuân-lan thu-cúc mặn-mà cả hai,
Người quốc-sắc, kẻ thiên-tài,
Tình trong như đã mặt ngoài còn e.
Chập-chờn cơn tỉnh cơn mê...

Cô Kiều đa-cảm, đa-sầu bao nhiêu thì lại đa-tình bấy nhiêu. Cô trở gót

lại nhà, mà thâu canh trằn-trọc, nghĩ vẩn nghĩ vơ, nghĩ xa nghĩ gần.

Người đâu gặp-gỡ làm chi ?
Trăm năm biết có duyên gì hay không ?

Cô Kiều ơi ! tuổi cô chưa đầy đôi tám, sao mà cô đã sớm mắc vào mối tình ? Cô phải biết phàm người con gái chưa chồng, bước ra khỏi cửa, cái vẻ mặt đẹp, bộ cánh sang của các cậu công-tử không nên để lọt vào mắt xanh, cái gương trong của tấm lòng son phải sao cho chẳng chút bụi trần mới đáng là người thục-nữ. Nhưng mà thôi, tôi chẳng trách chi cô, vì cái bản-tính cô đã đa-tình mà lại gặp ngay một người văn-nhân phong-lưu nho-nhã, trách nào không vướng-vít tơ lòng. Nhưng tôi chỉ mong rằng các cô thiếu-nữ đọc truyện cô, thấy cái bệnh đa-tình đã làm khổ một đời cô mà giật mình kinh sợ, tránh xa được cái lưới tình-tang. . .

Cô Kiều bấy giờ một mình lặng ngắm bóng Nga, bên lòng trăm mối, ngồi lâu mỏi mệt, thiu-thiu chợp mắt, bỗng thấy một tiểu-kiều :

Sương in mặt, tuyết pha chân,
Sen vàng lững-thững như gần như xa,

thì ra là Đạm-Tiên, cảm vì mấy lời cô Kiều, đến báo cho cô biết rằng cô cũng có tên trong sổ đoạn-trường. Cô sực tỉnh dậy,

Đường xa nghĩ nỗi sau này mà kinh,
Hoa trôi bèo giạt đã đành,
Biết duyên mình, biết phận mình thế thôi !

Về phần cậu Kim Trọng, cái bệnh đa-tình cũng chẳng kém gì cô Kiều. Cậu từ khi nhác thấy bóng hồng, hồn siêu phách tán, trở lại phòng văn, ngơ-ngẩn vì tình.

Tuần trăng khuyết, đĩa dầu hao,
Mặt mơ-tưởng mặt, lòng ngao-ngán lòng.

Những là :

Bâng-khuâng nhớ cảnh nhớ người,
Nhớ nơi kỳ-ngộ vội dời chân đi.

Đi sang Lam-kiều, mong được gặp ai, nào ai có thấy !

Thâm-nghiêm kín cổng cao tường,
Cạn dòng lá thắm dứt đường chim xanh.

Cái tình-cảnh cậu Kim Trọng bấy giờ mới não-nùng thay ! Vẩn-vơ thờ-thẫn, tần-ngần đứng suốt giờ lâu. Cậu thấy bên sau có một cái nhà không người ở,

Có cây có đá sẵn-sàng,
Có hiên Lãm-thúy nét vàng chưa phai,

lấy làm mừng, liền

Lấy điều du-học hỏi thuê,
Tối đàn cặp sách dề-huề dọn sang.

Phàm người ta có lòng hi-vọng cái gì, thì thường những chuyện đâu đâu không quan-hệ gì đến cái vật mình hi-vọng, cũng cho là cái triệu-chứng lợi cho mình. Cậu Kim Trọng trông thấy ba chữ « *Lãm-thúy-viên* » đã vội mừng ngay cho là cái triệu nhân-duyên mình đối với hai nàng Kiều vậy.

Cậu dọn sang ở đó, thấm-thoắt đã hai tháng trời, ngày ngày thường ghé mắt tường đông mà bóng hồng tịt-mù nào có thấy ! Nghĩ đến cái tình-cảnh cậu trong hai tháng tròn, nằm chờ ăn đợi, đỏ mắt trông ai mà ai chẳng thấy, cũng khả thương tình.

Nhưng mà này, cậu Kim Trọng ơi ! cậu cũng con nhà thi-lễ, đường-đường một đấng văn-nhân, mà sao cậu không thắng được cái lòng ham muốn, đem cái thì-giờ quí-báu đáng để vào việc học-hành mà đi ăn chực nằm chờ, khuy-du một người thiếu-nữ ? Nếu cậu mến cái nhan-sắc, cái tài-đức người ta thì sao không dùng cách đường-đường chính-chính, xin mẹ cha mối-manh sang hỏi bố mẹ người ta ?

Một hôm cậu đang ngồi, nom qua bên vườn, chợt thấy bóng hồng tha-

thướt dưới bóng cây đào, vội-vàng bước ra thì

Hương còn thơm nức người đà vắng tanh.

Thế mới rõ chán! Nằm tròn như cuội cung trăng, trong hai tháng trời mới được một khi, đã khấp-khởi mừng lòng, hóa ra mừng hụt. Cậu Kim Trọng ngẩn người ra, trong lòng chán ngắt, nhưng vẫn không dứt ra về được. Ôi! Đến sức mạnh của ái-tình thực là vô-địch! Cậu đang ngơ-ngác ngẩn-ngơ, chợt trên cành đào thấy cắm một cành kim-thoa. Cậu mừng quá cầm lấy đem về.

Lạ thay cho ái-tình! Cành thoa ấy có khác gì cành thoa khác đâu! Thế mà cậu Kim ngẩm đi ngẩm lại không biết chán, hết đi lại đứng, quên cả ngủ quên cả ăn. Hôm sau cậu dậy sớm lắm, chưa sáng rõ đã vơ-vẩn bên tường, mong được thấy người có thoa ra tìm của mất. Mà quả được như nguyện.

Tan sương đã thấy bóng người
Quanh tường ra ý tìm tòi ngẩn-ngơ,

Nhân được cái dịp may-mắn lạ nhường ấy mà Kim Trọng tỏ bầy tâm-sự. Cô Kiều ngần-ngại đáp rằng:

« Dù khi lá thắm chỉ hồng,
Nên chăng thời cũng tại lòng mẹ cha. »

Nhưng mà cái tài ngẩn-ngơ của khách tình, thường đổi-dào phong-phú, thường êm như đàn ngọt, hát hay, để khiến siêu lòng thục-nữ. Cậu Kim hết lời nằn-nỉ:

« ... Chút chi gắn bó một hai,
Cho đành rồi sẽ liệu bài mối manh... »

Cô Kiều cầm lòng chẳng đậu, nề lời mà rằng:

«... Đã lòng quân-tử đa mang,
Một lời ghi tạc đá vàng thủy chung... »

Ấy thế là đôi bên trao của tin cho nhau.

Xét từ trước đến đây, thì cô Kiều tuy cũng đáng trách là không đợi mệnh của mẹ cha dám tự-tiện chỉ non thề biển với Kim Trọng, nhưng vẫn còn là đoan-chính, ta hãy nên dung-thứ. Cậu Kim tuy cũng đáng trách là bỏ sách-vở đi theo đuổi Kiều-nhi, nhưng chỉ cốt được

Chút chi gắn bó một hai,
Cho đành rồi sẽ liệu bài mối manh,

thì ta cũng có thể rộng dung cho được. Nhưng mà không, cậu được lời vàng đá với chiếc thoa của cô Kiều rồi, đáng lẽ cậu nhờ lời về ngay để « liệu bài mối-manh » thì phải, cậu lại cứ ở lỳ đấy để mong được đi lại cùng ai. Có phải quả rằng cậu có ý không tốt không? Có phải quả rằng cậu cũng chỉ là tay si-tình tầm-thường thôi không? Có Kiều cũng thế, có nề lời cậu Kim mà trao lời vàng đá, đổi vật làm tin chăng nữa, nhưng như thế cũng đã là quá vượt ra ngoài danh-giáo rồi, đáng lẽ khóa chặt phòng xuân, đợi mối-manh quang-minh chính-đại. Ai ngờ cô cũng chẳng cao-thượng gì hơn cậu Kim Trọng! Gặp buổi mẹ cha cùng hai em đi dự-lễ sinh-nhật bên họ ngoại, cô kiếm cớ thoái-thác ở lại nhà, để tìm đường sang trò-chuyện với tình-lang! Bậy thật! Ra vườn đứng cách tường nói chuyện với trai không đủ, lại còn vạch hàng rào sang phòng cậu Kim. Sách có chữ « *Nữ đáo nam-phòng nữ tắc dâm* », cô Kiều há lại không biết hay sao? Cô trò-chuyện cùng cậu đến mãi chiều, mới trở lại nhà, về nhà được tin cha mẹ còn dỡ tiệc hoa chưa về lại vội-vàng

Xăm-xăm băng lối vườn khuya một mình.

Đêm khuya thân gái, dám bỏ nhà sang với tình-nhân! Bậy thực!

Nghe câu:

«... Khoảng vắng đêm trường,
Vì hoa nên phải đánh đường tìm hoa... »

thì thật rõ là khẩu-khiếu con gái trăng-hoa, không ai còn có thể bảo là đoan-chính được. Cô tuy có nói rằng:

Đừng điều nguyệt nọ hoa kia,

nhưng lại thêm

Ngoài ra ai lại tiếc gì đến ai.

thì có ở nhà cậu Kim bước chân ra chốc nữa, tưởng cũng không còn được trong-sạch như khi mới bước vào. Mà quả thế :

Hoa đèo càng tỏ thức hồng,
Đầu mày cuối mắt càng nồng tấm yêu.
Sóng tình dường đã xiêu-xiêu,
Xem trong âu-yếm có chiều lả-lơi.

Nhưng mà cô cũng biết điều, sợ quá chiều ai, ai được mười phần thỏa-mãn rồi lại học đòi cậu Trương xưa kia chăng :

Mây mưa đánh đổ đá vàng,
Quá chiều nên đã chán-chường yến anh,

nên vội nghiêm nét mặt, đĩnh-đặc thưa rằng :

« . . . Đừng lấy làm chơi,
Rẽ cho thưa hết một lời đã nao.
Vẻ chi một đóa yêu-đào,
Vườn hồng chỉ dám ngăn rào chim xanh
Đã cho vào bậc bố-kinh,
Đạo tòng-phu lấy chữ trinh làm đầu,
Ra tuồng trên Bộc trong Dâu,
Thì con người ấy ai cầu làm chi ? »

Cô Kiều ơi, tôi cũng khen cho cô mồm-mép thực ! Cô chê tuồng trên Bộc trong Dâu, có lẽ cô tưởng mình cô đứng-đắn lắm chăng ? Dễ cô tưởng ngoài cái cuộc mưa nguyệt gió hoa, không còn cái gì là đáng giữ nữa chăng ? nên thân nghìn vàng trong sạch của cô, cô mặc sức cho ai cô chẳng tiếc ? Nếu cô nghĩ vậy thì cô lầm lắm thay ! Nhưng mà không, tôi không thể cho cô là một người đoan-chính, cao-thượng được, chẳng qua cô dùng lời đoan-chính để chữa thẹn, để che lấp cái thói trăng-hoa của cô đó mà thôi. . . . .

Tả đến chỗ một đôi nhân-tình tương-ngộ này, là lúc cô Kiều thỏa-mãn, vui-sướng nhất trong đời cô, thế mà tác-giả vẫn không nhãng cái tâm-lý da-sầu, đa-tư, đa-lự của cô, nên cái ngày vui ngắn-ngủi của cô ấy tuy

Lòng xuân phơi-phới, chén xuân tàng-tàng

nhưng vẫn làm những chất bi-ai, áo-não, khiến cho cô đã thốt ra câu :

Nghĩ mình phận mỏng cánh chuồn,
Khuôn xanh biết có vuông tròn mà hay ?

Đến khi gẩy đàn cho người yêu nghe thì tiếng sắt tiếng vàng, như sầu, như oán, như khóc, như than,

Khiến người ngồi đó cũng ngơ-ngẩn sầu,

mà phải nói rằng

« Rằng hay thì thực là hay,
Nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào ! . . . »

II

Vạ gió tai bay, Vương-ông mắc nạn,
Tình khinh hiếu trọng, Kiều nhi bán mình.

Thế-giới là một nơi diễn-trường lớn, cuộc đời là một bản kịch lớn, nhà soạn-kịch và soạn-cảnh là ông hóa-công. Trò đời của ông nếu thẳng-thắn đơn-sơ thì tẻ ngắt, nên ông phải bày cho rắc-rối, oái-oăm, khe-khắt, cho cảnh vui sen cảnh buồn, nỗi mừng chen nỗi giận, cho người từ-bi bác-ái ở lẫn với quân độc-ác tham-tàn. . . . Đã thế ông lại « *quen với má hồng đánh nghen* », nên cô Kiều đang hưởng cuộc vui xum-họp với cậu Kim, thì ông bắt chú ruột cậu Kim về trời, khiến cho đôi tình-nhân kia phải lìa nhau ra.

Cậu Kim từ-biệt cô Kiều nói :

« Trăng thề còn đó trơ trơ,
Dám xa-xôi mặt mà thơ-thớt lòng. . . »

Còn cô Kiều thì

« Đã nguyền đôi chữ đồng-tâm,
Trăm năm thề chẳng ôm cầm thuyền ai. . . »

Ông xanh đã làm cho nhạn lẻ hồng tan rồi, ông còn chưa phỉ-nguyện, cái cách ông ghen với má-hồng, thực là chua cay mặn chát, đáng ghê, đáng sợ thay ! Ông

Đã cho lấy chữ hồng-nhan,

thì ông

Làm cho, cho hại, cho tàn cho cân !

Đa-đoan chi mấy, ông tạo-hóa ?

Cậu Kim vừa đi khỏi, cô Kiều vừa trở lại nhà, thì hai thân cũng vừa đi mừng thọ về. Nhưng mà

Hàn-huyên chưa kịp dãi-dề,
Sai-nha bỗng thấy bốn bề lao-sao...

Ôi thôi! cả nhà hoảng-hốt, như sét đánh ngang tai, nào có biết vì đâu nên nỗi. Chưa kịp nói-năng chi cả thì « một dây vô-loại » đã « buộc hai thâm-tình » rồi!

Hỏi ra sau mới biết rằng:
Phải tên xưng-xuất là thằng bán tơ.

Oan lắm thay! oan lắm thay! Nhưng

Oan này chỉ có kêu trời nhưng xa.

Cái lũ đầu trâu mặt ngựa kia thì ỷ-thế quan xa nha gần, tha-hồ vơ-vét, tha-hồ hành-hạ, chúng có thèm nghĩ chi đến nỗi oan tình khổ của người vô-tội đâu! Đến cái thói sai-nha thì thực tàn-nhẫn đến cực-điểm!

Một ngày lạ thói sai-nha.
Làm cho khốc-lại chẳng qua vì tiền!

Trong truyện *Kiều* có một nhân-vật ta không rõ mặt, không tường tên, nhưng ta không thể bỏ qua không xét đến được... Nhân-vật ấy là ai? Là quan phụ-mẫu huyện Lôi-châu vậy. Nhà Kiều khốc-hại vì ai? Cốt-nhục nhà Kiều phân-ly vì ai? Nhân-duyên Kiều tan-nát vì ai? Vì ai mà tấm thân nghìn vàng của người tài-nữ phải chìm-đắm hai lần ở chốn lầu-xanh ô-uế, trải qua biết bao nỗi khổ-thống nhục-nhẫn? Có phải là chỉ vì ông quan Lôi-châu cầm cân công-lý mà không giữ được mực thăng-bằng không? Cái án ngờ của ông đã làm cho chảy biết bao là nước mắt, nước mắt cha con phân-ly, anh em chia rẽ, vợ chồng lẻ loi,... ông có biết rằng ông chỉ lầm một chút mà ông đã phạm vào một cái tội thái-ác, tổ-tiên ông dù đã tu-nhân tích-đức mấy mươi đời cũng không chuộc được tội cho ông không? Một đời ông làm quan, cứ mỗi lần ông lầm, ông lại chôn mất một cô Kiều, ông lại phá-hại một nhà họ Vương.... Cái chức-trách một ông quan phụ-mẫu nghĩ mà ghê thay! Ông quan kia vì biết nghĩ đến cái tình-cảnh khổ-thống của cô Kiều của nhà họ Vương thì không biết ăn mấy trăm vàn tiền hối-lộ có ngon không nhỉ?...

Từ đây về trước, ký-giả luận về cô Kiều, cái nét bút khí nghiêm-khắc một chút, nhưng lời bàn nếu còn có ý thiên thì sao cho chính-đáng? Ký-giả càng chê cái nết lẳng, cái thói đa-tình của cô bao nhiêu, ký-giả càng chỉ-trích cái lòng say-mê của cô đối với cậu Kim bao nhiêu, thì nay lại càng phục, càng khen cái lòng quên-tình vì hiếu của cô bấy nhiêu. Cái nết cô càng lẳng, cái tình cô càng thâm, cái lòng say-mê càng mạnh thì cái chí báo-hiếu của cô càng khó, cái cuộc chiến-đấu trong lòng cô trước khi quyết làm nghĩa-vụ càng kịch-liệt.

Duyên hội-ngộ, đức cù-lao,
Chữ tình chữ hiếu bên nào nặng hơn?

Thế mà cô biết cả quyết bán mình chuộc tội cho cha thì cô khí-khái cao-thượng biết là bao nhiêu? Đáng thương thay, đáng trọng thay, người hiếu-nữ! Đọc truyện cô đến chỗ này mà thẹn thay cho nhiều người ngày nay đường-đường nam-tử, có học hẳn-hoi, thế mà hiếu xem khinh, tình coi trọng! Quá yêu vợ đẹp, cãi trả mẹ cha; quí vợ như tiên, coi mẹ cha như người dưng nước lã; vợ thì đắp lụa vàng đầy người cho đẹp, mẹ thì manh áo đơn rét lạnh thấu xương! Ấy là khi thường còn thế, khi biến có lẽ họ dám hi-sinh cha mẹ để bảo-toàn hạnh-phúc cho bản-thân, cho vợ con họ chắc!.. Nghĩ mà ghê thay, cái thói đời! Nghĩ mà khinh thay những phường vong-ân nịch-ái!

Cô Kiều bán mình chuộc tội cho cha, đành rằng phận làm con thế mới hết nghĩa-vụ. Nhưng Vương-ông nghĩ sao? Há ông sinh con ra mà lại

nỡ nghĩ riêng thân mình để cho con ra thân hoa chôi bèo giạt hay sao? Con có nghĩa-vụ đối với cha, thì cha cũng có nghĩa-vụ đối với con. Vương-ông ngay lúc gặp cơn tai-vạ bất-kỳ ấy, thấy con gái quyết tình như vậy, cũng lấy làm thương-cảm, nhưng cái lòng tư-kỷ bấy giờ mạnh hơn lòng thương con, nên tuy miệng chẳng nói ra, chứ lòng cũng đã đành chịu như vậy !. . . Đến khi sau này cô Kiều đã có người mua rồi. Vương-ông đã được tạm-lĩnh về nhà rồi, thời ông mới biết hối, mới biết nghĩ đến cái đạo làm cha, quyết liều mình để cho con khỏi ra thân đầy-đọa. Nhưng mà cô Kiều là người chí-hiếu, đã cả quyết đem mảnh hồng-nhan đền ơn sinh-dưỡng, nên hết lời hơn thiệt khuyên can Vương-ông. Cô Kiều thực là giỏi khoa ngôn-ngữ. Cô nói : « Cả nhà trông vào một mình cha, nếu cha không dứt tình cho con bán mình, thì cả nhà trông cậy vào đâu ?

Cũng đừng tính quẩn lo quanh,
Tan nhà là một thiệt mình là hai.

Còn như thân con phận gái, có đáng kể chi ! vả

Dâng thư đã thẹn nàng Oanh !
Lại thua ả Lý bán mình hay sao ?

Ấy cô Kiều đối với cha, đối với nhà, cái tình thâm là thế, nặng là thế, nhưng mà mẹ cô, hai em cô sao nỡ khoanh tay ngồi ngơ cho đành nhỉ ? Cô Vân cậu Quan tuy còn ít tuổi hơn chị, nhưng cậu bữa trước leo-lẻo kể truyện Đạm-Tiên, cô bữa sau thấy chị thổn-thức khi canh khuya, đoán được cái nỗi riêng của chị, thì cô với cậu cũng không phải còn ngây dại gì nữa. Ngẫm trong truyện *Kiều*, cậu Vương Quan với cô Thúy-Vân thực là hai nhân-vật vô-tích lạ ! Cậu chỉ biết sênh-sang mũ áo, ra phết nhà nho, cô chỉ biết tô-điểm phấn son, đóng vai tố-nữ, chứ đến khi nhà lâm cuộc biến, nào có thấy cậu Quan, cô Vân hé răng gọi là góp chi lo toan, tỏ lòng thương cha xót chị ! Ôi ! Thế cũng nho-gia ! Thế cũng khuê-các ! Ôi ! xét người chỉ chủ ở vẻ mặt tốt, bộ cánh sang, thời lầm lắm thay !

Đọc truyện *Kiều* đến chỗ bán mình, mà nghĩ cảm thương người bạc-mệnh ! mà nghĩ giận thay cái cách dã-man mua bán con người ! Ta muốn biết rõ cái cảnh cô Kiều lúc dẫn mặt ra trước khách mua hàng, đau đớn, nhục-nhằn là nhường nào, thời ta phải nghĩ đến cái tư-cách cô bấy giờ, đường-đường một vị thiên-kim tiểu-thư, trong thâm-nghiêm khuê-các, chưa từng dạn gió dầy sương. Khách, họ Mã tên Giám-sinh, chạc ngoài bốn mươi tuổi, đã ngồi trên ghế nhà ngoài, mụ mối giục nàng ra cho người xem mặt. Khốn-nạn cho nàng !

Nỗi mình thêm tức nỗi nhà,
Thềm hoa một bước lệ hoa mấy hàng.

Cô Kiều phải cái bước mặt dày mày dạn ấy đã chết điếng trong lòng, đã như cắt từng khúc ruột, mà mụ mối vô-lương-tâm, hình như không hề cảm-động, nên

Mối càng vén tóc bắt tay,
Nét buồn như cúc, điệu gầy như mai.
Đắn-đo cân sắc cân tài,
Ép cung cầm-nguyệt thử bài quạt thơ.

Đến khi mặc-cả, mới lại đau lòng người ta chứ ! Kẻ có học đọc đến những câu

Cò-kè bớt một thêm hai,
Giờ lâu ngã giá vâng ngoài bốn trăm,

tưởng-tượng đến cái cảnh con người đem bán mua như một con vật, như một thứ hàng, thời không thể không cau mày tắc lưỡi, rùng mình xót vay được !. . .

Cô Kiều đã bán được mình rồi, họ Vương đã có tiền đem dâng quan rồi, thời việc nhà đã tạm yên. Bấy giờ cô một mình đối ngọn đèn khuya, mới nghĩ đến ai, thương ai dang-giở vì

mình khăng-khít, tiếc công-trình đeo-đẳng đã bấy nhiêu lâu ! Nghĩ đến nỗi mình, luống đau tấc dạ, nức-nở khóc như gió như mưa. Thúy-Vân tỉnh giấc, biết chị vương-vít tơ-tình, ân-cần hanh-hỏi. Cô Kiều tỏ thực nỗi lòng rồi lại nhờ em thay mình kết-duyên cùng Kim Trọng cho được trọn lời thề xưa. Nghe nàng nói với em, đố ai cầm lòng cho đậu :

« Chiếc thoa mấy bức tờ mây,
Duyên này thì giữ vật này của chung.
Dù em nên vợ nên chồng,
Xót người mệnh bạc ắt lòng chẳng quên. »

Đến những câu này mới lại thiết-tha, ai-oán, thực là những lời theo hai hàng huyết-lệ mà thốt ra :

« Trăm nghìn gửi lạy tình quân,
Tơ duyên ngắn-ngủi có ngần ấy thôi.
Phận sao phận bạc như vôi,
Đã đành nước chảy hoa chôi lỡ làng !
Ôi Kim-lang ! hỡi Kim-lang !
Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây. »

Bây giờ ta mới nói đến cậu Mã Giám-Sinh. Cậu là một tay phong-tình, qua chơi lại gặp hồi đen, nên chung vốn cùng với mụ Tú-Bà mở ngôi hàng buôn son bán phấn. Cậu giả-danh là tìm người hầu kẻ hạ, lùng khắp mọi nơi, mua người hồng-phấn. Vô-duyên thay cho cô Kiều !

Xót nàng chút phận thuyền-quyên,
Cánh hoa đem bán cho thuyền lái buôn.

Cái đám kiệu hoa, cùng đàn sáo đón rước cô Kiều, thực là đám ma sống của người bạc-mệnh ! Nghĩ họ Vương mà không phải cái bước oan-khiên kia, thì cái đám cưới cô Kiều vui-vẻ, lừng-lẫy đến đâu ! Có đâu đến nỗi :

Lê rơi thấm đá tơ chia rẽ tằm.

Nàng đã đến trú-phòng, bốn bề xuân khóa, bấy giờ nghĩ lòng chua xót, e lục thẹn hồng, lại nghĩ đến khi cùng ai tiếng đàn tiệc rượu, âu-yếm mặn nồng, mới tiếc rằng :

Phẩm tiên rơi đến tay hèn,
Hoài công nắng giữ mưa gìn với ai !
Biết thân đến bước lạc loài,
Nhị đào thà bẻ cho người tình-chung !...

Ta nên an-ủi cô Kiều rằng : Điều đó đáng tiếc mà không đáng tiếc. Cái lẽ đáng tiếc thì cô Kiều đã nói, lẽ ấy thuộc về vật-chất. Cái lẽ không đáng tiếc thuộc về tinh-thần : nếu nhị đào cô đã bẻ cho ai rồi, thì cái giá-trị của cô không còn, dù cô có rơi đến tay hèn chăng nữa, cái thương-tâm của nhân-thế đối với cảnh-ngộ cô tất cũng không được sâu-xa như ngày nay. Người đời sau thương cô, quí cô, trọng cô, chính là vì cô đã có công nắng giữ mưa gìn với ai đó.

Về phần cậu Mã thời không phải xây nhà vàng mà được người ngọc, lòng mừng khấp-khởi, tính việc nước trước bẻ hoa, nhưng mà

Miếng ngon kề đến tận nơi,
Vốn nhà cũng tiếc, của người cũng tham !

Tuy-nhiên bỏ thì tiếc :

Đào tiên đã bén tay phàm,
Thì vin cành quýt cho cam sự đời.

Vả lại :

Dưới trần mấy mặt làng chơi,
Chơi hoa đã dễ mấy người biết hoa.

Cậu cũng có ý sợ mụ già, nhưng

Mụ già hoặc có điều gì,
Liều công mất một buổi qui mà thôi.

Thế là cậu Mã đã quyết. Thôi thế là thôi !

Tiếc thay một đóa trà-mi,
Con ong đã tỏ đường đi lối về.

Cô Kiều đau xót không biết đến đâu mà kể, lấy làm căm giống hôi-tanh, lấy làm dơ cho nỗi mình, giận duyên tủi phận, cầm dao toan tự-tử, nhưng nghĩ lại sợ lụy đến song-thân, dành cắn răng đợi đến khi khác.

(Còn nữa)

VŨ ĐÌNH-LONG
Giáo-học trường Pháp-Việt Hà-đông

DU-LỊCH VỀ PHÍA NAM NƯỚC TÀU (1)

(Dịch bài « Nam-du-ký » của ông TÔN GIA-ĐỒ 孫嘉淦, tự là TÍCH-CÔNG 錫公, về đầu nhà Thanh).

II

Nghỉ-ngơi vài ngày, rồi sang đò sông Tiền-đường, đi sang phía đông ; giữa sông Tiền-đường cũng có hai trái núi, tựa như núi Kim núi Tiêu ở giữa sông Dương-tử ; cách xa trông ra cửa bể, thấy hai trái núi ấy sừng-sực mọc lên, song-song đối nhau ; tiếc thay ! mùa không phải là mùa tháng tám, không có thể xem được quang-cảnh đại-trào.

Qua sông Tiền-đường, đến huyện Tiêu-sơn ; huyện Tiêu-sơn có hồ gọi là Tương-hồ, sở-sản rau thuần và cá ngon, mùa nắng thì dẫn nước ở hồ vào để tưới ruộng, mùa lụt thì khơi nước ở hồ chảy ra bể, phong-cảnh hơi tựa Tây-hồ, mà so về đường hữu-dụng lại có phần hơn.

Phía đông huyện Tiêu-sơn thì thuộc về cõi huyện Sơn-âm đó rồi, những hang cùng núi kể vạn kể nghìn ; nơi lớn thì to-tát lạ-lùng, nơi nhỏ cũng xinh-xắn đẹp-đẽ ; dưới núi thuần là nước, nào đại-khê, nào tiểu-cảng, ngang dọc quanh-co ; phía đông đến phố Bạch-hạc, có một trái núi nho-nhỏ, người lái-đò trỏ bảo ta rằng : Nơi ấy là nơi vua Vũ giết họ Phòng-phong khi xưa đấy.

Ta đi thuyền lách vào trong thành huyện Sơn-âm, lên núi Ngọa-long, lại luồn ra ngoài thành, đến hồ Giám-hồ ; vì khi xưa có một nhà thi-nhân là ông Hạ Tri-Chương đã từng chơi ở núi đó, vua Đường Minh-hoàng lại có ban cho ông Hạ Tri-Chương một khúc hát gọi là khúc *Giám-hồ* cho nên người sau nhân thế mới gọi tên hồ ấy là Giám-hồ. Xét ra, bao nhiêu nước ở huyện Tiêu-sơn, huyện Cối-kê, huyện Sơn-âm ba huyện dồn lại đó, đều là nước Giám-hồ ; ta từng lên núi mà trông ra, thì phần lang-điền ở ba huyện, đều phẳng-phiu như thể đá mài, ý chừng là phần thương-hải biến ra đó ; nước chứa ở nơi đó, vừa đầy vừa lẳng không chảy đi đâu, mà sắc nước thì trong sáng như gương, vậy nên gọi là Giám-hồ.

Ta tự trong Giám-hồ, muốn tiện lối đi ra chơi Hồng-sơn ; nước Giám-hồ không có sóng, cho nên thuyền thường hay đi đêm ; ta khi đó ở trong thuyền, khác nào ở trong giấc mộng ; không biết những khi đỗ thuyền, đỗ ở nơi nào ; chỉ nghe có tiếng mưa, lác-đác thâu đêm ; khi trời đã sáng, ngồi dậy trông ra, thì không thấy mưa nữa, mà thuyền thì ở trong giữa một cái đầm to ; tứ-vi rặt những là núi, không thấy có đường vào, không biết thuyền làm thế nào mà đến được giữa đầm ; trông lên sườn núi ở phía nam đầm, thấy nước suối ở các nhũ đá tuôn ra, như hạt mưa trên mái hiên thánh-thót rỏ xuống. Ngọn đông-phong thì có đỗng, nước đầy cả ở trong đỗng ; ngọn tây-phong thì quái-thạch chìa ra, thò dài rủ xuống, hình như con voi to thò vòi xuống để uống nước đầm ; đàng bắc thì trúc lâm xanh tốt, lầu gác thanh-u ; bấy giờ thuộc về cảnh sang sớm, trong cơn mê-mộng mới tỉnh dậy, ngờ cõi này không phải là cõi trần-gian ; người

(1) Xem *Nam-Phong* số 66, trang 456-470.

lái-đò bảo ta rằng : « Chỗ này là Tào-khê ; đàng đông chỗ đồng có nước ấy, là Sư-sơn, đàng tây chỗ như cái vòi voi ấy, là Tương sơn ; chỗ có lầu có gác và có rừng trúc xanh-um ấy, là nơi thư - viện của ông Thạch - Qũy tiên - sinh thủa xưa ». Khi ta lên chỗ lầu gác đó, ta trông ra bốn bên, ta thấy những trái núi ở đàng sau lầu, càng lạ càng cao, quái - thạch thì la-liệt, có chỗ xinh-xắn như cái đài, có chỗ thẳng-thắn như cái cột, có chỗ lù-lù như đầu người đội nón, có chỗ sừng-sực như hình người to lớn đứng ở giữa trời, hỏi ra mới biết đó là Hống-sơn. Ta ở trên lầu bước xuống, lại trở thuyền luồn vào trong đồng Sư-sơn, ngóc-ngoách đi độ và trăm bước, rồi mới lách ra, khác nào như bác ngư-lang ở trong đồng Đào-nguyên trở ra về vậy.

Núi Hống-sơn có một cái am gọi là am Khổng-minh, trước cửa am có dòng nước chảy, trong cửa am có vũng ao trong ; lầu son ngói biếc, lộn bóng xuống dưới ao ; núi lạ non cao, hiện-hình ở sau góc ; nước suối bộc-bố như phun như rội, thường như mưa dào ; cái vẻ lạ cũng không kém gì Tào-khê.

Tự Hống-sơn trở thuyền đi về, mới lên yết Vũ-lăng ; núi Vũ-lăng vừa cao lại vừa tròn như hình cái mả ; xung-quanh các ngọn núi khác chầu vào, như dáng quân thị-vệ ; ven cái lăng có suối gọi là Phỉ-toàn, là thủ-nghĩa vua Vũ thủa bình-sinh kiệm-bạc về đường ẩm-thực. Mé đông bên suối có miếu ; ven miếu có cái thạch-đình, tương-truyền khi táng vua Vũ, tạc ra hòn đá ấy để dùng ; hòn đá thì cao năm sáu thước, tròn như cái cột, ở vút đầu lại có cái lỗ hổng tròn, tựa như kiểu Hán - bi ở trong Khổng-miếu, chừng là cái bia mộ-chí của vua Vũ đó chăng ?

Do Vũ-lăng đến Nam-trấn, núi Nam-trấn đó, tức là núi Cối-kê ; cái ngọn núi cao hơn nhất cả đó, gọi là Lô-phong ; ở dưới có miếu, là nơi lịch-đại tế-cáo sơn-thần. Ta tự núi Nam-trấn chở thuyền về, đêm đỗ thuyền ở ngoài thành huyện Sơn - âm ; đêm hôm ấy là sắp-sửa tối đêm rằm, khí thì sáng, mây thì quang, trăng thì tỏ, sông thì trong ; trời ngâm xuống nước, sắc nước lộn với da trời ; trông trời trông nước, rõ-ràng một tấm không-minh ; người thì ở trong thuyền, thân với tâm cùng một mầu sáng - láng ; tưởng hình như lên tòa đại-giác, vào cõi lưu-ly, mà sực tỉnh ra một giấc trần-mộng.

Tang - tảng sáng, đi đến Lan-đình thăm dấu vết ông Vương Hữu-Quân ; nhận ra thì kiểu Lan-đình ngày nay, không phải là cách Lan - đình ngày xưa ; chọn nơi bình-địa mà kiến-đình, giữa thì dựng lên một cái đài-bi, có chữ ngự - thư bài tựa của ông Hữu-Quân ở trong bia, trước đình thì chất đá xẻ cừ, để làm nơi khúc-thủy ; cục-sức hẹp-hòi, xem ra không có cái cảnh-trí u-viễn, vả lại không có thể bày được cuộc lưu-tràng ; đôi bên tả-hữu đều có đào ra một cái ao, để làm ra cảnh Nga-trì và Mặc-trì. Mé tây bên đình chừng độ một dặm, có chùa, gọi chùa Thiên-chương, nhưng cũng không phải là nếp chùa cũ ; những kiểu-cách ấy đều là người đời sau làm ra cả, cho nên qua chơi đây cũng hơi có cảm - khái về sự phế - hưng. Nhưng mà xét trong bài tựa của ông Vương Hữu-Quân ngày xưa, có tả ra những cảnh sùng-sơn tuấn - lĩnh, và những cảnh thanh-lưu kích-thoan, thì ngày nay vẫn y-nhiên còn đó ; bởi vì làn nước trong huyện Sơn-âm không chỗ nào là chỗ nước chảy, chỉ chỗ Lan-trủ nước lại chảy sói và chảy mau, thường-thường róc-rách ở trong chốn

tu-trúc mậu-lâm; nhìn xem phong-cảnh lại có phần đặc-biệt.

Rồi trở về trong thành, lên núi Tiếp-sơn, dưới núi có chùa, chính đó là nơi cố-trạch ông Vương Hữu-Quân, đàng nam có cầu, gọi là Đề-phiến-kiều, trên núi lại có một cái thư-viện ông Lưu Niệm-Đài khi xưa giảng học ở đấy.

Ta đi chơi thuyền ở trên đường nước trong huyện Sơn-âm, ba ngày ba đêm; sơn nào cũng tú, thủy nào cũng thanh, quanh-co đi lại không phân-biện ra là tây đông; đến khi lên núi Tiếp-sơn, con mắt bấy giờ mới trông rành; là vì mé tây-nam đất Thiệu-hưng rặt những núi, mà mé đông-nam thì gần bể; nhận ra thì núi Hống-sơn ở đàng đông; đình Lan-đình ở đàng tây; gò Vũ-lăng và núi Nam-trấn ở đàng nam; đàng bắc lại có núi Mai-sơn, dưới núi có chợ, gọi là Mai-thị, người tiên là ông Mai Phúc khi xưa ở đó.

Cách xa trông về phía tây núi Nam-trấn, có một ngọn núi nữa cao hơn, gọi là núi Tần-vọng có dấu-vết thạch-khắc của vua Tần Thủy-hoàng.

Lại có một nơi gọi là Vũ-huyệt, không phải là Vũ-lăng; vua Vũ khi xưa có tàng-thư ở trên núi Uyển-ủy, cho nên gọi nơi đó là Vũ-huyệt.

Núi Cối-kê lại có một cái đỗng gọi là đỗng Dương-minh, cứ như trong đạo-thư kể ra, thì đỗng Dương-minh là đỗng thứ mười một; mà trong mười một cái đỗng ấy, ta chưa đi đến được cái đỗng nào; bởi vì kẻ du-nhân trèo mãi cũng hơi mỏi gối, leo mãi cũng hơi chồn chân, phải tạm nghỉ ở trong thuyền ít lâu, thuyền đi được đến đâu thì xem được đến đấy mà thôi, còn như những dấu tiên-linh ở nơi cao-viễu, những vết thần-thánh ở chốn u-thâm, chửa có thể đi xem cho khắp cả được,

Dịp này ta ở chơi đất Thiệu-hưng, phàm núi ở trong đất Thiệu-hưng, đều trông ra bể được cả; lên núi Hạ-phương trông ra bể, lên gò Xũ-huyệt, lên núi Tiếp-sơn, cũng đều trông ra bể; nhưng mới thấy mù-mù những mầu sa-thảo mà thôi, chửa trông thấy nước ta cò băn-khoăn rằng cái kỳ cái hiểm ở phần hải phần sơn, chửa khám được hết vậy.

Ta từ đất Thiệu-hưng lại trở về Hàng-châu, lên núi Phượng-hoàng, núi ấy lại biệt danh là núi Tử-dương; ngày xưa vua Cao-tôn nhà Tống khi Nam-độ, mở rộng Hàng-thành ra, bao-bọc núi ấy vào trong vườn ngự, để làm chốn du-quan, bên tả có cảnh sông, bên hữu có cảnh hồ; khi đăng-lâm ngoạn-thưởng cũng đủ vui thay!

Tự Hàng-châu đi suốt dọc con sông Tích-giang, đến núi Phú-dương; núi Phú-dương, so bề hùng-tráng cũng tựa như các dải núi xứ Yên Tần, mà so bề thanh-thúy lại có phần hơn, từ núi Phú-dương trở về phía nam, thì luồng sông hẹp dần, hai bên bờ núi mọc đối nhau, ở giữa một dòng nước chảy, các ngọn núi lộn bóng xuống nước, trông trên trông dưới đều một sắc xanh.

Ra khỏi cửa Đồng-quan, thì sơn-thế lại mở rộng dần ra, xa gần la-liệt, núi đều có vẻ tốt-tươi; núi Đồng-quan sừng-sực ngay ở bờ sông; chếch về phía nam, thì trong lại thùng ra một quãng bình-nguyên, vách đá bao-bọc xung-quanh, như hình thành-quách của trời xây, ấy là cõi Đồng-lư đó; vừa trở-sơn, vừa lâm-thủy; ngói thì xanh, tường thì trắng, không tiêm-nhiễm một chút bụi-trần nào; cái cảnh thanh-hoa, cái mầu lãng-nhuận, khiến người ta đi đến đó mà tâm-lạc hồn-thanh.

Phía nam đến đất Lư-tư-xuyên, thì

sơn-thế đĩnh-đặc quái-kỳ, các ngọn núi mọc liền như nêm như dựng; dải Đông-giang như một sợi chỉ đặt, chảy vào chỗ nguyên-khẩu, rồi chuyển sang phía tây, thì tức là núi Phú-xuân đấy.

Cảnh Phú-xuân, đàng nam đàng bắc đều là núi, ở giữa đều là nước, không có một chút đất nào; hai cái diếu-đài ở dưới trái Bắc-sơn, ngọn đá mọc thẳng lên, mà trên tuyệt-đỉnh lại vuông, người cao-sĩ là ông Nghiêm Tử-Lăng ngày xưa ngồi câu ở trên đó; ven cái diếu-đài có đền thờ ông Tử-Lăng; những núi ở dọc bên tả-hữu chỗ diếu-đài, đỉnh núi đều có nước suối chảy ra; cầm-phong thì phiếu-diểu, trên sát vào cõi cao-thanh; quái-thạch thì tranh-vanh, dưới kề xuống lần trầm-bích; nước phun trên chốc đá, vẻ dâu như ngọc nảy châu tuôn; suối chảy trong lống khe, tiếng dâu như đàn rung sáo hét; cái cảnh cao-sơn lưu-thủy, đẹp-đẽ vui-thú đến thế là cùng. Ta từng nhớ ông Đào Ẩn-Quân có câu rằng: « Núi sát vào mây, nước trông thấy đáy; đôi bên vách đá, năm sắc lập-lòe; rừng xanh trúc biếc, cảnh đủ bốn mùa; gió sớm tưng-bừng, chim kêu riu-rít, bóng chiều mát mẻ, cá lượn le-te, thực là cảnh tiên trong cõi tục. » Xem ra chỉ đất này là xứng được những lời ấy.

Phía tây đến Nghiêm-châu, tư bề đại-thủy, bốn mặt cao-sơn, thật là nơi thiên-hiểm; phía nam vào Hoành-khê rồi đến Lan-khê tự Hàng-châu đến Lan-khê, hơn bốn-trăm dặm; núi non suốt dọc, lại có vẻ hùng hơn Phú-dương, thanh hơn Đồng-lư, kỳ hơn Phú-xuân, tú hơn Lan-khê; khi đó người ở trong thuyền, khi thì cao ngẩm, khi thì xa trông, không có thể ngồi yên nằm yên được; chợt gặp những lúc ngả-nghiêng một chút, thì núi ở hai bên bờ sông cứ thứ-đệ lần khuôn cửa sổ bên mạn thuyền mà chạy qua, khác nào như từng bức họa-đồ lần-lượt giở ra; cái thú đi thuyền, không gì thú hơn lúc ấy.

Phía nam ngòi Lan-khê là đất Kim-hoa, thì xuyên-thế đại-khai, cực-mục những là làn ruộng phẳng; cách xa trông lên dải núi cao, thấy những đám yên-vân quanh-co lảng-vảng, che bóng nhật mà sát da trời; nghe ở trên ấy có đồng Triều-chân, đồng Băng-hồ, đồng Song-long, ba cái đồng, tương-truyền là nơi ông tiên Vương Phương-Bình mắng hòn đá hóa con dê thủa xưa đó.

Phía tây qua núi Lang-du, đến đất Cù-châu; phàm những núi ở trên đường Tây-an, núi non đều trơ trọc, mà gầy-gùa nhẵn-nhụi, như gọt như mài; yên-khí lam-quang lại có vẻ cao-khiết, lộ ra mầu thanh-tú; phía tây-nam đến núi Thường-sơn, lại nhiều cây, rùm-ròa những loài phong cùng loài quế, mây ngủ ở trong làn cây, núi nằm ở trên đợt vụ, rõ-ràng là cảnh non thẳm và rừng sâu; khiến người lại phát-sinh ra cái tư-tưởng tránh đời, mà tìm nơi tiêu-ẩn.

Phía tây đi đến Ngọc-sơn, lại lên thuyền, đến đất Quảng-tín, là cõi tỉnh Giang-tây sơn-hình thì thô-mãnh và đột-ngột, những trái núi la-liệt ở ven bờ sông, đều là một hòn đá sừng-sực mọc lên, hòn thì vuông, hòn thì tròn, hòn thì phẳng-phiu, hòn thì thẳng-thắn, hình-tượng đều khác nhau.

Phía tây đến đất Dặc-dương, có núi Qui-phong, các ngọn núi thẳng tắp mọc lên, như thể măng mọc; đầu núi đều tròn xoay như hình đầu người, hoặc chễnh-chện như kẻ sang đội mũ, hoặc xinh-xắn như người đẹp ngẩng đầu, hoặc trọc-lốc như đầu ông sư, hoặc lòa-xòa như tóc con dĩ; chùa náu ở trong bụi trúc, suối chảy ra ngoài cửa hang; rừng cọ rừng chuối, đầy núi đầy

khe ; vừa kỳ, vừa hiểm, vừa u, vừa tú, đủ cả mọi vẻ.

Ngoài Qui-khê ở phía tây-bắc, thấy có một cái cầu, thật là cầu thiên-nhiên, một hòn đá vắt ngang trên đầu hai ngọn núi, ở dưới hổng như hình cái đồng, cảnh cũng lạ thay ! Nghe ở miền Qui-khê có núi Qui-Cốc, ông tiên Qui-Cốc ngày xưa ở đó ; lại có núi Tượng-sơn, người đại-nho là ông Lục Tử-Tĩnh ngày xưa xem sách ở trên đó ; chao ôi ! Những vẻ vân-sơn cốc-thạch ở đây, bao nhiêu là vẻ lạ-lùng, mắt ta chưa từng thấy bao giờ ; muốn cầu lấy di-tích, mà hỏi người ta, thì người ta không biết ; chỉ biết có một tích ông Trương chân-nhân ở núi Long-hồ mà thôi.

Phía tây đến đất An-nhân, làn đất rộng-rãi phẳng-phiu ; phía nam đến đất Thụy-hồng, mới vào hồ Phan-dương ; ta tự đất An-nhân đi về phía tây trông ra bốn bên đều không thấy núi, đến đất Thụy-hồng rẽ về phía nam, lại trông sang phía tây cũng đều không thấy cây ; chỉ thấy bạc-ngàn nhữn làn cỏ thấp, mông-mênh những bãi cát vàng, mây với trời, khói với nước mà thôi ; nước hồ đục lắm, trông ra đợt sóng đều một sắc hồng ; ra khỏi hồ vào sông Trương-giang, đến phủ Nam-xương, lên Đằng-vương-các, đứng trên gác đó mà trông ra, thì sông Trương-giang từ đàng nam chảy lại, lai-láng vô-cùng ; chầm Bành-lãi tự đàng bắc dồn về, yên-ba cực-mục ; trông về phía đông thì trời xa đất rộng, làn ruộng tít-mù : trông về phía tây thì núi đỏ non xanh, bức bình phô dãi ; văn ông Vương-Bột nhà Đường khi xưa, có những câu tả về cảnh mộ-vũ ở Tây-sơn, chiêu-vân ở Nam-phố, và lạc-hà với cô-vụ cùng bay, thu-thủy với trang-thiên một sắc, thật là vẻ bút thực-lục vậy.

Ta ở đất Nam-xương gặp trận gió to, phải đậu thuyền ở bến Xinh-mễ ; sáng ngày hôm sau sang đò, xuýt nữa đến cơ nguy-hiểm ; ta tự đất Đoài-dương lên thuyền, qua sông Dương-tử, chơi sông Ngô-tùng, vượt sông Tiền-đường, lách suối Đồng-khê, vào hồ Phan-dương, ở trong thuyền mấy tháng, thảnh-thơi vô-sự, đều được an-nhàn ; nếu không gặp phen này, thì cũng không biết cái nguy-hiểm là cái gì ; con người ta chỉ quen thói an-nhàn, mà không biết cái gì là cái nguy-hiểm, cũng không nên.

Phía nam đến đất Phong-thành, xem cảnh Kiếm-trì ; phía tây vào sông Thanh-giang, đến phủ Lâm-giang ; phủ-thành đàng đông có núi Hạp-tì, bọn cao-sĩ ngày xưa là bọn ông Trương Đạo-Lăng, ông Đinh Linh-Uy, ông Cát Hiếu-Tiên đều tu-luyện ở đó.

Phía tây qua đất Tân-dụ, núi lại càng nhiều ; vẻ núi ở Phân-nghi, thì thanh mà lại tú ; vẻ núi ở Viên-châu, thì kỳ mà lại hùng, đến đất Lư-khê, mới đi bộ qua đất Bình-hương ; lại lên thuyền, trải đất Lễ-lăng, ra cửa Lục-khẩu, đến sông Tương-giang, vào cõi tỉnh Hồ-nam.

Xét ra phong-tục đất Hồ-nam, có phần hơn phong-tục đất Tam-ngô và đất Lưỡng-tích ; con trai thì chăm về sự cày bừa, lại biết đường buôn-bán nữa ; con gái thì siêng về nghề ngâm dãi tơm dệt ; sở-sản nhiều đồ ăn thường mặc thường, những đồ thiết-thực, không chế-tạo ra những đồ kỳ-quái hoa-mĩ trò chơi ; chỉ nỗi hay lừa-đảo nhau, và đi kiện nhau khỏe lắm, thì là tục nước Sở xưa nay vậy.

Nước sông Tương thì thanh-khiết và văn-vẻ, núi hai bên bờ thì tú-nhuận và nhã-quan ; cỏ thì nhiều thứ cỏ mềm-mại và thưa-thớt, đều có cái phong-chí chòm huệ khóm lan ; cứ những lúc trên miền Ngũ-lĩnh mây sớm chập-chờn, bên dải Tam-tương mưa đêm

lách-tách ; lại những khi gió đưa lâu huệ, trăng dãi rừng phong, ngâm đọc mấy câu chiêu-hồn ở trong khúc Li-tao của chàng Khuất-tử, như trông thấy dáng người tiều-tụy, như trông thấy vẻ áo lục-li, như nghe tiếng ả Tương-Linh buồn-rầu mà kêu khóc, như nghe tiếng chàng Sơn-quỉ ai-oán mà thở-than !

Đi xuống phía nam, đến Hành-châu, vào yết thần Nam-nhạc, phàm những nơi nhạc-trấn xem ra đều có cái khí uất-uất thông-thông, mà linh-quang lại có phần hoán-phát ; ngày nay ta trông thấy Hành-sơn, cũng như ngày trước ta trông thấy Thái-sơn ; hết từng lại từng, hết lớp lại lớp, cao không có thể lên được ; hết núi lại núi, hết non lại non, dầy không có thể cùng được ; vách đá cái lên trời xanh, nước suối tuôn ra vải trắng ; khí dùn như trưng, sắc sẫm như nhuộm ; ngọn núi ẩn ở trong mây, khác nào như con thần-long, đầu thì không thấy, chỉ thấy vảy giương móng ruổi, quang-quái lạ lùng, núi Hành-sơn bảy-mươi-hai ngọn, thật cao có năm ngọn, ngọn Phù-dung, ngọn Tử-cái, ngọn Thạch-lẫm, Ngọn Thiên - trụ, và ngọn Chúc-dung, miếu thần Nam-nhạc ở dưới ngọn Chúc-dung ; vào yết-miếu xong, ra trông năm ngọn núi, đầu khuất ở trong mây ; ta ngồi thuyền đi xuống phía nam, trong mấy ngày, không lúc nào là không ngẩng đầu trông lên, mà không lúc nào là được trông thấy ngọn núi ; ta mới than rằng : Mây núi Hành-sơn, sao mà phong chặt khó khai lắm vậy !

Sang phía tây, nghỉ lại đất Kỳ-dương, thấy cái Đường - đình, ông Nguyên Thứ-Sơn đời Đường dựng ra đó.

Lại đi sang phía tây đến Vĩnh-châu, ta tự bắt đầu vào cõi Hồ-nam, đi đến núi Hành - dương, trong khoảng vài nghìn dặm, đất với đá nhiều sắc đỏ, nào là đọt cỏ xanh, nào là rừng cây biếc, nào là lớp đá tía, sặc-sỡ như bức tranh pha thuốc, vẽ đủ mọi mầu, đến đất Linh-lăng, thì núi lại đen xỉ, mà đá trắng nhẵn, khí sắc trời đất biến hẳn cả đi. Sông Tiêu-giang ở dưới thành Linh-lăng, phía bắc hợp với sông Tương-thủy, cái ngọn núi ở phía tây sông Tiêu-giang, lắm vẻ u-kỳ, người văn-học đại-gia đời Đường là ông Liễu Tử-Hậu khi uất-nhục ở đây, ghi-chép được nhiều ; phía tây vào cửa Tương-khẩu, nước lại càng trong, đá ở hai bên bờ sông, kỳ-quái linh-lung, không bút nào tả ra cho xiết được, văn ông Liễu có câu : « Tự nước Sở chạy về phía nam, ít người mà nhiều đá. » Rõ quả thế thay.

Phía tây đến Toàn-châu, đất ấy là đất hình-thắng trong cõi tỉnh Quảng-tây ; trái Tương-sơn lù-lù cao ngất, chúng-sơn thì bao-củng, chư-thủy thì hội-đồng ; dưới núi có chùa Quang-hiếu, là nơi ông Vô-lượng-thọ-phật tịch-thế khi xưa, tương-truyền xác ông phật vẫn còn ở trong tháp, ta vào ta nghé ta xem thì không phải.

Phía nam đến đất Hưng-yên, có núi gọi núi Dương-hải, lưng-chừng núi có đường thủy-phân ; ta tự đất Tràng-sa đi suốt dọc con sông Tương-giang, đến châu Vĩnh châu Toàn, phải kéo thuyền ngược lên, như lên bậc dốc, thuyền đi quanh-co ở trên sườn núi, rồi mới chuyển vào sông Ly-giang, xuống miền Quế-lâm, nước chảy khác nào như nước bình rót xuống, cùng một nguồn nước cuồn-cuộn chảy ra, đường thủy-phân quanh-co ở trong gang tấc, mà rót sang phía bắc thì chảy vào đông-hải ; dốc về phía nam, thì chảy vào nam-hai ; mạch núi Ngũ-lĩnh, cao biết dường nào !

Sông Ly-giang bắt đầu mới phân-lưu, thì khuất-khúc ở trong núi, phải tạc ra một cái cừ khác để thông-thuyền. Khi xưa nhà Tần sang lấn cõi Nam-việt,

quan Tần là Sử Lộc tạc ra cái cừ ấy; đến sau quan Qua-thuyền tướng-quân nhà Hán, đem quân ra đất Linh-lăng, xuống sông Ly-thủy, ở đây lại đặt ra một cái thủy-đầu, để ngăn nước và thông nước, ông Gia-Cát Vũ-hầu lại sửa sang lại; trên cừ có đền thờ ông Gia-Cát, sau đền có núi Phục-long, đá núi kỳ-quái, từng-từng lớp-lớp, hốc-hác linh-lung. Núi Phục-long trở về phía tây, thì vô-số những ngọn núi la-liệt tung-hoành, trông như hàng ngũ-môn bát-trận bày ra ở bãi binh-sa, các quân du-kỵ ở trong đó chạy dọc chạy ngang; đàng trước có một ngọn cao-phong gọi là núi Mã-đầu, trông ra dáng đứng thẳng cúi nom như hình quan đại-tướng cầm chiếc đại-kỳ để chỉ-huy muôn đội.

Đi xuống phía nam, qua đất Lâm-xuyên, đến đất Quế-lâm; quan Trung-thừa Cao-lão-tiên-sinh, cầm quyền mục-dân ở xứ Việt-tây, là ông nghiệp-sư ta đó; ta lưu ở trong dinh-thự hơn một tháng, qua khỏi mùa hè, khi đó ta thường thường đi ra chơi những miền khoáng-dã cao-cương, những cảnh sơn-thủy xinh đẹp ở quanh thành, đều ngày ngày ở cõi mắt ta cả.

Trong thành có một ngọn núi cao ngất, gọi là núi Độc-tú, cao đến và trăm trượng, ở dưới có một tòa thạch-thất, trên nóc thông-thấu nhật-quang; đàng đông-bắc lại có ngọn núi, gọi là núi Phục-ba, cao cũng như núi Độc-tú, những hòn huyền-thạch ở trong hang núi, rủ xuống như cái cột treo. Đàng tây lại có núi Điệp-thái, gần đá đẹp-đẽ lạ-lùng; ruột núi có đồng, luồng gió hút vào ngày đêm mát lạnh, gọi là *phong-đồng*; ta đón gió đi vào, gập-ghềnh cao thấp, ngóc-ngoách tối om, rồi lại thấy sáng dần; kịp đến lúc hốt-nhiên vào cõi quang-minh, thì cái thân mình đã ở trong tòa lâu-các, ngăn-phòng rộng-rãi, hiên-triện quanh-co; mở cửa trông ra, thì thấy trời với nước mênh-mông, núi với rừng bát-ngát; bởi vì sông Ly-giang từ phía bắc bên thành chảy lại, núi hai bên bờ, quái-quái kỳ-kỳ, hòm nọ ta ở trong thuyền, con mắt ta chưa trông thấy được hết; đến hôm nay ta đi vào trong đồng, luồn qua ruột núi, rồi bừng mắt trông ra, thành ra một cái thế-giới lạ-lùng; khách đi bè tình-cờ lên Ngân-chử, người hái thuốc lạc-lối vào Thiên-thai, cũng chẳng qua như vậy.

Phía nam bên thành lại có một chỗ gọi là *Lưu-tiên-nhai*, đồng đá như hình nóc nhà; trong có khắc bài ca của ông Trương Bình-Thúc tặng thầy Lưu chân-nhân ở đồng Bạch-long, nói những phép tu-luyện tường lắm.

Phía tây bên thành lại có nú Thất-tinh, trên có đồng gọi đồng *Thê-hà*; bậc đá thẳng lên đến vài trăm bậc, trên nóc đồng về đá rập-rờn như vẽ sáng, trong có hình con cá chép dài hơn một trượng, đầu với mắt, vẩy với đuôi rõ-ràng; trong đồng về mé đàng sau, sâu hoắm, tối om; đốt đuốc đi vào, chừng độ vài trăm bước, thấy khí đá lạnh lắm, không thể chịu được; kẻ đồng-hành với ta sợ, lùi ra, ta cũng phải cùng với chúng đều lùi ra; nghe người ở đấy nói cảnh ở trong ấy còn nhiều cảnh quái. Ông Vương Kinh-công có nói: «Những cảnh khôi-vĩ kỳ-quái phi-thường ở trong đời, thường ở về những nơi hiểm-viễn, ít người đến xem; cho nên cái người không có chí không đến được; có chí đó nhưng mà sức khỏe không đủ cũng không đến được; có chí có sức đó, nhưng mà không có người giúp mình ở trong nơi u-ám hoảng-hốt, cũng không có thể đến được.» Ta lấy làm băn-khoăn lắm về nỗi chưa được hết cái chí ta, đi mới được nửa chừng, phải theo người mà lùi ra vậy.

Đàng đông lại có đồng Long-ẩn, nước trong ở trong đồng tuôn ra chảy về đàng nam rót vào sông; giữa sông

có núi, ngoằn-ngoèo như hình cái vòi voi thò ra ở giữa sông, thuyền đi ngóc-ngoách ở trong vòi; núi ở trên bờ sông lại có đồng, suốt sang đàng lưng núi, thông bóng sáng trời, trông lên vừa sáng vừa tròn, như hình mãn-nguyệt, sách tạp-chí có nói : « *Kề sông ba cái đồng, trăng nước cảnh xinh thay* ! » chính là đấy.

Phen này ta đi chơi, ta ở đất Quế-lâm nhiều ngày nhất ; nào giống *Mèo* giống *Mán* giống *Thổ* giống *Mường*, nào con bằng-xà, con sơn-dương, con cầm-kê, con khổng-tước, con vượn trắng vượn đen ; cho đến cây phật-thủ, cây lệ-chi, rừng hoàng - bì, rừng bạch-lạp ; nõn lá ba-tiêu, dài như cái cột, vẻ hoa thiên-vũ, đỏ như mặt trời; đều là trông thấy những cảnh chưa được trông thấy bao giờ. Chỉ cái tục ở đó thì hung-tợn và nhỏ-nhen, hiếu-lợi và hiếu-sát, cái khí linh thiêng của trời đất, chỉ chung đúc vào vật, mà không chung đúc vào người là cớ sao?

Ta bắt đầu tự thượng-tuần tháng sáu vào đất Quế-lâm, bước sang tháng bảy, nắng đã lui dần, mới lên thuyền quay lái trở về ; khi ta mới đến Quế-lâm, thì dầu mây phun lửa, sóng lúa rải đồng, sen nhả mầu hồng, nước trôi về lục ; ta ở trong dinh, ăn nằm ngồi đứng, ngày tháng đã được bao nhiêu ; mà đồng lúa đã sạch không, lá cây đã nửa biếc nửa vàng, mây trắng trời cao, gió thu hiu-hắt ; sực nghĩ lại cái cảnh mộ-xuân ở Giang-tả, liễu rủ oanh chào ; cái mùa mai-vũ ở Tây-hồ, hoa bay chim gọi; hình như giấc mộng đã qua, ông Vương Hữu - quân có nói : « Cái sự vui ngày trước, trong khi ngẩng lên cúi xuống, đã hóa ra trần-tích cả rồi ! » rõ quả như vậy.

Qua châu Toàn, lại vào chùa Tương-giang, chùa có biển đề rằng : « *Tái-lai-nhân* », ta mỉm miệng ta cười, chao ôi ! con người ta chịu cái số luân-hồi ở trong khuôn hiệu-kiếp, kề chi lâu với chóng, vắn với dài ; ông Phật hai lần ra đời, cũng như ta hai lần vào chùa đó thôi, có lạ gì đâu !

(*Còn nữa*)

Tùng-vân NGUYỄN ĐÔN-PHỤC dịch

THẾ-GIỚI TIẾN-BỘ SỬ (1)

V

Sự tiến-bộ về các khoa-học

(tiếp trước)

(Trước đã nói về : 1° Số-học ; 2° Thiên-văn-học ; 3° Địa-dư-học)

4. — Các khoa vật-lý-học. — Ông AUGUSTE COMTE trong sách « Thực-nghiệm Triết-học » của ông có câu nói rằng : « Cái mục-đích cùng - tột của các khoa vật-lý-học là dự-định cho thật đúng về một cái vật-thể gì ở vào một cơ-hội nào thì xuất ra những hiện-tượng gì, trừ những hiện-tượng nào mà làm cho vật ấy biến - thể đi thì không kể. »

Khoa vật-lý-học theo nghĩa như thế thì mới thành-lập về cận-đại mà thôi. Người đời xưa đến cái tên ấy cũng không biết. Xưa gọi tên là lý-học (*physique*) ấy chẳng qua là chỉ một

(1) Xem *Nam-Phong* số 51, 52, 53, 54.

khoa thiên-tượng-học (*météorologie*) mà thôi. Thuộc về vật-lý-học, người đời xưa chỉ phát-minh được có một phép: là « phép tĩnh-lực của nước » (*principe hydrostatique*), trong sách thường gọi là « phép ông Archimède » (*principe d'Archimède*), vì chính ông là người Hi-lạp phát-minh ra phép ấy trước nhất; phép ấy dạy rằng: « Phàm vật gì dầm vào trong một chất lỏng thời bị áp-lực của chất ấy đẩy thẳng tự dưới lên trên, sức đẩy ấy ngang bằng với trọng-lực cái phần chất lỏng bị vật kia dịch đi. » (*Tout corps plongé dans un fluide subit de la part de ce fluide une pression verticale de bas en haut égale au poids du volume du fluide qu'il déplace.*) Ông phát-minh ra phép ấy là do một sự kinh-nghiệm như thế này: một hôm ông dương tắm, nghiệm thấy khi dầm chân vào trong nước thời chân mình nhẹ bổng lên, và nhấc chân lên thấy dễ hơn lúc ở ngoài; ông mới hiểu rằng sự nhẹ đó là nhờ sức nước đẩy lên. Sau này mới khuếch-trương phép ấy ra mà nghiệm rằng không những nước, không-khí cũng có áp-lực như thế; nhờ đó mà đời sau mới chế ra quả bóng bay, rồi dần dần đến tàu bay như bây giờ. — Ngoài phép ấy là một cái chân-lý bất-dịch của sự-vật, còn đời trước để lại toàn là những sự mê-tín hoặc-tưởng, không có bằng-cứ gì, như tin rằng cầu-vồng là cái biểu-hiệu Thiên-chúa giáng phúc cho thiên-hạ, tin đến nỗi hồi ông NEWTON đã thực-nghiệm mà phát-minh ra rằng cầu-vồng là bởi cái ánh sáng trắng chiếu qua những giọt nước trong mây mà bị phân tia ra, cũng như khi thí-nghiệm chiếu qua miếng tam-lăng-kính (*prisme*) thời cái ánh sáng ấy nó tỏa ra thành một vòng ngũ-sắc: xanh, biếc, vàng, đỏ, tím; chứng-nghiệm rõ-ràng như thế mà còn có người không chịu là phải. Mà nào có phải một sự khó-khăn huyền-bí gì đâu: chắc nhiều người cũng đã từng nhận rằng chỗ nào gần thác nước thời thường hay có cầu-vồng, và khi nào trên trời có cầu-vồng thời người đứng xem phải quay lưng lại phía mặt trời và nhìn ra phía có mây mưa thời mới trông thấy được, nghĩa là phải tùy hướng mới có; song sự mê-tín đã ở trong lòng thời khó mà bạt đi được.

Lại như sấm-sét, người đời xưa tin rằng đó là trời ra oai để phạt những kẻ có tội; bây giờ mới biết rằng chẳng qua là hai luồng điện sạt vào nhau phát ra theo những phép-tắc nhất-định thuộc về vật-lý.

Xét như thế thời biết rằng khoa vật-lý hồi đầu, cho được tấn-tới lên được, phải trước là phá những sự mê-tín của đời trước, sau mới tìm ra cái phương-pháp khảo-nghiệm mới.

Những lý-tưởng thuộc về các phương-pháp khảo-nghiệm của khoa-học, cùng là phép « suy-diễn » (*la déduction*) với phép « qui-nạp » (*l'induction*) là do tự ông FRANÇOIS BACON (Tàu dịch là Bồi-căn, 1561-1626) khởi-xướng ra trước; ông có làm bộ sách bằng chữ la-tinh để là « Tân-phương-pháp-luận » (*Novum Organum*), đời sau gọi là « cái chuông cảnh-tỉnh để giục-giã người ta ra công mà khảo-sát sự-vật ». Nhưng mà bắt đầu dùng phép khảo-nghiệm để nghiên-cứu về vật-lý thời tự ông GALILÉE (1564-1642) trước nhất, ông tổ-thuật ông ARCHIMÈDE đời xưa mà biết lợi-dụng phép thí-nghiệm. Tự ông thực-hành để làm gương, tỏ ra cách phải nên khảo-sát các hiện-tượng trong thế-giới thế nào: như cách ông khảo-sát về các vật rơi xuống đất thế nào, thật là tinh-tường xác-tạc, đủ làm mẫu cho sự khảo-nghiệm về khoa-học, nào là bố-trí khôn-khéo, nào là thí-nghiệm rành-rẽ, kết-thúc có phép, suy-luận rạch-ròi; người đời bấy giờ mà có cái trí sáng-suốt như thế, thật đáng

là bậc tiên-phong của khoa-học ngày nay.

Vào bậc sáng lập ra khoa vật-lý-học đời nay, ngoài ông GALILÉE nước Ý, còn có ông DESCARTES (Tàu dịch là Địch-Cáp-nhi, 1596-1650) người Pháp, vừa là nhà lý-học, vừa là nhà triết-học, một tay vừa khởi-thảo ra sách « Phương-pháp-luận » (*Discours de la Méthode*), vừa phát-minh ra phép « ánh sáng gẫy » (*réfraction de la lumière*). Rồi đến ông NEWTON (Tàu dịch là Nữu-đốn, 1642-1727), người Anh, đã tăng cho cái kho trí-thức của loài người được mấy điều quan-trọng : như phân-tích được « ánh sáng trắng » (*lumière blanche*), chế-tạo được kính thiên-lý, phát-minh được phép « vũ-trụ luân-chuyển » (*la gravitation universelle*) là cái nguyên-lý đệ-nhất về vũ-trụ-học, v. v..

Bấy giờ trong khoa-học-giới như xuất-hiện ra một cái tinh-thần mới. Ở thành Florence (nước Ý-đại-lợi) lập ra một hội học đặt tên là « Thực-nghiệm học-viện » (*Academia del cimento*) để khảo-nghiệm các hiện-tượng thiên-nhiên. Ông TORRICELLI (1608-1647) người Ý có chân hội ấy ; chính ông đã phát-minh ra cái « phong-vũ-biểu » (*le baromètre*) để đo cái áp-lực của không-khí. Những sự thí-nghiệm của ông, sau có ông PASCAL (1623-1662), người Pháp, kiểm-điểm lại và khuếch-trương ra ; ông PASCAL chuyên khảo về cái áp-lực của các chất lỏng.

Ông OTTO DE GUERICKE (1602-1686) người Đức thời nghiên-cứu về « không » (*le vide*) và tính-chất của không-khí ; ông phát-minh ra cái « máy rút khí » (*machine pneumatique*).

Đến đầu thế-kỷ thứ 18 thời không thấy ai phát-minh được sự gì mới, chỉ đem những điều đã biết rồi mà ban-bố cho phổ-thông ra thôi. Bấy giờ các người trí-thức lại hay sinh bàn chuyện lý-học lắm, cuối thế-kỷ ấy mới thấy có sự phát-minh : ông FRANKLIN người Mĩ nghiên-cứu về điện trong không-khí, và anh em họ MONTGOLFIER nước Pháp thời nghĩ chế ra cái « khí-cầu » (*montgolfières*). Ông DOLLOND người Pháp, tìm ra phép « tiêu-sắc » (*procédés achromatiques*) để thu lấy những hình trắng vào trong các thứ kính. Ông COULOMB người Pháp, nghĩ cách đo các sức điện. Ông VOLTA và ông GALVANI người Ý, hai ông thảo-luận với nhau lâu lắm, rồi xướng ra cái thuyết về động-lực của điện-khí và nghĩ chế ra cái điện-trì (*la pile*).

Rồi đến thế-kỷ thứ 19, thật là đời vật-lý-học thịnh-hành : các nhà chuyên-trị về khoa ấy, trứ-danh nhất thời có những ông HUYGENS, FRESNEL, MALUS, ARAGO, GAY-LUSSAC, DAVY, AMPÈRE, MAXWELL, FARADAY, EDISON, CARNOT, GRAMME, cùng nhiều người khác nữa, đã nghĩ ra những cách đo-lường thí-nghiệm về khoa-học, những cách tổng-quát các điều kinh-nghiệm thành luật-pháp nhất-định, cùng là đem ứng-dụng ra vật-lý-học cái phép suy-lý về số-học. Đời này đã phát-minh ra được hai cái lý-thuyết lớn : là lý-thuyết về vật-lực nhất-thể (*unité des forces physiques*) và lý-thuyết về « vật-chất nhất-thể » (*unité de la matière*). Còn phát-minh ra được nhiều sự lạ-lùng nữa, đủ làm vẻ-vang cho khoa-học một đời, như là phép « nhiệt-động-học » (*thermodynamique*), sẽ kể qua như sau này.

A. *Nhiệt-động học. Phép quán-bình và phép của ông Carnot.* — Xét kỹ các hiện-tượng trong vật-giới thời nghiệm ra rằng sự động-tác và khí nóng cũng theo cùng một pháp-luật như nhau. Sự động-tác có thể biến thành ra khí nóng như khi ma-sát cái gì ; trái lại, khí nóng có thể làm ra động-tác, như trong máy hơi nước. Lại các hóa-chất phản-động nhau cũng sinh ra khí nóng, v. v. . . .

Những sự kinh - nghiệm như thế đem mà nghiền-ngẫm phân - tích ra, thời phát-minh được một cái phép hay nhất trong khoa-học, phép ấy là thế này : phàm những hiện-tượng trong vật-giới, hoặc về lý-học, hoặc về hóa-học, đều là do một cái nguồn chung mà xuất-hiện ra khác nhau, nguồn ấy tức là một cách động-tác riêng gọi là « khí-lực» (*énergie*); như ánh sáng, khí nóng, khí điện, v. v. đều là các trạng-thái của cái khí-lực cả.

Ông MAYER năm 1842, ông COLDING năm 1843, đã nghĩ cách chứng-nghiệm ra rằng hễ khi nào động-tác mà biến ra khí nóng, thời trong sự động-tác mất đi ấy với cái khí nóng hiện ra ấy có một cái mối quan-hệ bất-dịch. Phép ấy gọi là « phép quân-bình » (*principe de l'équivalence*), ông JOULE năm 1843, ông HELMHOLTZ năm 1847 mới thật là thí-nghiệm mà phát-minh ra rõ-ràng ; các nhà lý-học về sau cũng đã từng chứng-nghiệm và ứng-dụng ra nhiều cách.

Đó là phép động-tác biến ra khí nóng ; còn phép trái lại là khí nóng thành ra động-tác, ứng-dụng mà làm thành ra các máy động-cơ, thời phép này do ông CARNOT phát-minh ra. Hai phép quân-bình và phép ông CARNOT ấy, từ khi phát-minh đến giờ, thường ứng-dụng được nhiều lắm, và nhân đó lại phát-minh được nhiều phép khác về lý-học nữa.

B. *Nói về quả khí-cầu.* — Khởi-xướng ra cái ý làm khí-cầu (*aérostats*) là hai anh em họ MONTGOLFIER.

Anh em tên là ETIENNE và JOSEPH MONTGOLFIER, ngày mồng 4 tháng 6 năm 1783, mới bắt đầu thí-nghiệm ở đất Annonay, nghĩ đặt ra quả ba-lông. Làm một cái quả lợp bằng vải mỏng bồi giấy, trong đựng không-khí nóng và khói, để thả cho bay lên trời ; đặt tên là quả *montgolfière*.

Sau lại thí-nghiệm nhiều lần như thế nữa, một lần ở cung Versailles, trước mặt vua. Thí-nghiệm thấy được cả, có một người tên là PILÂTRE DE ROZIER đánh bạo đặt ở dưới quả ba-lông một cái rổ, ngồi vào trong ấy, rồi thả cho bồng lên ; đó là lần thứ nhất người ta lên khí - cầu vậy.

Tháng 12 năm 1783, ở trường Giảng-võ (*Champ de Mars*) ở Paris, nhà lý-học CHARLES mới công - nhiên lên ba-lông. Sự tiến-bộ lần này đã hiển-nhiên : ông không dùng quả cầu bằng giấy, theo kiểu MONTGOLFIER, vì nó dễ bẹp, mà lại phải mang lửa luôn ở trong, thật là nguy-hiểm cho người ngồi ; ông nghĩ chế một quả ba-lông bằng lụa ngoài phiết nhựa thông, trong đựng khinh-khí (*hydrogène*), khí ấy vốn nhẹ lắm, nên sức bồng của quả cầu lại càng mạnh, và tuy cái dung-tích nhỏ mà có thể mang nổi nhiều người.

Từ ông CHARLES về sau, quả ba-lông mỗi ngày một cải-lương thêm, và các nhà bác-học dùng nhiều lần để thăng-thiên, lần nào cũng lợi cả ; lạ nhất là lần ông GLAISHER lên được đến một vạn thước cao, bữa ấy là ngày mồng 5 tháng 9 năm 1862 (người ta chưa bao giờ lên được cao như thế), và mấy lần trong trận Pháp-Phổ năm 1870, hồi ấy thành Paris bị vây, phải dùng ba-lông để đem thơ ra ngoài. Ấy chính ông GAMBETTA hồi bấy giờ cưỡi ba-lông để vượt vây ra ngoài thành Paris mà đi các tỉnh hô-hào dấy quân cứu-quốc.

Từ đấy sự dùng ba-lông mỗi ngày một thịnh và cách chế ba-lông mỗi ngày một to. Hồi đầu, đường trực-kính quả ba-lông chừng 10 thước ; khi thành Paris bị vây thời dùng ba-lông trực-kính 14 thước ; sau rồi làm mỗi ngày một to lớn kỳ-dị, như quả «ba-lông hãm» (*ballon captif*) ở thành Londres ngày

trước có tới 27 thước trực-kính ; lại quả của ông HENRY GIFFARD làm cho Đấu-xảo năm 1878 mang được tới 30 người một chuyến.

Dùng ba-lông, rồi dần dần mới nghĩ ra cách làm thế nào cho ba-lông khỏi phải theo hướng gió, và người ta có thể khiến được. Ông kỹ-sư GIFFARD năm 1852 đã nghĩ ra được một cách, là làm ba-lông theo hình dài như cái thoi ; đàng sau cái rổ người ngồi thời đặt một cái chân-vịt, có cái động-cơ chạy bằng hơi nước quay, động-cơ ấy nặng chừng 30 đến 40 cân.

Năm 1872 ông DUPUY DE LÔME lại thử bằng một cái ba-lông 30 thước dài, dung-tích 3500 thước, chân-vịt trực-kích là 5 thước, tám người vặn ; tốc-độ là 2m50 mỗi giây đồng-hồ.

Sau kế đến hai anh em họ TISSANDIER năm 1883 sửa lại những cách trước về sự khiến ba-lông cho được tự-tiện tùy theo phương-hướng nào cũng được. Làm được cho máy chạy nhanh tới gần ba thước một giây đồng-hồ.

Năm 1884, có hai ông quan binh chuyên-trị về ba-lông là ông RENARD và ông KREBS, chế ra một quả ba-lông hình thật dài đặt tên là « *La France* », có một cái chân-vịt chạy bằng điện, nhanh tới 5m60 một giây đồng-hồ, đi ngược gió, có thể cưỡng được sức gió mà lại đem máy về chỗ đi được.

Sau đến ông SANTOS-DUMONT, chế quả ba-lông có động cơ chạy bằng dầu-hỏa. Ông khiến cái máy cho chạy quanh tháp *Eiffel* được và được phần-thưởng *Deutsch*. Rồi lại đến ông LEBAUDY, chế một quả ba-lông thật trúng cách, có một cái động-cơ chạy bằng dầu-hỏa, sức mạnh là 40 mã-lực, quay hai cái chân-vịt, mỗi phút đồng-hồ xoay được một nghìn vòng ; quả ba-lông ấy chạy được bốn-mươi cây lô-mét một giờ.

Các khí-cầu và ba-lông từ trước đều là những máy nhẹ hơn không-khí cả, cho nên lên đến trên không phải tìm cách cho gió khỏi đánh bạt đi và tự tay người khiến được. Cho đến trước khi chiến-tranh vừa rồi, các máy bay là làm theo kiểu ấy cả. Tự khi chiến-tranh đến giờ mới chế ra những thứ máy bay nặng hơn không-khí, chỉ nhờ sức cái động-cơ mà bay-bổng lên được; tức là kiểu tàu-bay bây giờ.

Trong các khí-cụ của người ta chế-tạo ra, thật không có cái gì tiến-bộ mau bằng cái máy tàu bay trong khoảng mươi năm nay, trước kia bay lên trên không còn lo khiến không nổi, nay đằng-vân giá-vũ không khác gì con chim vậy.

C. *Máy lưu-thanh.* — Năm 1857, có một người thợ in tên là LÉON SCOTT trình cho Hội « Tưởng-lệ khoa-học » một cái máy ghi tiếng (*phonautographe*) có một cái ống tròn bôi mồ-hóng có thể ghi được những thanh-âm ; nhưng mà ông SCOTT chưa nghĩ được cách truyền lại những thanh-âm đã ghi được ấy.

Ngày mồng 3 tháng 12 năm 1877, ông CHARLES GROS trình cho viện Khoa-học một cái bao thơ kín, khi bóc ra thì thấy trong nói rằng : « Tôi có nghĩ được một cách dùng để truyền lại các thanh-âm được, là lấy một miếng da mỏng rung-động được, đưa đi đưa lại để ghi lấy các thanh-âm, rồi lại dùng một miếng khác và cũng đưa đi đưa lại như thế thời bao nhiêu những thanh-âm kia lại truyền lại được như hệt, v.v.» Đó chính là cái gốc máy lưu-thanh đó ; năm 1878, ông EDISON nước Mĩ mới công-nhiên lấy văn-bằng chế-tạo ra máy ấy.

Cái chất ông EDISON dùng trước nhất để ghi lấy thanh-âm là một mảnh thiếc mỏng đặt trên một cái ống tròn. Lấy một cái kim đinh vào một miếng da để tựa vào cái ống tròn ấy. Đứng nói ở trước miếng da thời tự-khắc có vết lên trên mảnh thiếc, khi lại kéo cái

ống lại chỗ cũ và xoay cho nó chạy đi, thời cái đầu kim móc vào những chỗ lõm trên mảnh thiếc, kéo cả cái miếng da đi, và tự-nhiên truyền lại những tiếng đã ghi vào đấy. Thế là người ta từ nay có thể lưu lấy và truyền ra được tiếng nói.

Rồi sau ông EDISON theo cách của ông SUMMER TAINTER mới thay cái mảnh thiếc bằng những ống tròn ngoài phủ một lượt sáp. Bây giờ thời dùng đĩa và cách chế-tạo đã hoàn-toàn lắm, có thể truyền được những bài hát thật hay, những bài diễn-thuyết thật dài.

D. *Sự tiến-bộ về nghề làm kính.* — Cái kính hiển-vi ngày nay dùng để trông được những vật thật nhỏ, xem ra phát-minh tự ông JANSSEN năm 1590 và ông DRELBEL năm 1610; nhưng cách chế-tạo bấy giờ còn sơ-sài quá, chưa thể dùng được. Bởi thế nên ông LEUWENHŒK bấy giờ khảo-cứu về bác-vật-học còn phải dùng cái kính chiếu thường (*loupe*).

Đến thế-kỷ thứ 18 thời cái kính hiển-vi chế đã kỹ-lưỡng lắm ; nhưng kể thật được đúng như bây giờ thời mãi đến thế-kỷ 19 mới làm được. Mấy năm sau đây đã chế được tinh-vi đến nỗi phóng-đại các vật ra được một nghìn lần to hơn. Nhờ có kính hiển-vi tinh-tế như thế nên có thể xét được các giống vi-trùng và tìm được nguyên-nhân các bệnh cùng những cách chữa cho khỏi.

Còn trông xa thời đã có kính thiên-lý rất mạnh, ở mục Thiên-văn trước đã nói rồi. Dùng thường thời có những ống nhòm (*jumelles*), cái sức phóng-đại cũng khá.

Phép « phân - tích quang - tuyến » (*analyse spectrale*), ở mục Thiên-văn trước đã nói rồi, vì phép này dùng để nghiên-cứu về thể-chất và tốc độ của các tinh-tú, tức là một phép về lý-học mới phát-minh trong thế-kỷ 19 vừa rồi.

Lại còn một sự phát-minh nữa của ông FRESNEL cũng về nghề kính và thuộc về đầu thế-kỷ thứ 19 : năm 1821 ông nghĩ được thứ kính có đợt (*lentilles à échelons*) dùng để cải-lương được các kiểu đèn bể (*phares*) đời bây giờ.

Lối đèn bể này hồi xưa là những lửa đuốc hay lửa củi đốt trên bờ bể để làm dấu làm hiệu cho tàu bè. Các cửa bể của Hi-lạp đời xưa đều có đèn bể như thế cả. Nơi có tiếng nhất là của vua PTOLÉMÉE PHILADELPHE (270 trước Giatô) dựng lên ở đảo *pharos*—ấy tên *phare* là đèn bể, là tự đó mà ra,— trước cửa bể Alexandrie, có xây ra một cái tháp cao, đời bấy giờ cho là một cái trong bảy cái kỳ-công của thế - giới. Nhưng mà những đèn bể đời xưa chiếu không được xa và không được sáng. Từ ngày ông FRESNEL chế ra thứ kính có đợt ấy thời các đèn bể mới có sức chiếu mạnh như bây giờ.

E. *Nói về điện-khí.* — Trong vật-lý-học, điện-học là phần tiến-bộ mau hơn nhất. Hằng ngày ta thấy biến-cải trước mắt.

Cứ xem những máy làm điện về thế-kỷ thứ 18, còn giữ trong các sở bác-cổ-quán, sánh với các máy bây giờ thật là sơ-sài quá. Máy chỉ có một cái bánh xe quay một miếng lưu-hoàng, sát vào bàn tay thành ra điện. Đến đầu thế-kỷ thứ 19 ông RAMSDEN chế được cái máy sát bằng mảnh thủy-tinh, đời bấy giờ đã coi là tiến-bộ hơn trước lắm. Đến sau mới có cái máy của ông WIMSHURST sát được tia điện dài, có khi tới một thước. Những máy làm ra tia điện như thế, gọi là những « máy tĩnh-điện » (*machines d'électricité statique*), tuy có làm được tia điện dài, mà không làm được luồng điện mạnh. Ngoài những máy ấy còn thứ máy gọi là « máy động-điện » (*machines d'électricité dynamique*) biến sức động ra sức điện, tuy không làm được tia điện dài mà làm được luồng điện thật mạnh. Máy ấy do ông PIXII chế ra trước nhất năm 1832, rồi đến ông CLARKE lại sửa lại cho tốt hơn và dùng đá nam-châm để

lấy điện. Sau đến năm 1871 ông GRAMME mới trình cho Hội Khoa-học-bác-sĩ một cái kiểu máy mới, sau đặt tên ông gọi là máy GRAMME; trước còn dùng miếng nam-châm thường, sau dùng nam-châm có điện (*électro-aimants*), dần dần mới thành ra kiểu máy *dynamos* bây giờ.

Kể từ đời thượng - cổ, ông THALÈS nước Hi-lạp sát miếng hổ-phách thành ra lửa, cho tới ngày nay máy *dynamos* làm ra sức mạnh hai ba nghìn mã-lực, điện-học tiến-bộ biết là bao nhiêu!

Điện-khí ứng - dụng ra thật được nhiều việc; sự ứng-dụng có ích-lợi nhất chắc là sự truyền tin bằng điện, điện-báo (*la télégraphie*), ta thường gọi là « giây thép », tiếng đó bây giờ không được đúng lắm nữa, vì hiện đã có điện-báo không phải dùng đến giây, gọi là vô-tuyến điện.

Người đời xưa muốn truyền tin cho nhau thời thổi còi thổi loa để làng nọ báo cho làng kia, hay là đốt lửa trên những nơi cao. Về cuối thế-kỷ thứ 17, có một ông Hàn-lâm tên là AMONTONS bàn dùng một thứ kính thu gần để xem các hiệu lửa. Sau mới có hai anh em họ CHAPPE, nghĩ ra một cái máy giản-dị, chỉ có mấy tấm gỗ với mấy cái cần, xoay đi xoay lại thời hình ra các dấu-hiệu riêng đã ước định sẵn. Ngày 12 tháng 7 năm 1793, cho máy chạy thử, báo tin đi xa được. Bấy giờ Chính - phủ nước Pháp mới định đặt mấy đường cho chạy tin trong nước.

Nghĩ ra dùng điện để báo tin là bắt đầu từ năm 1810, do ông AMPÈRE, nghiệm thấy cái kim nam-châm hễ có luồng điện chạy qua thì nó chệch đi, có thể lợi-dụng để truyền những dấu-hiệu đi xa được. Năm 1838, ông MORSE ở New-York mới chế ra cái máy điện-báo bây giờ, gọi tên là máy *Morse*. Ngày nay, ngoài máy *Morse* lại còn có kiểu máy *Hughes* nữa, không những truyền được các dấu hiệu riêng mà lại truyền được chữ viết nữa. Bây giờ có cái máy truyền mỗi giờ đồng-hồ tới bốn năm vạn chữ được.

Đến ngày nay lại có một thứ điện-báo không cần phải giây. Lối này là phát-minh ra tự ông HERTZ năm 1890, tìm được cách gây ra các luồng điện gọi là « luồng điện ông HERTZ » (*ondes hertziennes*), các luồng điện ấy truyền đi đến đâu là đưa tin đi đến đấy. Năm 1903, ông MARCONI mới nghĩ ra dựng những cột sắt cao 70 thước chăng giây để đón lấy các tin ấy.

Điện-học còn ứng-dụng ra một việc nữa, cũng lợi-ích lắm, là truyền được tiếng nói người ta, tức là cái máy nói (*téléphone*). Máy nói thứ nhất do ông PHILIPPE REISS chế ra năm 1861. Nhưng mà kiểu máy như ngày nay là tự ông GRAHAM BELL chế năm 1873, ông HUGHES năm 1878 lại sửa lại ít nhiều, bây giờ thời đã hoàn-toàn lắm. Hiện nay lại mới nghĩ ra thứ máy nói không giây nữa, nhưng chưa đem ra ứng - dụng.

Thuộc về những sự tiến-bộ của khoa vật-lý-học, còn nên kể thứ « tia sáng X» (*rayons* X) của ông Giáo RŒNTGEN ở Wurzbourg nước Đức tìm được năm 1898. Thứ tia sáng này có thể thấu qua được những vật không suốt (*opaques*) chỉ trừ có xương người là không thấu suốt được, cho nên dùng cái sáng ấy chụp ảnh được bộ xương trong người, tức gọi là « ảnh bằng tia điện X » (*radiographie*).

Coi như thế thì khoa lý-học ngày nay tấn-tới đã nhiều lắm, nhất là về điện-học. Đây gọi là kể qua, không thể nói tường được. Vả lại khoa vật-lý-học đem ứng-dụng ra tức là dùng về các công-nghệ, vậy những sự lợi-ích của vật-lý-học thời đến mục công-nghệ sẽ nói.

(*Còn nữa*)

HỒNG-NHẬN *biên-dịch*

TIỂU - THUYẾT CỔ

LĨNH - NAM DẬT - SỬ (1)

嶺南逸史

XIX

HỒI THỨ XX

Tới Long-xuyên, đương đêm gặp cướp,
Qua Sài-đầu, bị ép làm chồng.

Hai ông con Quí-Nhi đã từ-biệt miếu-chúc di khỏi Lam-quan rồi sang đến Lão-lung, thuê thuyền tiến đi, vừa đến Long-xuyên. Chợt thấy người lái-đò kêu lên rằng : « Thuyền đò mất rồi !» Vội vàng gạt thuyền vào bên bờ, dút nút lỗ thủng, mãi đến quá nửa ngày mới chỉnh-đốn lại xong. Khi ấy mặt trời đã chiều tối, bèn nghỉ lại Long-xuyên. Đêm hôm ấy Quí-Nhi đem những câu của tiên-cô mách bảo trần-trọc nghĩ-ngợi mà rằng : « Cái câu : « *Phân mạch kiến phu, phân lê kiến tử,* » đó là cái câu nói về việc cũ ; nhưng câu đáp ấy không phải là cái ý hỏi của mình » Lại nghĩ đến mấy câu quẻ sau mà rằng : « Ba câu trên bảo ta *vật-kinh vật-ưu*, là ý khuyên ta chớ sợ đó thôi ; còn như câu : « *Cát hướng hung cầu* » không biết là nghĩa làm sao? » Đương lúc Quí-Nhi nghĩ ngợi, chợt nghe thấy thuyền đàng trước có tiếng ồn-ào. Quí-Nhi vội-vàng đứng dậy mặc áo, đẩy cửa sổ bên mái thuyền ra nhìn, thời thấy thuyền đàng trước có tiếng reo rầm trời, biết rằng là có quân giặc đến cướp thuyền ; vội-vàng chạy ra khoang ngoài gọi to lên rằng :

— Bàn tướng-quân, có giặc nó đến cướp đấy !

Bàn Vi-Liên đương lúc mơ-màng nghe tiếng gọi, nhảy choàng dậy chạy ra đầu thuyền xem, liền kêu lên rằng :

— Nguy mất rồi ! Lái đò đâu mau đẩy thuyền giáp vào bờ kia, để lên bờ tránh giặc mới được !

Tên lái-đò cứ làm thinh giả câm giả điếc, gọi thế nào cũng không thưa. Bàn Vi-Liên chạy xông vào chỗ khoang thuyền bếp, đánh thức tên lái-đò dậy. Tên-lái đò nói :

— Ông khách này người mới thô-lỗ chứ !

Bàn Vi-Liên nói :

— Giặc nó đến kia kia ! mau mau cùng với tôi đẩy thuyền vào bờ đi !

Lái-đò nói :

— Trò đi sông nước gặp giặc nó cướp đò là thường, không thấy người khách nào lại quê-mùa làm kinh-quái như vậy !

Bàn Vi-Liên cả giận, rút gươm cầm ở tay mà rằng :

— À, thế ra lũ mày cũng là giặc cả đây !

Lái-đò nói :

— Thôi xin ông dừng nổi giận lên nữa, để tôi sẽ gạt thuyền vào.

Lái-đò nói rồi đủng-đỉnh đánh thức những người thủy-thủ dậy, sắp sửa đẩy thuyền vào, thì quân giặc đã đổ xô đến nhảy vào thuyền. Vi-Liên cả kinh, vội vàng gọi hai tên lính lại, cùng rút gươm ra liều chết mà đánh đuổi

(1) Xem *Nam Phong* từ số 48.

quân giặc ; ba người cùng đứng giữ ở đầu thuyền. Quân giặc biết trong thuyền có người phòng-bị, bèn rúc một hồi còi gọi quân đem hết cả câu-liêm giáo dài lại, xông vào vừa móc vừa đâm xuống. Hai tên kiện-tốt liền phải câu-liêm móc ngã lăn xuống nước. Bàn Vi-Liên một mình hết sức cự-chiến, đỡ bên tả, chống bên hữu, kháng-cự được một hồi lâu, không ngờ phải mũi tên bắn tin ngay vào giữa mặt ; Vi-Liên vừa nghiêng mặt một cái, lại liền phải một mũi giáo đâm vào giữa cổ-họng, đánh ặc một cái, ngã lăn xuống nước. Thôi từ đấy ông con Qui-Nhi không còn ai ngăn đỡ cho nữa, quân giặc liền nhảy vào thuyền, trói cả mọi người lại đem qua chiếc thuyền nhỏ ; rồi vơ-vét hết cả đồ hành-lý, giương buồm trông về Sái-đầu mà kéo đi.

Qui - Nhi lúc mới bị giặc bắt, sợ khiếp người đi. Sau Qui-Nhi nghĩ ra rằng mình vì đi tìm cha mẹ, thời dẫu chết cũng đành lòng, chớ không nên để dà - lụy đến cha mẹ chồng, nên nghĩ kế - sách gì để cứu - hộ mới phải ; nghĩ đi nghĩ lại mãi không được kế gì hay cả ; chợt nghĩ đến lời tiên-cô dạy bảo rằng dẫu gặp kinh cũng chớ kinh, gặp lo cũng chớ lo, thì ta cũng chẳng lo sợ gì, nhưng còn cha mẹ chồng mà không gỡ được ra thì làm thế nào, thôi đành ta cũng liều chết mà làm như thế . . . . may ra nói chuyện-động được quân giặc, để cứu-hộ cho cha mẹ chồng ta tạm ở đó, rồi liệu xem có cơ-hội nào sẽ liệu kế mà trốn đi ; tuy rằng kế ấy nguy - hiểm, nhưng chính là hợp với câu : « *Cát hướng hung cầu* » đó. Qui-Nhi đã nghĩ định chủ-ý rồi, bèn sẽ thưa với hai ông bà Tư trai mà nói yên-ủi rằng :

— Thưa ông bà, xin chớ kinh-hoảng, con đã nghĩ được diệu-kế xin bảo-toàn ông với bà không việc gì cả.

Khi ấy sắc trời gần sáng, vừa đi đến trại quân giặc, trông thấy gươm đao xan-xát, kiếm-kích dàn bày ; bỗng đâu một tiếng súng nổ, thì cửa trại mở toang ra. Quân giặc diệu những người bị bắt đưa vào trong trại. Qui-Nhi liếc mắt trông qua thấy tên đầu-đảng giặc là Lam Năng ngồi ở cái giao-ỷ đệm da hổ, tả - hữu bày hàng vô - số những người to-lớn dữ-tợn đeo gươm đứng hầu, mọi người trông thấy đều phủ-phục quị xuống đất run cầm-cập. Qui-Nhi cả gan cứ tiến bước vào trại, đứng sững ra không chịu quì. Tả hữu thét lên một tiếng bảo quì xuống. Qui-Nhi thần-sắc cứ nghiêm-nhiên không chớp mắt tí nào. Lam Năng nói :

— Thằng bé con kia, sao trông thấy ta đây lại không quì !

Qui-Nhi thung-dung đáp lại rằng :

— Học-sinh này nếu gặp quan Tuần-ti Điển-sử mà họ bắt học-sinh này phải quị, thì học-sinh này mới quị. Nhưng nay gặp đại-vương thì gối này không thể khinh-dị quì ngay được.

Lam Năng nói :

— Ngươi khinh ta không bằng quan Tuần-ti Điển-sử hay sao ?

Qui-Nhi nói :

— Chỉ vì tôi không dám khinh đại-vương, nên không dám lấy cách đãi Tuần-ti Điển-sử mà đãi đại-vương đó thôi.

Lam Năng nói :

— Ngươi nói ra ý sao vậy ?

Qui-Nhi nói :

— Người anh-hùng đời xưa, muốn nổi danh tiếng với thiên-hạ, thời phải khiêm-cung tôn kẻ sĩ, kính-lễ đãi học-trò, thời người hiền-sĩ trong thiên-hạ, mới vui lòng bám vầy rồng vin cánh phụng, cùng vui-vẻ giúp đỡ, để lập thành cái nghiệp bá-vương. Nay đại-vương hùng-cứ nghìn dặm, binh-giáp vạn-mươi muôn, thế chẳng phải là người anh-hùng ư ? Học-sinh này vốn vẫn khâm-ngưỡng hùng-phong, nên không dám bắt chước như những kẻ xu-nịnh quyền-thế, khúm-núm lạy-lục để làm nhục đến đại-vương ; chỉ mong đại-

vương là một ông vua biết chiều đón kẻ sĩ, để hiền-danh với thiên-hạ.

Lam Năng thấy những người bị bắt kia đều quị rạp xuống đất, như dân chó sợ cụp tai, không dám ngửa mặt trông lên ; thế mà một mình Qui-Nhi tuổi trẻ người bé-nhỏ, dám ngang-nhiên đàm-luận, tiếng nói lanh-lảnh, thần-khí ung-dung, trong bụng lấy làm kinh-dị, bèn hỏi rằng :

— Chẳng hay ngươi có tài gì mà dám tự-nhận là hiền-sĩ ?

Qui-Nhi nói :

— Tài-đức như Cao, Quì, Tắc, Tiết, thì tiểu-sinh này không dám đương. Nhưng đến như học-vấn văn-chương thì tôi cũng có thể tự-tín được. Nếu đại-vương hay bắt-chước được Tề Hoàn-công tha tù cho Quản Trọng, Hoài-âm-hầu kính vái Lý Tả-Xa ; để cho học-sinh này được thi-thố cái tài ra, thời xoay con tính trong màn, có thể quyết-thắng được ngoài nghìn dặm ; hạ ngòi bút trên giấy, có thể kìm ngựa đợi đó xong ngay ; dẫu Hàn Liễu phục-sinh, Tôn Ngô phục-khởi, tiểu-sinh này cũng chẳng chịu kém gì !

Lam Năng cười mà rằng :

— Ta đây chỉ thừa ngọn gió phóng-hỏa, nấp bóng trăng giết người, chỉ cần dùng đến gươm sắc giáo dài mà thôi. Còn như những bác nhai văn nhá chữ kia chỉ học thuộc lòng được mấy câu trong sách tứ-thư, làm được mấy bài thời-văn mô-phỏng giọng thánh-hiền, hão-huyền chi đó, ta đây không thể dùng được. Nay ngươi nhỏ-bé bằng một chách gà, bê cái áo không nổi, chỉ có thể ăn được thôi, dùng làm trò gì được.

Qui-Nhi nghe nói, ngửa mặt cả cười mà rằng :

— Xưa kia lấy trạng-mạo xét người, đã lầm không biết Tử-Vũ là người giỏi ; sao nay đại-vương thấy học-sinh này người nhỏ-bé mà dã dám khinh-thường. Tôi nghe ngày xưa Lạn Tương-Như sức không trói nổi được con gà, thế mà khi được vua Triệu dùng, dám sang sứ nước Tần là nước hổ-lang, chỉ dùng lời nói mà chiết được oai vua Tần, lại lấy được ngọc bích đem về nước Triệu ; Trương Tử-Phòng thời trạng-mạo như đàn-bà, thế mà một dùi đánh hỏng ở Bác-lãng, hay làm cho thất-đảm vua Tần kinh sợ mà chết ở Sa-khưu ; xem đó thì đại-vương sao dám lấy bé-nhỏ mà khinh học-sinh này được. Vả lại Quan, Trương, Hoàng, Triệu không phải là không võ-dũng hơn cả ba-quân, nhưng chửa được một người nhai văn nhá chữ như Khổng-minh, thời nay được Tử-châu lại mất Tử-châu, mai được Nhữ-nam lại mất Nhữ-nam, thế thời giáo dài gươm sắc đã đủ cậy chưa ? Nay đại-vương có cái sức bạt-sơn như Sở bá-vương, lại có dũng-tướng như Hàn, Bành, kính-binh như hùng-hổ, thế mà khởi-sự đã và mươi năm nay, không hay vượt qua Sái-dầu một bước, để lo-toan dựng nghiệp cho con cháu muôn đời, đó không phải là tại không được người văn-học để phò-tá đấy ư ? Kìa cái thời-kỳ nó đã đi rồi thì không trở lại nữa, người chí-sĩ lẽ nào lại cứ ngồi đấy mà để mất thời-cơ ? Nay đương lúc triều-đình hỗn-tạp, hối-lộ công-hành, dùng những tướng-súy đều là kẻ hèn-hạ. Thế mà đại-vương không kịp thời này chiêu-hiền nạp-sĩ, phát-phẫn xưng-hùng, để dựng cái cơ-nghiệp như Triệu Đà, Lưu Trương. Vạn-nhất mà triều-đình đổi lập vua hiền khác, biết tuyển lấy người tài-trí cho làm Đốc-phủ, đem quân đi vấn-tội, một chi kéo đến Nga-phụ, thời những huyện Hải-phong, Lục-phong, đại-vương không ra cướp được nữa ; một chi kéo đến Tần-lĩnh, thời những huyện Hưng-ninh, Trường-lạc, Trinh-hương, đại-vương không ra cướp được nữa ; lại đem một toán đại-binh đóng ở Lãm-khê chia ra chiếm-cứ các nơi cửa ải : Cổ-danh, Cẩm-giang, Khoan-dắc, thời những huyện Long-xuyên, Hà-nguyên, Qui-thiện, đại-vương cũng không ra cướp được nữa ; trong không có lương-thực ăn, ngoài không có viện-

binh giúp, khi ấy mà quan Đốc-phủ hạ-lịnh rằng : « Bắt giết kẻ cừ-khôi, tha cho kẻ hiếp-tùng », thế thời đại-vương đã chắc đâu là quân-tâm nó không sinh-biến !

Lam Năng nghe nói đến đấy sợ dựng cả tóc gáy lên, vội-vàng đứng dậy gọi tả-hữu bảo cởi trói ngay cho cậu học-sinh. Tả-hữu liền cởi trói cho Quí-Nhi, Lam Năng mời vào ngồi ở dưới trướng. Quí-Nhi nói :

— Tiểu-sinh dẫu nhờ ơn được tha, song cha mẹ tiểu-sinh còn phải trói chịu tội ở dưới trướng, thời tiểu-sinh sao dám ngồi.

Lam Năng hỏi rằng :

— Chẳng hay cậu học-sinh quí-tính đại-danh là gì ?

Quí-Nhi nói :

— Tiểu-sinh họ Hoàng, tên Quí-Nhi, người ở Trình-hương.

Lam Năng liền bảo tả-hữu ra mời Hoàng thái-công vào tương-kiến. Vợ chồng Tư-trai và Tiểu-Thanh đều vái tạ đứng dậy.

Quí-Nhi lại thưa rằng :

— Nay cả nhà học-sinh đã được nhờ ơn tha rồi, song còn bọn bách-tính cùng bị bắt lại đó xin đại-vương tha cả cho về, để tỏ cái độ-lượng của đại-vương như trời che đất chở.

Lam Năng cười mà rằng :

— Nay trong trại ta thiếu hết tiền lương, ta chỉ trông vào bọn bách-tính đó, nếu bảo tha ra thì ta không dám tùng-mệnh.

Quí-Nhi nói :

— Tôi nghe : Dùng được kẻ sĩ thì giàu, bỏ mất kẻ sĩ thì nghèo, nay đại-vương đã dụng học-sinh này, thời học-sinh này xin vì đại-vương hoạch cái chước túc - thực túc - binh, thiên-hạ không ai địch được ; chớ như trông vào bọn bách-tính ấy thì được là bao nhiêu.

Lam Năng nghe nói cả mừng, liền truyền-lệnh tả-hữu tha cho cả bọn bách-tính. Quí-Nhi mới khấu đầu vái tạ. Lam Năng sai đặt tiệc yến khoản-đãi. Lại sai tướng-sĩ kiểm xem đồ hành-lý của Quí-Nhi, sai đem vào tả-trại, và mời Quí-Nhi ở đó, cực-kỳ trọng-đãi.

Đêm hôm ấy, Lam Năng lui vào hậu-trại, ngẫm nghĩ mãi lời nói của Quí-Nhi cho là rất có lý ; muốn lưu để dùng y, lại sợ y là người mới bắt được, chưa chắc y đã chân-tâm để cho mình dùng ; muốn thôi không dùng y, nhưng lại nghĩ mình làm giặc và-mươi năm nay, bắt giết được có đến và-mươi vạn người, chưa thấy ai giống được như y tuổi nhỏ chừng ấy, mà đã có can - đảm kiến - thức như vậy ; giá những người lão - thành chưa chắc người nào đã có cơ-mưu như Khương Tử-Nha, tài-trí như Gia-Cát Lượng được như vậy. Nghĩ đi nghĩ lại mãi đến quá nửa đêm, chợt nghĩ ra một kế mà rằng : « Phải rồi, ta có đứa con gái tài-mạo niên-kỷ cũng vừa xứng đôi, gì bằng ta gả cho y, để kết-thân làm con rể, thì tự-khắc là ủy dùng y làm cật ruột được. Nhưng con gái ta tính-cách nó thiên-chấp lắm, phải để cho xem mặt, có bằng lòng nó mới được. Sáng sớm hôm sau, Lam Năng trở dậy, sai người đến vườn hoa đằng sau núi, gọi Kim-Liên ra bảo rằng :

— Hôm trước ta bắt được người học-trò tên là Hoàng Quí-Nhi, tuổi chừng mười-sáu mười-bảy, dung-nhan tuyệt-thế, nghị-luận kinh-nhân, thực là một người dị-nhân. Cha hôm nay muốn mời y đãi tiệc, con ở trong rèm thử dòm xem, nếu con bằng lòng, thì để cha kén người ấy làm rể.

Kim-Liên vâng lời. Lam Năng bèn truyền quân-sĩ giết trâu mổ lợn, đại-hội cả chư-tướng và mời Quí-Nhi đến dự tiệc. Quí-Nhi bước vào cùng chư-tướng tương-kiến xong ; Lam Năng lấy khách-lễ trọng - đãi mời Quí-Nhi ngồi đầu hàng chiếu bên tả. Ngồi yên đâu đấy, cử-nhạc khua trống một hồi, rồi mới vào tiệc rượu, uống chừng vài tuần, Lam Năng bèn đem binh - cơ tướng-lược ra bàn tính hỏi-han. Quí-Nhi đàm-luận cao-kỳ, viện-kim chứng-cổ đâu

ra đấy, làm cho Lam Năng sướng cả người lên, cười mà rằng :

— Tiếc thay cho cậu tuổi hãy còn nhỏ, chỉ sợ đến lúc sự-thế đảo-đầu, thời can-đảm không được vững mà thôi.

Qui-Nhi nói :

— Trước kia Vương Đắc-Dụng tuổi mới mười-bảy, mà đánh phá được Lý Kế-Tiên ở Thiết-môn-quan, tiếng lừng cả trung-quốc ; lại còn như Đặng Trọng-Hoa, Vương Trấn-Ác, hoặc người cầm quyền tiết-việt, hoặc người trọng-trấn địa-phương, đều là người không đầy mười-bảy tuổi, mà huân-nghiệp đã hiển-hách như vậy. Còn như Mục Độc-tử bảy-mươi tuổi, không phải là không già, thế mà suốt đời không lấy được một người vợ ; Tôn Khí-Chi một trăm tuổi, không phải là không già, thế mà chỉ là anh thợ đóng giầy ; người mà không có tài, thì dẫu già bạc phơ đầu ra, có ích gì đâu !

Chư-tướng đều đồng-thanh khen rằng :

— Lời nghị-luận rất hay ! rất phải !

Đương lúc chư-tướng ngợi khen như thế, thời trong rèm bước ra một người nữ-tướng ghé vào tai Lam Năng nói nhỏ mấy câu. Lam Năng gật đầu, cười mà nói với Qui-Nhi rằng :

— Tài kinh-tế của cậu, tôi đây nghe nói cũng đã được biết ; nhưng còn văn-chương của cậu, cũng muốn xin cậu cho nghe.

Qui-Nhi nói :

— Xin đợi-vương mệnh-đề cho.

Vừa nói xong, thời chợt đâu chúa Nam-lĩnh là Giang Vạn-Dung sai người đem tiến một mâm tôm bể. Lam Năng nói :

— Xin vịnh cho một bài thơ tôm bể.

Qui-Nhi bảo đem bút nghiên lại. Tả hữu đem lại, Qui-Nhi cầm bút ở tay viết ngay lên trên giấy một bài thơ thất-ngôn rằng :

Nam-giang một dải nước liên-thiên,
Tôm bể vui chơi thú tự-nhiên.
Chi rập rồng bay đành có lúc,
Tài đưa cá nhảy biết bao phen.
Vẫy-vùng nước biếc dòng khơi thẳm,
Vờn-vã trời xanh bóng nguyệt viên.
Bát-ngát phù-tang ngoài bể nọ,
Ấy ai dìu-dắt thả con thuyền ?

Khi viết xong, đưa đến trước mặt Lam Năng. Lam Năng xem qua mà rằng :

— Lũ chúng tôi thô-lỗ không hiểu ý-vị bài thơ ra thế nào, xin để tả-hữu đem vào cho tiểu-thư xem qua. Tả-hữu được lời cầm lấy đưa vào trong rèm. Kim-Liên xem rồi, vỗ án mà rằng :

— Thơ này thực là tài thơ tiên !

Nói rồi liền đứng dậy lấy ra hai bức họa, bảo tả-hữu rằng :

— Cầm hai bức họa này ra xin Hoàng-huynh để cho mỗi bức một bài thơ.

Tả-hữu lĩnh-mệnh đem ra. Qui-Nhi mở ra xem, thời một là bức tranh *dưỡng-tâm* của Nam Trần-Toàn vẽ ; một là bức tranh *Viên-Ân ngọa-tuyết* của Triệu Tuyết phỏng theo nét bút Vương Ma-Cật mà vẽ ra một cây chuối phải mưa tuyết đè áp rủ xuống. Qui-Nhi xem xong cầm bút đề ngay hai bài thơ lên hai bức họa, bảo tả-hữu cầm vào trong rèm. Kim-Liên xem bài thơ đề bức tranh *ngọa-tuyết* rằng :

Hồng-lăng một bức nổi yên-vân,
Bát-ngát lưng trời tuyết mấy phân.
Bên tháp lạnh mê hồn ẩn-sĩ,
Tàu tiêu trắng rủ vẻ giai-nhân.
Nào nghe trước viện châu rơi tỏa,
Chỉ thấy đầu non ngọc trắng ngần.
Nhẩn hỏi bạn hiền đâu đó tá ?
Tìm mai trỏ nẻo sớm dời chân.

Lại xem bài thơ đề bức tranh *dưỡng tâm* rằng :

Tường cao bốn mặt một nhà thưa,
Chăm việc tâm-tang mải sớm trưa.
Kiếp trước những mong tròn quả kén,
Duyên nay nên phải vướng lòng tơ.
Nền hoa sẵn để tay tiên dệt,
Vẻ gấm sau này mắt chúa ưa.

Nào gái thâm-khuê ai đó tá ?
Canh khuya thức-nhắp lưỡng công chờ.

Kim-Liên đọc rồi khen ngợi mãi, rồi lại cầm lấy hai bài thơ ngâm đi ngâm lại không nỡ rời tay. Tả-hữu chạy ra phúc-bẩm. Lam Năng cả mừng, sai lấy một đôi chén ngọc, một cái nghiên đá-hoa, một cái quạt dương-chi ngọc-phiến đem thưởng cho Quí-Nhi. Quí-Nhi vái tạ nhận lấy, rồi lại vào tiệc yến-ẩm một hồi rồi mới tan tiệc. Chính-hợp vào câu thơ Đỗ Công-bộ rằng :

Thơ hay những muốn kinh-nhân,
Ngâm sao cho được câu thần mới nghe.

Ngày hôm sau, Lam Năng sai viên kiêu-tướng là Diệp-Thiên đến nói cầu-thân, khi đến yết-kiến Tư-trai rồi, Diệp Tiên thưa rằng :

— Lam đại-vương tôi có người ái-nữ là Kim-Liên tiểu-thư, năm nay mới 16 tuổi, thực là người nhan-sắc có một, mà nghề nữ-công, tài thơ phú, không nghề gì là không tài giỏi xuất-sắc, nay vì mến cái tài-mạo của lịnh-lang, muốn xin thái-công cho kết-duyên Tần-Tấn, xin thái-công ưng cho một lời, để tiểu-tướng sẽ về phúc-bẩm với đại-vương.

Tư-trai nghe nói cả kinh, liền chắp tay mà đáp lại rằng :

— Xin tướng-quân hãy cứ trở lại, để tôi hỏi thử cháu nó xem đã.

Diệp-Thiên từ ra về, Tư-trai liền gọi Quí-Nhi ra bàn hỏi mà rằng :

— Nay Lam Năng muốn đem con-gái gả cho con, việc ấy nhận lời sao được; vạn-nhất nó lộ chuyện ra, thì lại sinh chuyện lôi-thôi, vậy phải nghĩ cách thế nào để mà từ-chối đi mới được.

Quí-Nhi nghe nói cũng ngơ-ngác thất-kinh, nghĩ một hồi lâu rồi nói rằng :

— Xin để con thân vào yết-kiến Lam Năng nói chối-từ, nếu từ-chối không xong, có sinh ra chuyện gì, xin ông bà cũng chớ lo.

Tư-trai khóc mà rằng :

— Ta chỉ mong chối-từ cho được, con phải nên để ý cẩn-thận mới được.

Quí-Nhi bái-biệt Tư-trai rồi đi thẳng vào trại yết-kiến Lam Năng. Thi-lễ xong, Quí-Nhi thưa rằng :

— Tôi nghe đại-vương có cô ái-nữ muốn cho sánh đôi với tiểu-sinh này, tiểu-sinh này thật lấy làm cảm-khích lắm ! Song tiểu-sinh đã có lời thề từ trước, nếu chưa được công-thành danh toại, thì thề không lấy vợ. Vả lại độ trước mới mắc phải cái ám-tật, sợ lại làm lầm-lỡ cho tiểu-thư chăng, vậy dám xin đại-vương miễn cho.

Lam Năng nói :

— Xem như cậu, nhan-sắc hồng-nhuận như ngọc, không lẽ nào lại có ám-tật, chẳng qua nói thoái-thác đó thôi. Còn như việc công-danh, nay đã làm rể ta, thời chỉ ở dưới có một người mà ở trên hàng vạn người, lo gì là chẳng công-thành danh-toại.

Quí-Nhi nói :

— Đại-vương dẫu hay làm cho người hiền-quí, nhưng còn ở trong đám lục-lâm này, vậy tôi muốn đợi sau khi đại-vương thành-công rồi sẽ xin bàn đến việc ấy.

Lam Năng nghe Quí-Nhi nói trỏ mình là bọn lục-lâm, bỗng dưng đùng-đùng nổi giận lên mà rằng :

— À ! Ngươi dám bảo ta là bọn giặc ở xó rừng à !

Nói rồi liền rút gươm ra chực xông lại đâm chết Quí-Nhi.

Thực là :

Vô-tình giở mặt như chơi,
Nỡ lòng quen thói giết người xưa nay.

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU dịch

VĂN-UYỂN

DỊCH THƠ TÀU

(Thể thất-ngôn cổ-phong)

Hàm-đan thiếu-niên hành (1)

(邯鄲少年行)

Của ông Cao Thích đời Đường

唐人高適

Hàm-đan niên-thiếu dòng hào-kiệt,
Sinh-trưởng làng chơi danh đã khét !

邯鄲城南遊俠子。
自矜生長邯鄲裏。

Bạc đánh như sấm nhà vẫn giàu,
Thù mấy phen trả thân không chết !

千場縱博家仍富。
幾處報讎身不死。

Nhà trong chiều hát sớm vui cười,
Ngựa xe như mây nêm cửa ngoài.

宅中歌笑日紛紛。
門外車馬如雲屯。

Can-tràng biết gửi vào đâu tá ?
Hỏi mặt Bình-nguyên nay những ai ?

未知肝膽向誰是。
令人却憶平原君。

Ngươi biết không, đời này tệ-bạc thật !
Có tiền bạn còn, không bạn mất.

君不見今日交態薄。
黃金用盡還疎索。

Tức mình, thôi cũng lạy bạn mình,
Ngoài vòng danh-lợi ta tênh-tênh !

以茲感歎辭舊遊。
更於浪事無所求。

Cùng bọn thiếu-niên mua rượu uống,
Ngày ngày săn bắn quãng non xanh.

且與少年飲美酒。
往來射獵西山頭。

Lời giải kiêm lời bình

Thơ này là tả ra cái phong-khí kẻ thiếu-niên ở đất Hàm-đan (2), mà than-thở đến cái thái-trạng giao-du ở hiện-thời, thuộc về mối cảm-khái.

Chữ rằng : « *Bất bình tắc minh* » ; phàm văn-chương cảm-khái, đều là văn-chương bất-bình cả ; không bất-bình không có uất-súc, không có nất-súc, không có câu văn choáng-váng, không có lời nói khôi-kỳ ; cũng như nước chảy, không gặp phải thác, không có tiếng nước reo, không gặp phải cồn, không có đợt sóng lạ. Nhưng bất-bình cũng có hai thứ : quân-tử bất-bình, chắc là tìm ngay được cách tự-tín tự-khoan, cũng như nước chảy tuy rập-rờn, nhưng vẫn thuận dòng mà chảy ; tiểu-nhân bất-bình, chắc là tìm ngay lấy cách tương-xâu tương-địch, cũng như nước chảy, nhân phen vỡ-lở rồi cứ phá ngang mà đi ; cho nên xã-hội dở hay thế nào, cứ xem cái trào-lưu bất-bình, mà có thể nghịnh-liệu được kết-cục. Thế thời những người lưu-tâm cho xã-hội, há lại chẳng nên xét qua về văn-chương cảm-khái đó ru ?

Đây là cảm-khái về sự giao-du, bắt đầu tả ra một phường thiếu-niên hào-hiệp, sinh-trưởng làng chơi, vất tiền khỏe, mà kiếm tiền cũng khỏe ; nhập-tội tài, mà xuất-tội cũng tài, trong nhà thì bè-bạn chơi bời, ngoài cửa thì ngựa xe tấp-nập, coi cái mầu-nhiệm hào-hoa ấy, tưởng là có thể giao-du được. Nhưng xét ra, cũng là phường chơi phiếm đấy thôi, chứ không phải thật là con người hiếu-hiền ái-sĩ, như trước Bình-nguyên-quân (3) ở nước Triệu khi xưa ; đời đã không có Bình-nguyên-quân, thì cái

(1) *Hành* cũng như là bài *ca*.
(2) Hàm-đan là đô nước Triệu, có tiếng là đất làng chơi, hay sinh ra những kẻ hào-hiệp.
(3) Bình-nguyên-quân tên là Thắng, là công-tử nước Triệu đời Chiến-quốc, là người hiền-sĩ, trong nhà thực-khách thường có ba nghìn người.

can-trường của mình biết gửi vào với ai đó, chẳng đáng buồn lắm ru! Nhưng lại thán-tức đến cái thói giao-du ở cái thì-buổi làm tôi-tớ đồng tiền này, có trung-tín gì đâu, nhân-hậu gì đâu. Có tiền thì có bạn, không tiền thì không bạn; hồi-tưởng những bạn giao-du với mình bấy lâu, quá nửa là bạn tiền cả; thôi cũng xin lạy các ông bạn tiền ấy thôi, không dám chơi với các ông bạn tiền nữa. Song, nghĩ ra cho kỹ, xưa kia mình phải giao-thiệp với các ông bạn tiền, là vì mình còn vướng ở trong vòng danh-lợi; chi bằng ta vô-sở-cầu đến danh-lợi chi cả, ta cứ nghiêm-nhiên trên con đường đạo-đức mà ta đi, ta chẳng đủ sung-sướng hay sao? Nhưng con người mà không chơi với ai, thì cũng là con người cô-tịch; xét lại bọn thiếu-niên ở Hàm-đan kia, tuy họ phiêm, nhưng họ cũng không đến nỗi hơi đồng trọng hơn hơi lan, quen mặt càng dễ lật mặt, như thói tôi-tớ đồng tiền nọ; thôi thì chơi lấy gửi can-tràng thì mới khó, chứ mà chơi cùng nhau chếnh-choáng năm ba chén rượu rồi ngày ngày đi ra săn bắn ở cõi Tây-sơn, thì cũng không khó gì, nay ta cũng không nên bẹp hồi chi quá vậy.

Thơ này cảm-khái bao nhiêu, thông-thoát bao nhiêu, phong-lưu bao nhiêu! Phàm xem thơ ông CAO-THÍCH trong chốn đại-bất-bình, thường có thể dưỡng được cái khí đại-hòa-bình.

Tùng-vân NGUYỄN ĐÔN-PHỤC

THƠ TẠP - VỊNH

Quá Phế-miếu hữu-cảm

Tiếc thay gây dựng tự bao giờ,
Một chốc cung-tường để nắng mưa.
Miếu-vũ ngổn-ngang còn dấu cũ,
Khói-hương lạnh-lẽo nhớ người xưa.
Rêu phong kín vách màu xanh-ngắt,
Lá rụng đầy sân cảnh lặng-tờ.
Ngẫm-nghĩ trạnh lòng nền-nếp trước,
Cảm-tình lai-láng mấy vần thơ.

Đền Ngọc-sơn

Khen ai khéo đúc cảnh thiên - nhiên,
Giữa chốn phồn-hoa thấy cảnh tiên.
Nước biếc bao quanh hòn núi Ngọc,
Cây xanh che kín lớp chùa thiêng.
Tang-thương tuy trải hồi kim-cổ,
Văn-hóa còn ghi dấu bút nghiên.
Thế-sự qua cầu ai có biết?
Biết chăng chẳng biết khách tầm-[nguyên?

Đêm dài mong sáng

Mở mắt xem trời vẫn tối om,
Tối đâu tối mãi tựa như hòm.
Dế kêu dạ những bâng-khuâng tưởng,
Gà gáy lòng thêm thấp-thỏm nom.
Sao mãi kim-ô không đỏ rực?
Để cho thế-giới cứ đen ngòm.
Vần-vơ thế-sự năm canh đợi,
Trống điểm đâu nghe chốc-chốc tòm.

LÊ QUỐC-TRINH

. . .

Núi Hùng-sơn

Muôn đời kỷ-niệm cõi Nam-giao (1),
Chót-vót Hùng-sơn một đỉnh cao.
Bọc trứng để con nghe chuyện nói,
Ngọn nguồn uống nước nghĩ lòng sao?
Quốc-hồn cách diễn thường văng-vẳng,
Tổ-tích phô bày tự nảo-nao,
Nào miếu nào lăng nào ngọc-tỉnh,
Ai lên ai có nhớ không nào?

Sông Nhị-hà

Nguồn từ Tây-tạng chảy sang ta,
Khúc lượn vành tai gọi Nhị-hà.
Nước đỏ quanh năm cồn chất cát,
Cây xanh khắp bãi hút màu sa.
Đê xưa Đỉnh-nhĩ (2) be ngăn lại,
Cầu mới Đu-me bắc vượt qua.

---

(1) Cõi phía nam, tức nước Nam ta.
(2) Tên đê, đắp ở đời vua Thái-tôn nhà Trần

Trải mấy tang-thương bao tuế-nguyệt,
Lở bồi bồi lở thế ru mà ?

Qua trường thi Nam-định

(Trường-sở thuộc địa-phận xã Mĩ-trọng, huyện Vụ-bản, gần nơi tỉnh-lỵ).

Này chỗ trường thi trước kén người,
Rầy còn di-tích đó ai ơi !
Biết bao nhiêu khách vòng may rủi,
Trải mấy mươi thu tiếng khóc cười.
Vó ngựa (1) bi-hoan lồng biệt mất,
Nước cờ thắng-phụ xóa phăng thôi.
Nguồn cơn đứng lại trông xem thử,
Sực nhớ ông cha lúc thiếu-thời !

Nhị-đông Đoàn Tinh-Canh.

.·.

Khuyến-dân ca

I

Rực-rỡ thiều-quang gặp tiết xuân,
Ngỏ lời trung-cáo với phương-dân :
Rượu trà cờ bạc nên chừa bớt,
Kiện cáo điêu-ngoan phải bỏ lần.
Tổng lý chăm làm toan lợi nước,
Trẻ con gắng học để thành thân.
Nếu ai nghe đặng như lời dặn,
Đem đuốc văn-minh sẽ đỡ dần.

II

Ngàn thu gặp hội phong-trào,
Á Âu mưa gió ồn-ào bấy nay.
Mà xem trong huyện-hạt này,
Con đường tiến-bộ còn chầy chậm ra.
Những quen giữ chặt thói nhà,
Dân-phong hủ-lậu kể ra mười điều:
Một là tập-tục ngoan-điêu,
Về đường kiện-cáo rất liều hơn ai.
Hai là tính-chất biếng lười,
Sơn-lâm báu sẵn mặc người bán buôn.
Ba là ẩm-thực luôn luôn,
Thoắt ngồi nhóm-họp thì toan rượu chè.
Bốn là hợp đảng phân bè,
Công-ích công-lợi không hề lo chung.
Năm là nhà cửa bít-bùng,
Tứ bề sinh-khí chẳng thông chút nào.
Sáu là theo thói Mọi Lào,
Bốn mùa nằm đất tiêu-hao thân-hình.
Bảy là sai phép vệ-sinh,
Gái trai còn bé rắp-danh vợ chồng.
Tám là phục-sức lạ lùng,
Đàn bà con gái trần-truồng xấu-xa.
Chín là giọng nói lao-chao,
Lại thêm tiếng Mọi tiếng Lào lẫn sen.
Mười là mấy lũ thiếu-niên,
Người vừa ba thước tóc liền hai vai.
Trăm ngàn tóm tắt một hai,
Kể ra tình-tệ dông-dài xiết bao.
Một vùng rừng rậm núi cao,
Chông gai chưa vén chưa cào chưa thông.
Đội ơn Thánh-thượng ngàn trùng,
Đội ơn Nhà-nước hết lòng dạy dân.
Gần xa ai cũng nhân-quần,
Lẽ nào riêng chịu một phần man-di.
Khuyên ai chớ tiếc làm chi,
Những điều hủ-lậu bỏ đi cho rồi.
Man-phong trừ-khử sạch-sòi,
Hoa-phong lại phải theo đòi mau mau.
Sẽ xem tiến-hóa về sau,
Sẽ xem dân-tộc như màu hoa xuân.

Trần Mạnh-Đàn
Tri-huyện Tuyên-hóa
(Trợ-giáo Lê Văn-Ty lai-cảo)

.·.

Bài ca trẻ Ấu-trĩ-viên hát

I

Bồng bồng bông, bồng bồng bông, chung-quanh cùng giống tiên rồng khác dâu. Yêu nhau nhớ lấy lời nhau, đồng-bào nghĩa giảng cho nhau nghe cùng. Giống vàng là giống tinh-thông, mà đường ăn ở tây đông khác nào. Ăn làm sao ở làm sao, làm sao cho vẹn khi vào khi ra. Khi vào thảo - thuận trong nhà, khi ra yêu kính người già mới nên. Khuyên nhau nhớ lấy đừng quên.

(1) Ví với ngày giờ.

II

Ạ ơi ơi, ạ ơi ơi, chim khôn nhớ tổ nào rời ngành Nam. Nhớ khi xe cỏ giầy lam, người Nam nhớ tổ phương Nam mới là. Một phần Hồng Lạc con nhà, nếu không liệu sớm nữa già làm sao? Hiếu trung trong óc in vào, đem văn hoa-quốc huân-đào tuổi xanh. Văn-nhược đổi lấy văn-minh, dồi lòng nương tựa đua tranh với đời. Còn non còn nước còn dài!

III

Rập rình-rình, rập rình-rình, đứng trong trời đất có mình là ba. Trời chẳng già đất chẳng già, thoi đưa thấm-thoát xuân qua tháng ngày. Tháng ngày thấm-thoát chim bay, liệu thân chớ để rầy rầy mai mai. Hai đường hiếu kính trong ngoài, nhớ người ích-hữu nhớ người tao-khang. Rồi sau trung với quốc-vương, làm người trước hết luân-thường mới hay. Nết tài dễ mấy xưa nay!

Tiên-khoán TRẦN VĂN-UẤT (*Hà-nam*)

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới. — Trong tháng vừa rồi, việc quan-trọng nhất là việc nước Pháp đem quân sang đóng ở hạt sông *Ruhr* nước Đức, kỳ trước đã nói qua. Việc này là nhân sự nước Đức không chịu nộp tiền bồi-thường về chiến-tranh cho nước Pháp. Theo trong hòa-ước, khi nào nước Đức cố-ý không chịu nộp cho Đồng minh như thế, thời Đồng-minh được dùng võ-lực mà đàn-áp. Vậy nước Pháp làm việc này chẳng qua cũng là theo lời hòa-ước vậy. Duy trong các Đồng-minh thời chỉ có nước Tỉ và nước Ý thuận theo Pháp mà thôi, còn nước Anh đứng ngoài, và nước Mĩ thời đã không cùng Đồng-minh ký hòa-ước với Đức thời cũng không can-dự gì đến việc Đồng-minh nữa.

Song tuy là việc đã dự trước trong hòa-ước mà thực là một việc quan-hệ vô-cùng, nước Pháp phải quả-quyết làm cũng là bất-đắc-dĩ vậy. Vì nước Pháp lần này phải đề quân sang Đức mà chiếm-cứ hạt sông *Ruhr*, chính là gây ra một cái chiến-cục mới, tuy không đến lưu-huyết như lần trước, nhưng cũng nguy-hiểm cho cuộc hòa-bình lắm lắm. Nay cứ thí-dụ tầm-thường như thế này thì đủ hiểu: một người có nợ, một người chủ-nợ, người có nợ có ý chây-lười không muốn trả, hẹn hết hạn ấy sang hạn khác, người chủ nợ nóng ruột không đợi được, sai gia-nhân sang giữ lấy nhà-cửa và đồ-đạc, người có nợ bấy giờ quá chây ra liều, nói rằng đã thế thì xúy-xóa hẳn, tuy không công-nhiên dám cưỡng lại vì không đủ sức, nhưng cứ ỷ ra đấy... Ấy cái tình-trạng nước Pháp đối với nước Đức bây giờ đại-khái như thế; tình-trạng ấy không phải là không có điều nguy-hiểm cho cả hai bên. Cho nên các báo tây đã nói rằng: « Quân Pháp bất-đắc-dĩ phải sang đóng bên Đức, khác nào như đóng bên cạnh kho thuốc súng vậy ».

Hạt sông *Ruhr* là nơi công-nghệ thịnh nhất ở nước Đức, bao nhiêu những mỏ than lớn, bao nhiêu những nhà máy to đều tụ-họp cả ở đấy. Trong hạt ấy, hằng ngày có tới 55 vạn thợ làm việc khai mỏ than; không kể các thợ máy khác. Mấy cái xưởng làm binh-khí của công-ti *Krupp* có tiếng trong thế-giới là ở *Essen*, thuộc về hạt này. Người ta nói rằng nếu nước Pháp giữ kỹ và vây kín hạt này, trong mấy tháng không cho chở than ra ngoài, thì sự kinh-tế sinh-hoạt của nước Đức đến đình-đốn cả; quân Pháp giữ được đất này khác nào như chặn vào nơi yết-hầu nước Đức. Nhưng mà phải chắc tay lắm mới hòng khỏi sự nguy-hiểm.

Quân Pháp vào chiếm thành *Essen* ngày 11 tháng giêng tây, rồi tiến lên thành *Bochum*, thành *Dortmund*, nay đã vây khắp cả hạt *Ruhr*, đem các kỹ-sư và các viên-chức Thương-chính sang để tự-nhiệm việc kinh-lý các mỏ và các xưởng. Chính-phủ Đức thời hết sức

kháng-nghị việc đó và công-nhiên xui-giục bọn thợ mỏ và bọn làm công xe lửa không làm với người Pháp. Hiện nhiều nơi thợ Đức đồng lòng bãi-công, cố sức ngăn-trở người Pháp trong việc kinh-lý; nhưng ngoài sự đó, đến nay cũng chưa có sự gì bạo-động cả. Nên mong rằng cứ được như thế thì may giữ được sự hòa-bình ở Âu-châu.

Sự hòa-bình ấy còn có một cái nguy-cơ nữa: là việc hòa-ước Thổ-nhĩ-kỳ (*Turquie*). Kỳ trước đã nói rằng sau khi nước Thổ đánh được nước Hi-lạp thời cùng với liệt-cường họp ở thành *Lausanne* nước Thụy-sĩ để hội-nghị hòa-ước. Hội-nghị trong hai tháng trời mà hòa-ước vẫn chưa ký được, vì vấn-đề hạt *Mossoul* chưa giải-quyết xong. Nguyên hạt này có nhiều mỏ dầu hỏa tốt lắm, trước thuộc về Thổ-đế-quốc, khi chiến-tranh bị người Anh chiếm-cứ, nay Thổ muốn đòi lại, Anh không muốn cho. Vậy hội-nghị đã tạm giải-tán để cho các đại-biểu về thương-nghị với Chính-phủ mình, chưa biết kết-quả ra thế nào.

Về phương-diện Á-Đông ta thì việc Tàu vẫn còn bối-rối lắm. Ngày 20 tháng 2 tây vừa rồi Tôn Văn đã về Hương-cảng, sửa-soạn về Quảng-đông. Các báo tây thuật rằng ông có diễn-thuyết ở trường Đại-học Hương-cảng, là nơi ông học-tập 30 năm về trước, bài diễn-thuyết ấy có ảnh-hưởng lắm, vì ông giải-thích cái chủ-nghĩa và cái chính-kiến của ông một cách rất rõ-ràng và cũng rất ôn-hòa. Ông nói rằng thiên-hạ thường gọi ông là một nhà cách-mệnh và cho chữ cách-mệnh ấy một cái nghĩa bạo-động. Chính chủ-nghĩa ông không phải là chủ-nghĩa bạo-động. Ông bắt đầu có cái chí về việc nước là tự 30 năm về trước, hồi ông còn học ở trường Đại-học Hương-cảng; ông thấy đất Hương-cảng cũng là đất Tàu mà nhờ người Anh cai-trị được thịnh-vượng như thế; chỉ cách đấy mấy dặm, sang chính đất Tàu thời vì chính-sự hủ-bại cho nên tình-cảnh tiêu-điều; bấy giờ ông mới phấn-nhiên khởi ra cái phong-trào cải-cách nước Tàu để cho có đủ tư-cách làm một dân-quốc đời nay. Cái chủ-nghĩa của ông từ bấy đến nay vẫn thế, không hề thay đổi. — Bài diễn-thuyết ấy nói bằng tiếng Anh, được các báo Tây hoan-nghênh lắm.

Việc trong nước

Quan Toàn-quyền Merlin. — Nhân quan Toàn-quyền Long mất, chức Toàn-quyền Đông-dương khuyết, Chính-phủ Pháp chuẩn lời tư-trình của quan Thuộc-địa-bộ đã cử quan Toàn-quyền Tây-Phi-châu (*Afrique Occidentale*) là quan Merlin sang thay. Quan Merlin hiện đã ở Phi-châu xuống tàu về Pháp, cuối tháng ba tây tới *Paris*, thương-thuyết với quan Thuộc-địa, chừng tháng năm tháng sáu tây mới sang đây.

Quan Martial Merlin, thưởng-thụ tam-đẳng Bắc-đẩu-bội-tinh, nhất-đẳng Hàn-lâm-bội-tinh, sinh ở *Paris* ngày 20 tháng giêng năm 1860, vậy năm nay ngài vừa 63 tuổi. Tòng binh-dịch trong 5 năm (từ 1880 đến 1885), ngày 18 tháng 8 năm 1887 được cử làm công-sứ ở đảo *Gambier* (*Tahiti*). Ngày 8 tháng 9 năm 1887 được thăng quan cai-trị thuộc-địa hạng ba; ngày 3 tháng 5 năm 1893, lên hạng nhì; ngày 15 tháng 10 năm 1896 lên hạng nhất (ngạch mới). Ngày 7 tháng 10 năm 1897, được lĩnh chức phó Thống-đốc đất *Congo*. Ngày 13 tháng 5 năm 1898, thăng chức chánh cai-trị thuộc-địa hạng nhì. Ngày 15 tháng 7 năm 1899 thăng Tổng Thư-ký hạng nhất các thuộc-địa; ngày 16 tháng 7 năm 1901 thăng Thống-đốc hạng nhì đảo *Guadeloupe*; ngày 15 tháng 10 năm 1902 làm Phó Toàn-quyền Tây Phi-châu; ngày 18 tháng 6 năm 1908, thăng chánh Toàn-quyền Tây Phi-châu; năm 1917, làm Toàn-quyền đảo *Madagascar*; năm 1918 lại trở về Tây-Phi-châu.

Ấy đại-khái lý-lịch quan Toàn-quyền Merlin như thế. Coi đó thời đủ biết ngài là một vị quan Thuộc-địa rất lão-luyện vậy.

Phái-bộ của Nghị-viện sang quan-sát bên ta. — Vừa rồi có một phái-bộ bốn ông nghị-viên thuộc về Hạ-nghị-viện sang quan-sát bên Đông-dương ta: Ông Outrey (nghị-viên Nam-kỳ), Maitre, Perreau-Pradier và Valude.

Nguyên quan Thuộc-địa-bộ Sarraut có trình cho Nghị-viện một cái chương-trình lớn về việc khai-thác các thuộc-địa, Nghị-viện đã giao cho ban Hội-đồng việc thuộc-địa xét, nhưng hội-đồng trước khi quyết-nghị còn muốn phái người đi các thuộc-

địa để quan-sát đã. Bởi vậy nên mới cử phái-bộ bốn ông nghị-viên sang bên ta, trong số có ông OUTREY nghị-viên Nam-kỳ đã quen thuộc bên này làm hướng-đạo cho ba ông kia.

Bốn ông đi hết Nam-kỳ, sang Cao-miên, ra Trung-kỳ và Bắc-kỳ (ra Trung-Bắc có ba ông mà thôi, ông OUTREY ở lại Nam-kỳ); xong rồi ông thì đi săn hổ ở Dalat, ông thì sang chơi Tàu và Nhật. Các ông chẳng qua cũng là nhân dịp đi du-lịch một chuyến cho biết đó biết đây, chứ có lẽ cũng chẳng có cái chính-kiến gì riêng về bản-xứ. Duy có khi các ông ở Nam-kỳ, thời các thân-hào trong ấy có đặt tiệc mời các ông, và ông NGUYỄN PHAN-LONG là phó hội-trưởng Hội-đồng Quản-hạt có thay mặt dân An-Nam đọc một bài diễn-thuyết yêu-cầu mấy điều : như xin được rộng quyền bản-bạc ở các Hội-nghị, xin đặt nhà Nông-nghiệp-ngân-hàng, xin rộng quyền nhập-tây-tịch, v.v. Ông OUTREY trả lời rằng phái-bộ cũng biểu đồng-tình về mấy điều đó và lâm-thời sẽ đạt cho quí-nghị-viện và quí-chính-phủ biết.

Việc dẫn-thủy nhập-điền. Lễ khánh-thành các sông máng tỉnh Vĩnh-yên. — Ngày thứ bảy 24 tháng 2 năm 1923, quan Toàn-quyền BAUDOIN, quan Thống-sứ MONGUILLOT, các ông nghị-viên về phái-bộ Nghị-viện và các văn-võ-quí-quan, họp ở tỉnh Vĩnh-yên, nơi Phú-vinh, để làm lễ khánh-thành các sông máng dẫn-thủy-nhập-điền ở tỉnh ấy. Lễ trọng-thể lắm, các báo hằng ngày đã thuật tường. Nhân lễ này, quốc-dân ta đã được cái hân-hạnh xem mấy bài trường-thiên đại-diễn-thuyết của các quan. Người ta thường nói trong các cách diễn-thuyết có cách diễn-thuyết bằng số là cách hùng-biện hơn cả (*l'éloquence des chiffres*). Bữa khánh-thành sông máng ở Vĩnh-yên thật là một bữa đại-hùng-biện bằng số ; trong hơn hai giờ đồng-hồ, những nghìn, những vạn, những ức, những triệu, chồng-chất lên như núi như non, to hơn Tam-đảo, cao hơn Tản-viên, mấy ông nghị-viên ngồi đấy chắc phải khiếp-sợ.

Bài diễn - thuyết đầu nhất là của ông BRIDE, công-sứ Vĩnh-yên. Ông kể cái tình-hình tỉnh ấy ngày xưa và ngày này khác nhau thế nào, xưa ruộng năm hào một mẫu, nay bán 150 đồng, được như thế là nhờ những công-trình trị-thủy của quí-chính-phủ đã làm trong hàng tỉnh. Kể ông lịch-tự các công - trình ấy từ năm 1895 cho đến bây giờ. Sau ông nói đến việc đào sông máng ngay nay :

« Bên tả sông Đáy đào một con sông chính thông-trường hơn 50 cây-lô-mét, xan nước ra 12 ngọn sông con thông-trường là 82 cây-lô-mét, và bên hữu đào một con sông 18 cây-lô-mét, thế là sông chính thông-trường cộng là 150 cây-lô-mét, còn các chi sông máng chạy khắp mọi nơi tổng-cộng là 800 cây-lô-mét. — Cho đến Hướng-lại đã có con sông chính, từ Hướng - lại đến Bạch-hạc đã có con sông con số 6 để tiện cho bè gỗ và thuyền nhỏ đi lại từ phía trên Liễn- sơn ra đến sông Nhị-hà được.

« Nước để dẫn vào ruộng và để cho thuyền-bè đi lại thì lấy ở sông Đáy vào, vì đã đắp một cái hoành-triệt làm cho mặt nước cao thêm lên được 4 thước rưỡi tây, đến khi gặp nước lũ về thì hoành-triệt ấy thành ra một cái đường giốc cho nước chảy thông - trường 100 thước tây. Trên ngọn sông chính và các sông con đã có xây cống để lấy nước vào cho có tiết-độ, lại trong đường nước chảy mà gặp chỗ cao thấp không đều thì đã có các cống riêng để cho lưu-thông đi được. Ở Vũ-gi có đặt một cái cống ngầm dài 180 thước tây dưới lòng sông Vĩnh-yên để lấy nước vào ruộng thuộc về phía Nam, và để hoặc khi nước lụt thì nước tiêu đi cho mau... »

Các công-trình ấy mới gọi là tiệm xong, chưa phải hoàn-thành. Nhưng mà dự-tính đến bao giờ hoàn-thành thì lợi cho nhà nông lắm lắm. Quan Công-sứ ước-lượng trước rằng :

« Ruộng tỉnh Vĩnh-yên cả thảy là 2 vạn 7 nghìn mẫu tây, trong số đó chỉ có 1 vạn 7 nghìn mẫu là cấy cấy được ; 1 vạn 7 nghìn mẫu ấy trước kia họa có gặp được năm nào nhiều mưa thì mới mong được mùa. Từ nay trở đi không phải sợ hạn-hán nữa và mong năm nào cũng thu-hoạch được toàn-lợi. Như thế thời có thể ước mỗi mẫu tây thêm ra được 900 cân tây thóc, 1 vạn 7 nghìn mẫu sẽ thêm ra được 1 vạn 5 nghìn tấn thóc. — Đến như mùa chiêm thì trong số 1 vạn 7 nghìn mẫu ấy hiện bây giờ 1 vạn 3 nghìn thiếu nước không cấy được, còn độ 4 nghìn mẫu vào hoa-mầu. Bây giờ có đường lấy nước được thì 4 nghìn mẫu trồng hoa-mầu ấy sẽ thêm lợi ra, và số 2 vạn 3 nghìn mẫu kia thì sẽ cấy được, cứ tính mỗi mẫu là 2 nghìn 6 trăm cân tây thóc, cộng thành 2 vạn tấn.

« Thế là tính tất cả hai mùa phần lợi được 3 vạn rưỡi tấn, mỗi một tấn trị-giá 45 đồng, cộng thành 150 vạn đồng, trừ chi-phí về việc cày cấy đi, còn được lợi thêm chừng 70 vạn đồng.... »

Đó còn là thuộc về tương-lai cả, nhưng nếu sau này quả được như lời quan Sứ ước-lượng thế thì may cho tỉnh Vĩnh-yên quá. Mong lắm !

Bài diễn-thuyết của quan Thống-sứ MONGUILLOT thời là một bài lược-sử, một bài tổng-thuật về công-nghiệp Bảo-hộ ở Bắc-kỳ trong ngót 40 năm nay. Quan Thống-sứ ngài cũng dùng cách hùng-biện bằng số.—Nói về sổ chi-thu Bắc-kỳ lần đầu là năm 1887 có 370 vạn bạc thì qui-chánh-phủ Đại-Pháp đã phải trợ-cấp cho 30 vạn quan ; năm 1923 sổ chi-thu tổng-cộng là 15 triệu bạc. — Nói về đường-xá thời hiện nay ở Bắc-kỳ có 707 cây-lô-mét đường-sắt, 2649 cây-lô-mét đường đồ đá, và 5206 cây-lô-mét đường đất không. — Nói về y-tế thì hiện bây giờ Bắc-kỳ có 90 nhà thương chữa bệnh ; trong năm 1922 số thăm bệnh được 635.314 và số đến ở các nhà thương chữa bệnh kể ở ít người ở nhiều tổng-công là 671.929 ngày. Số tiền chi vào các bệnh-viện thì năm 1887 có 3 vạn 2 nghìn đồng mà sang năm nay tới hơn một triệu đồng. — Nói về việc học, năm 1918 số trường kiêm-bị có 58, nay được 90 ; số học-trò trước có 9200 bây giờ được 16.600. Còn số trường ở các hương-thôn thì hiện được 1039 trường, số học-trò tổng-cộng được 34.000. Như vậy thì trong năm 1922 số học-trò thiếu-niên được hơn 50.000 mà năm 1918 được có 36.000, ấy là không kể các trường tư cũng nhiều, vì nguyên một thành-phố Hà-nội học-trò các trường tư tới đến hơn 4000. Năm 1887 số tiền chi-tiêu vào các trường sơ-đẳng chỉ có 34.000 đồng, đến năm 1918 lên đến 540.000 đồng, sang năm nay lại đến hơn 1.400.000 đồng. — Nói về Hội-đồng Tư-vấn đặt ra từ năm 1917, số hội-viên 107 người, số người có chân đi bàn 35.000. — Nói về việc cải-lương hương-chính, thời tính ra hạt Bắc-kỳ có chừng 7000 làng, mới bắt đầu cải-lương được một năm mà đã được hơn 6000 làng có hương-hội, và 1600 làng có sổ chi-thu tổng-cộng được hơn một triệu bạc ; — v. v. — Nghe thấy những số vĩ-đại như thế, ai là không cảm - phục cái công-đức khai-hóa của Chánh-phủ Bảo-hộ ? Hùng-biện thay !

Bài diễn-thuyết của quan Toàn-quyền BAUDOIN cũng cùng một điệu hùng-biện như thế, duy nói rộng ra cả toàn-hạt Đông-dương mà không nói riêng một hạt Bắc kỳ. Ngài tổng-thuật các công-trình lớn hiện đã làm và cần phải làm ở Đông-dương như thế này :

« Các công việc đương làm kể ra sau này:

« Công - việc dẫn - thủy - nhập-điền ở Thanh - hóa khởi - công từ năm 1918 độ một năm nữa thì xong ; công-việc ở Sông-Cầu khởi công từ năm 1922, độ 3 năm nữa mới xong ; công việc ở Thừa - thiên nay đương trù - liệu sắp khởi-công ; sau đến công - việc ở Vĩnh - yên thì nay đã khánh-thành đây.

« Các công-việc vừa kể đó là thuộc về

phần thứ nhất trong chương-trình, ngoài ra lại còn phải làm một phần nữa như sau này :

Bắc-kỳ, 23 vạn mẫu tây.

Trung-kỳ, 28 vạn 7 nghìn mẫu tây.

Cao-miên, bốn vạn mẫu tây.

Là những chỗ đất cần phải dẫn nước vào.

Lại : Bắc-kỳ, 5 vạn mẫu tây.

Nam-kỳ, 60 vạn mẫu tây.

Là những chỗ đất cần phải tháo nước ra.

« Các công việc khai-khẩn về phần thứ hai này ở Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Cao-miên phải trong mười năm. Nam-kỳ phải 20 năm nữa mới làm xong mà tính số tiền chi-tiêu thì :

Về phần Bắc-kỳ, ước hết 14 triệu bạc
— Trung-kỳ, — 20 —
— Cao-miên, — 4 —
— Nam-kỳ, — 24 —

« Tổng-cộng thành-ngân phải tiêu đến 62 triệu đồng bạc.

« Chi-tiêu về việc ấy mất đến một món tiền như thế kể ra tốn kém thực, song vì sinh lợi nhiều lắm, cho nên phải quyết-định ngày. Nay hãy tính như trong số hai triệu 60 vạn mẫu tây thì trong 10 năm sinh lợi thêm được 8 0 triệu bạc. Sinh lợi như thế là vì chỗ đất hoang thì thành điền, chỗ đất một vụ hóa hai, chỗ đất xấu hóa tốt ; mà suy tính như thế, không phải là mơ-tưởng đâu. Đó là tính theo cái kết-quả trung-bình ở chỗ đã hoàn-thành ở Kép và ở Vĩnh-yên này là chỗ ta khánh-thành hôm nay. V v. »

Tòa Nội-các mới ở kinh-đô Huế. — Tòa Nội-các ở các nước văn-minh là gồm cả các quan thượng-thư hay là quốc-vụ-trưởng. Ở nước ta thì không có nghĩa ấy mà là tên một ti riêng coi việc tứ-hàn. Nay thử lạm-dụng theo nghĩa các nước và nói về tòa « Nội-các » của ta ở kinh-đô Huế, — nghĩa là các cụ-lớn lục-bộ, — có ý mong cho nước ta cũng sẽ mau có một tòa « Nội-các » hẳn-hoi như người ta. Vậy nhân quan Thủ-tướng Tôn-thất Hân về hưu, tòa « Nội-các » của ta từ đầu năm mới này đã tổ-chức lại như sau này :

Lĩnh Lại-bộ kiêm Tổng-lý « Nội-các » (tức chức Thủ-tướng): cụ Nguyễn Hữu-Bài.

Lĩnh Lễ-bộ : cụ Hồ Đắc-Trung.

— Binh-bộ và Học-bộ: cụ Thân Trọng-Huề.

— Hộ-bộ: cụ Phạm Văn-Thụ (nguyên Tổng-đốc Nam-định)

— Hình-bộ : cụ Trần Đình-Bách (nguyên Tổng-đốc Nghệ-an).

— Công-bộ : cụ Võ Liêm (nguyên Tổng-đốc Bình-định).

Cụ Tôn-thất Hân về hưu được thăng Văn-minh-điện đại-học-sĩ. Cụ Học-bộ Thân Trọng-Huề được gia hàm Thái-tử Thiếu-bảo.

Bản-chí lại được tin ông Nguyễn Bá-Trác mới được thăng Quang-lộc-tự-khanh, sung Học-bộ Tá-lý. Bản-chí đồng-nhân có lời mừng ông.

Ý-kiến về các công-cuộc hiện-thời.

Mấy lời bàn góp về Ấu-trĩ-viên. — Từ ngày hội Khai-Trí-Tiến-Đức xướng-lập ra Ấu-trĩ-viên, thời dư-luận trong ngoài thấy đều hoan-hô cổ-vũ, cho là một vấn-đề đi đầu cả các vấn-đề cần-yếu khác ở trong đất Việt-Nam này. Nếu không phải là người không có cảm-tình đối với đồng-loại thời ai ai cũng đều nhận-chân là một công-cuộc khoáng-kim thước-cổ, có cái kết-quả tốt-đẹp thứ nhất ở trong nước này. Song phàm mọi sự khởi-xướng ra thời cũng vì như bức tranh mới ra tay phác-họa, không phải là đã rất mực châu-đáo hoàn-toàn, tất còn phải cần người phụ-họa mới nên. Ấy mấy điều mà bỉ-nhân bàn góp sau đây, chính là một cách phụ-họa, song không phải là giặm lại những nét người đã họa rồi.

Ấu-trĩ-viên làm thế nào cho chóng phổ-cập?

— Vấn-đề Ấu-trĩ-viên xướng-khởi ra đã lâu ngày mà chưa tràn thấm vào não-chất quốc-dân là mấy, nên đối với cuộc quyên tiền cũng chưa mấy người lấy làm nhiệt-thành lắm. Vì dân ta, mà nhất là dân trong thôn-dã, tuy thấy cái cơ-quan truyền-bá văn-minh tiện-tiếp là các báo-chương có lợi-ích lớn mà chưa mấy dân mấy người đã có thể lợi-dụng báo-chương mà xem được, nên dẫu có nghe phỏng được Ấu-trĩ-viên cũng là mới nghe thấy tên buồm trên đề-mục, nên cái cảm-giác cũng còn nguội lạnh như là đối với công-cuộc cải-lương hương-tục và hương chính mà thôi.

Gia-chi-dĩ, chưa thấy cái hi-vọng rằng lợi-ích cho làng mình mà đã thấy xuất tiền ra gom-góp vào chỗ không đâu, cũng chẳng khác gì đối với mọi cuộc trợ-quyên khác, tựa-hồ như phải miễn-cưỡng mà cống-nạp vào những nơi cái tình-thế không đến nỗi bần-cùng cát-cứ bằng tình-cảnh của mình.

Cứ như thế thời cũng không nên trách được, vì phải biết trong một trăm làng hồ-đề đã được lấy một là không bị cái cảnh-huống đáng phải trợ-cấp cho lũ cùng-đinh hạ-hộ, khố rách áo ôm.

Nay vì họ đã biết rằng lập Ấu-trĩ-viên không những là lập suông mà sẽ được hội trên trợ-cấp và các làng lại «hỗ-tương chu-cấp» với nhau, rồi sẽ luân-lưu lập vườn Ấu-trĩ, thì rồi một mặt bỏ tiền ra quyên-trợ và một mặt dự-định sự lập Ấu-trĩ-viên.

Như vậy thời muốn cho vấn-đề Ấu-trĩ-viên chóng tràn thấm vào khắp dân-gian, tưởng xin hội Khai-trí ta bỏ tiền ra ấn-phát cái mục-đích Ấu-trĩ-viên cho các làng (mỗi làng một bản, vừa chữ nho vừa quốc-ngữ) để in dấu vào trí-não mọi người rồi mà thực-hành công cuộc vĩ-đại ấy. (1)

Cách kén chọn các bà bảo-mẫu phải thế nào cho được xứng-đáng và đỡ phí-phiền? — Sự đắc-kỳ-nhân là một điều xưa nay vẫn cho là rất khó, thật thế, hãy xem như sự cải-lương hương-chính hương-tục, cứ coi điều-lệ chương-trình mà phỏng-sử thực-hành cho đúng được đến chốn đến nơi, thời cái tệ gian-tham ở các hương-thôn chẳng bao lâu sẽ tiêu-ma đi hết, mà cái cơ giàu-thịnh của các hương-thôn cũng đã trông thấy hiện-hình ở ngay trước mắt người có học-thực tư-tưởng rồi. Nhưng mà không buồn kể chi những kẻ lợi-dụng việc công làm tư-tích, dẫu đến như kẻ thật có lương-tâm với chức-vụ, cảm-tình với chúng-nhân mà chưa chắc đã hiểu thấu cái tôn-chỉ nó tạo-nhân làm sao, kết-quả thế nào. Bởi vì dù người thật có lòng tốt mà thuộc về cựu-nhân-vật chợt bước sang tân-thời-đại là cái thời văn-minh phiền-phức, sự-lý mênh-mang, thời sao khỏi lạc-lõng mê-ly như mới bước chân vào rừng một lần thứ nhất vậy. Ấy hãy đặc-cử sự cải-lương hương-chính là một sự bởi tay đàn-ông có học có chữ mà còn bỡ-ngỡ mê-ly, huống-chi là các bà bảo-mẫu, thì tưởng cũng khó mà chọn được toàn những người xứng-đáng, vì các bà phần nhiều là người mê-tín họa-phúc xuất-thân, nay lại giữ cái chức bà giáo đào-luyện cho lũ trẻ thơ, thời có khi cái hại không phải là không có vậy. Các bà phần nhiều lại là những người thật-thà cổ-lỗ, từ xưa không có du-lịch rộng ra ngoài bờ lũy hương-thôn; nay thốt-nhiên đem người lên chỗ kinh-đô Hà-nội là cái rừng thấu-tập văn-minh, đến trước các bậc quyền-quí thông-minh lại là đi-cùng, thời sao khỏi sượng-sùng run sợ mà tâm-thần bối-rối tê-mê, thời khó lòng mà lĩnh-thụ được cái nghề dạy-dỗ trông nom lũ ấu-trĩ, mà chắc là trước hết không mấy người dám mạo-hiểm ra đi. Sau nữa dẫu có lòng mạo-hiểm ra đi mà có thể truyền-thụ cho được, thời ít ra cũng phải dẫy một tháng trời mới thành nghề được, lại cả đi đi về về thì tổn-phí không phải là một món nhỏ. Khi thành nghề về lại mỗi tháng cứ chục bạc lương, thời đường tài-chính của Hội chưa chắc đã dung được khoản phí!

Cho được không phải những nỗi khó-khăn ngăn-trở như là đã nói ở trên, thì có mấy cách sau này may ra cũng có thể thi-hành có công-hiệu được.

Nhân nay các bà trong nữ-giới nghe thấy cái chủ-nghĩa lập Ấu-trĩ-viên thì đều nô-nức rủ nhau vào Hội để ghé vai gánh-vác một phần trách-nhiệm quốc-dân, cái nhiệm-vụ của các bà chắc là một thời đứng ra hô-hào cổ-vũ trong bạn chị em, nên đem hằng-sản hằng-tâm mà vào hội-viên hội-đồng lập vườn ấu-trĩ, lại vừa là để cứu-giúp cho lũ nhi-đồng; một thời nếu bà nào có học-thức thông-minh sẽ đảm-nhiệm một chân đi quản-đốc nhiều vườn ấu-trĩ. Nhưng thiết-tưởng dù các bà có lòng sốt-sắng ra đảm-nhận những trách-nhiệm vừa nói trên này cũng không tất-nhiên là bà nào cũng đủ học-thức tài-năng mà gánh-vác những công việc nặng-nề như thế cả được, vả dẫu có thể được nữa, thời các bạn tu-mi cũng sẽ đủ sung vào

(1) Việc này hiện Hội Khai-trí đã làm rồi, nay mai sẽ phát đi các nơi.

những công-vụ ấy rồi. Gia-chi-dĩ, từ đây về sau chắc là còn nhiều các bà nô-nức đua chen mà tham-dự vào công-cuộc từ-thiện này, thời không có lẽ nào ai ai cũng làm được những công việc như thế hết cả, tất là phải xan-xẻ cho mỗi bà một cái nhiệm-vụ tương-đương. Các bà phần nhiều là những bà của các ông hội-viên hội Khai-trí thời các bà cũng ảnh-hưởng được cái tư-cách thượng-trung-lưu của các ông, vậy bỉ-nhân xin hiến một cái chức-vụ cận-tiện cho các bà, trước kia tưởng là độc-ủy cho các bà già lẫn trông nom mà thôi, chức-vụ ấy tức là đứng ra chủ-trương một ấu-trĩ-viên ở trong làng nhà mình hay là trong tổng mình vậy. Các bà mà nhận lấy cái chức-vụ ấy thời vừa giúp cho Hội về đường tài-chính một phần rất lớn, vừa trần-tế cho bọn ấu-trĩ của quốc-dân một phần rất to, mà đều là thực-hành thực-lực, chớ không phải là hư-vị hư-danh. Giúp đường tài-chính cho Hội là các bà không phải đóng vào một chân hội-viên, nhưng bà nào có hằng-sản hằng-tâm thời ra chủ-trương ấu-trĩ-viên sẽ tặng Hội cả số hay là một phần trong số tiền lương. Lại lợi được một điều nữa là các bà có thể không phải thân đi Hà-nội vào hội Khai-trí luyện-tập lấy nghề dạy-dỗ trông nuôi lũ ấu-trĩ cũng được, vì nhân khi các ông đi hội-đồng tại Hội thời các ông nên tiện dịp mà tập-luyện lấy cái thiện-nghệ giáo-dục ấu-trĩ-viên một cách rất mau chóng, vì các ông còn có thể lấy văn-tự mà nhận lấy những phương-pháp rất rõ-ràng chắc-chắn rồi đem về truyền-thụ cho các bà ở nhà. Duy những thời-kỳ các bà lâm-sản thì cũng phải dự-bị lấy người tạm thay, vậy trước khi ấy các ông sẽ truyền dạy phương-pháp cho một người đàn-bà trông coi tạm-thời cũng được.

Ở chỗ thôn-quê ngày nay trừ những bọn tầm-thường vô-giáo buôn đó bán đây cho chỉ những kẻ dầm mưa dãi nắng ở đồng, còn từ bậc trung trở lên, thời cái chức-vụ hiện nay không có gì mấy, muốn tìm lấy một cái chức-vụ chính-đáng mà làm để giữ cho thời-giờ khỏi dun-dủi vào nơi bất thiện tưởng cũng rất là khó-khăn; nay lợi-dụng được cơ hội này mà đưa thời-giờ vào cõi thiêng-liêng cao-thượng thời ai ai mà không nức dạ vui lòng?

Giữ cái trách-nhiệm trông nom dạy-dỗ một đàn ấu trĩ tưởng còn kho-nhọc hơn là một cô giáo-học dạy-dỗ một lũ thiếu-niên, vì trẻ con đến tuổi học rồi thời đã có trí biết vâng lời dạy bảo, biết theo kỷ-luật nhà trường, chớ trông nom dạy-dỗ một lũ ngây-thơ non-nớt thời lại khó lên một tầng, thế thời người nào tuy đủ mọi cách khôn-ngoan sáng-suốt mạnh-mẽ nhân-từ cũng còn cần phải có một cái đức cảm-hóa được lũ ấu-nhi mới được. Người mà có đức hiện ra ngoài mặt mà ta vẫn gọi là người có duyên thời đưa mặt đến đâu là tự-nhiên làm cho tiêu-hóa được những tính xấu của nhiều con người, chớ không đợi phải nói-năng mắng-mỏ; vả sự nói-năng mắng-mỏ chẳng những không thể làm tan được những tính-chất cương-ngạnh của mọi người mà lại gây ra cái thói bất-tình cho mọi kẻ khác, nó lấp những khiếu của quan-giác mà những lời bảo-ban dạy-dỗ không thể lọt vào tâm-trí người ta. Vậy thời sự kén chọn các bà bảo-mẫu há có phải là một điều dung-dị đâu?

Sự lập Ấu-trĩ-viên với sự cải-lương hương-chính sẽ làm nhân-quả lẫn nhau mà cùng thành-hiệu được. — Dân ta là một dân từ buổi khai-thiên lập-địa chỉ độc-chuyên về một nghiệp nông, mà chẳng cứ dân-tộc nào cũng vậy, hễ đã độc-thiên về nghề nông thời ít có cái trí biết suy-xét sâu-xa kỹ-lưỡng, lại mất hẳn tinh-thần nghị-lực đi lùng ở kho vô-tận của tạo vật mà chiếm-đoạt lấy của vô-hình, chỉ biết ỷ-thân vào mảnh đất mà sống với thời-gian, trừ cái hữu-hình trông thấy thời yên-trí rằng trong gầm trời không còn cái lợi nào là cái « vô-hình chi-lợi » nữa, chỉ còn có một cách

quay về cạnh-tranh đoạt-thủ cái lợi hữu-bình của kẻ khác thôi. Bởi có cái ác-căn yên-trí như thế, nên đối với cái chánh-sách tối lương-hảo là cái chánh-sách cải-lương hương-tục hương-chính mới thi-hành cũng chỉ quan-niệm được một mặt rằng thế là sự ăn uống sẽ bị giảm đi, và sự gian-lạm cũng không được tự-do hành-động nữa, rồi mà đối với chánh-sách cải-lương không có chút nhiệt-thành nào, tổng-chi chỉ vì không hiểu cái mục-đích cải-lương hương-tục hương-chính là cốt khai-hóa cho hương-thôn thịnh-vượng yên-bình, nên tựu-trung có vì lẽ khác mà phải cải-lương, cũng chỉ là một cách phô-trương biểu-diện, chớ về nội-bộ hương-thôn thời tình-tệ cũng không thấy chuyển đi được mấy chút.

Song đến bây giờ, đến cái thời-kỳ trông thấy những Ấu-trĩ-viên mọc lên ở trên mặt đất xã-hội này thời nhân-dân mới tự-hối tự-sỉ rằng chính ngay cái đất sinh-trưởng của mình mà đã trăm nghìn năm nay không biết ra tay khai-hoá, không trông cái gương quí-báu của các bậc tri-giả đã dựng ở trước mắt ta là các Ấu-trĩ-viên mà tự cạnh-cải lấy mình hay sao? Ấy Ấu-trĩ-viên không những là Ấu-trĩ-viên mà lại là cái trường đào-tạo cho nhân-dân cái đức-tính hay cái lòng sốt-sắng như thế đó.

Nhưng mà công-cuộc thiết-lập Ấu-trĩ-viên sẽ là công-cuộc kinh-doanh vĩ-đại có một, sự kinh-phí không biết thế nào mà lường, nếu muốn mau mau thành-lập phổ-cập ra khắp mọi nơi, thì một đàng phải cổ-động cho dân-thôn kíp nên cải-lương hương-chính hương-tục, vì trong điều-lệ đã nói rõ rằng các dân phải trích tiền công-quĩ mà cấp-dưỡng cho Ấu-trĩ-viên, thời mới có cái thế trường-sinh được. Vậy bỉ-nhân xin kết một câu rằng: Sự cải-lương hương-chính có Ấu-trĩ-viên thời mới mau thành-hiệu, mà sự lập Ấu-trĩ-viên cũng phải có cải-lương hương-chính thời mới chóng hoàn-thành, đôi đường có vì nhau mà thành-hiệu cả thì vận nước mới thật thịnh-vượng văn-minh.

Đức-Duy

Giới-thiệu sách mới. — Tạp-chí của Hội Trí-tri Hà-nội *Bulletin de la Société d'Enseignement Mutuel*). 1922. — In ở Đông-kinh ấn-quán, Hà-nội.

Tạp-chí của Hội Trí-tri Hà-nội năm 1922 đã xuất-bản được ba tập, ba tập này đều là một tay ông Đỗ Thúc, chủ việc biên-tập cả. Tập thứ nhất và thứ nhì in toàn bản dịch bài tuồng *Iphigénie* của RACINE ra quốc-ngữ, có nguyên-văn Pháp một bên. Tập thứ ba có bản dịch bài *Cung-oán*, bài phú của Cụ Bằng Đôn, v.v. ra chữ Pháp. Dịch *Cung-oán* ra chữ Pháp, tưởng không phải là dễ, ông Đỗ Thúc kể cũng đã chịu khó, nhưng có nhiều câu ông dịch còn bối nghĩa và cũng có câu sai nghĩa nữa. Như câu:

Thà rằng cục kịch nhà quê.
Dầu lòng nũng-nịu nguyệt kia hoa này,

mà ông dịch là: « Elle aurait aimé vivre comme une rude paysanne. *Peu facile à contenter, elle avait désiré lune et fleur et elle s'en repentait avec douleur* », thì tưởng cũng khí lạc nghĩa quá.

Nhưng cũng nên khen ông đã có công chịu khó dịch và văn tây ông cũng được nhiều câu chải-chuốt.

T. - C.

Nghĩa-vụ cần-cấp của kẻ học - hành trong nước ta bây giờ là thế nào?

Là ăn-ở làm sao cho đủ làm gương cho quốc-dân và khỏi để xấu cho loài giống.

TẬP KỶ-YẾU CỦA HỘI « KHAI-TRÍ TIẾN-ĐỨC »

Việc nghênh-tiếp phái-bộ Nghị-viện. — Ngày thứ tư 21 tháng hai, vào 5 giờ chiều, Hội ta có đặt tiệc trà nghênh-tiếp phái-bộ của Nghị-viện Đại-Pháp sang quan-sát bên ta. Có ba ông nghị-viên MAITRE, PERREAU-PRADIER và VALUDE đến dự tiệc. Quan Thống-sứ Bắc-kỳ, các quí-quan và các hội-viên Tây Nam cũng lại đông lắm. Khi chủ khách an-tọa cả, quan Hội-trưởng Hoàng có đọc mấy câu chúc mừng các ông Nghị-viên, và kể qua về mục-đích Hội. Ông Nghị-viên MAITRE đứng lên trả lời cám ơn Hội và nói rằng từ khi phái-bộ sang quan-sát bên này đã thấy được nhiều sự hay, khi trở về quí-quốc sẽ thuật lại cho quí-nghị-viện và quí-quốc-dân biết. — Chuyện-trò vui-vẻ, đến gần bảy giờ mới tan

.˙.

Việc ông Phạm-Quỳnh diễn-thuyết ở Bắc-ninh. — Nhân hội Khuyến-học Bắc-ninh có giấy mời ông PHẠM QUỲNH sang diễn-thuyết, ông định thừa dịp ấy diễn về chủ-nghĩa Hội Khai-trí về công-cuộc Ấu-trĩ-viên. Vậy ngày chủ-nhật mồng 4 tháng 3 tây, ông cùng với quan Hội-trưởng HOÀNG TRỌNG-PHU, ông Chánh Thủ-quĩ LÊ VĂN-PHÚC và Phó Thư-ký NGUYỄN QUÍ-TOẢN, sang Bắc-ninh. Nhờ có các ngài hội-viên Hội Khuyến-học, thứ nhất là quan Chánh hội-trưởng, nguyên Tổng-đốc MAI TRUNG-CÁT, Phó Hội-trưởng Tri-huyện Yên-phong HOÀNG HỮU-ĐÔN, gia công sắp đặt, cuộc diễn-thuyết ở rạp hát Bắc-ninh được vui-vẻ và trọng-thể lắm. Lại nhờ được quan Tổng-đốc bản-tỉnh là quan NGUYỄN BÁCH có bụng nhiệt-thành về các việc công-ích, ngài có cho giấy mời cả các quan phủ huyện lên tỉnh bữa ấy đông đủ cả. Lại các quí-quan văn-võ trong hàng tỉnh đến nghe cũng được hơn chục vị. Ông PHẠM trước nói trong mười lăm phút bằng tiếng Pháp cho các quí-quan nghe, rồi diễn-thuyết trong một giờ bằng tiếng ta nói rõ về công-việc của Hội Khai-trí và cách tổ-chức Ấu-trĩ-viên. Các quan-thân tỉnh Bắc sau khi nghe diễn-thuyết đều biểu đồng-tình với chủ-nghĩa của Hội ta, và trên từ quan tỉnh, dưới đến các quan địa-phương và các ngài thân-hào trong tỉnh đều hứa sẽ hết sức giúp cổ-động cho Hội trong bản-tỉnh.

Hội ta định rằng sau này sẽ lần-lần phái ông PHẠM QUỲNH đi diễn-thuyết khắp các tỉnh, và mong rằng đâu đâu cũng sẽ được nhờ các bậc quan-thân giúp sắp-đặt được vui-vẻ như tỉnh Bắc vừa rồi.

.˙.

Việc định đặt tiệc hàng tháng. — Hội-quán là nơi để các hội-viên xa gần thường tới lui gặp nhau và chuyện-trò vui-vẻ. Nay nghiệm ra các ngài hội-viên ít đến Hội-quán lắm, tuy có nhà bếp nấu cơm mà các ngài đến ăn uống cũng ít lắm. Nay định đặt mỗi tháng một bữa tiệc thường trong các hội-viên với nhau, góp mỗi ông chừng một vài đồng, không chủ-ý về sự ăn-uống, cũng không mời quan-khách gì, cốt cho có cái dịp để người cùng một Hội được thường gặp nhau vui-vẻ. Lại định rằng sau khi tiệc xong thời một ông hội-viên đứng lên diễn-thuyết nói về một vấn-đề gì có ích-lợi hoặc có hứng-thú cho các bạn đồng-tiệc nghe. Tiệc thứ nhất sẽ định đặt vào cuối tháng ba tây này, đính-nhật ngày nào sẽ công-báo trong các báo giảm sáu hôm trước để các hội-viên xa gần được biết và biên tên trước. Kỳ tiệc này ông PHẠM QUỲNH sẽ diễn-thuyết về « Văn-chương trong lối hát ả-đào », và có

kén một đào-nương tốt giọng để ngâm thơ và hát, có ý bắt-chước các « tiệc văn-chương » (*diners littéraires*) như bên Pháp vậy.

.·.

Giấy xin vào Hội. — Trong tháng hai tây vừa rồi có những ông kê tên sau này có giấy xin vào Hội. Hạn trong hai tháng trong các Hội-viên ngài nào có điều gì dị-nghị xin viết thơ về cho Hội biết :

A. — *Xin vào chân tán-trợ*

1 — Docteur Mai, Médecin de l'Assistance Médicale de l'Indochine à Hà-tĩnh (An-Nam).

2 — Nguyễn Bách, Tổng-đốc Bắc-ninh.

3 — Nguyễn Duy-Kham, buôn-bán ở phố hàng Đào số 105, Hà-nội.

B. — *Xin vào chân chủ-trì hội-viên*

1 — Cát Văn-Tấn, Tri-huyện Quế-dương, Bắc-ninh.

2 — Dương Tự-Tâm, Giáo-học, 74 phố Gia-long (quán làng Vân-đình, tổng Phương-đình, phủ Ứng-hòa, tỉnh Hà-đông) (*do ông Nghiêm Xuân-Lan giới-thiệu*).

3 — Đỗ Khải, Médecin auxiliaire à Bắc-ninh.

4 — Hoàng Văn-Thuần, quán làng Lập-thành, tổng Hiền-khánh, huyện Vụ-bản, tỉnh Nam-định. Hiện làm thợ ở *Nouméa, Nouvelle-Calédonie.*

5 — Đào Đình-Hồi, quán làng Bảo-ngũ, tổng Bảo-ngũ, huyện Vụ-bản, tỉnh Nam-định. Hiện làm cai thợ ở *La Coulée, Nouméa, Nouvelle-Calédonie.*

6 — Đặng Văn-Sát, quán làng Việt-yên, tổng Phú-lão, huyện Vụ-bản, tỉnh Nam-định. Hiện làm thợ ở *Nouméa, Nouvelle-Calédonie.*

7 — Nguyễn Đình-Nghĩa, Dessinateur principal du 2e Arrondissement (Voie et Bâtiments), Ami-Tchéou, Yunnam, Chine.

8 — Nguyễn Đức-Long, Hàn-lâm-viện Điển-tịch, xã Bình-an, tổng Khê-kiều, huyện Thư-trì, tỉnh Thái-bình (*do ông Trần Văn-Có giới-thiệu*).

9 — Nguyễn Văn-Gia, quán làng Liễu-đình, tổng Phượng-trử, huyện An-lão, tỉnh Kiến-an. Hiện làm cai thợ ở *Nouméa, Nouvelle-Calédonie.*

10 — Nguyễn Đình-Hòe, Tri-huyện Tiên-du, Bắc-ninh.

11 — Nguyễn Ngọc-Đại, Lãnh-binh Bắc-ninh.

12 — Nguyễn Văn-Đề, Secrétaire des Travaux publics, Bắc-ninh.

13 — Nguyễn Xuân-Phổ, Trợ-tá phủ Từ-sơn, Bắc-ninh.

14 — Nguyễn Văn-Hòa, làng Đông-trù, phủ Từ-sơn, Bắc-ninh.

15 — Nguyễn Mạnh-Trác, quản-phố Bắc-ninh.

16. — Nguyễn Đình-Cung, Entrepreneur à Uông-bí, Quảng-yên.

17. — Bùi Tô, Agent des services Agricoles à l'Ecole Supérieure d'Agriculture et de Sylviculture (Jardin Botanique), Hà-nội.

18. — Vũ Thiện-Khoái, Tri-huyện Gia-bình, Bắc-ninh.

19. — Thạch Quang-Tiến, Nghị-viên, Bắc-ninh.

20. — Vũ Duy-Trinh, Nghị-viên, Bắc-ninh.

21. — Trương Cao-Động, Commerçant, 30 Rue des Bambous, Hà-nội.

22. — Trần Đình-Thưởng, quán làng Triều-thôn, tổng Mai-động, huyện Bình-lục, tỉnh Hà-nam. Hiện làm thợ ở *Nouméa, Nouvelle Calédonie.*

23. — Đinh Văn-Trân, Secrétaire des Résidences à Cao-bằng (*do ông Trần Thọ-Huy giới-thiệu*).

24. — Đoàn Chi-Phương, Interprète à la Banque de l'Indochine, Hải-phòng.

25. — Nguyễn Văn-Luận, Giáo-học, 40 phố hàng Gạo, Hà-nội.

C. — *Xin vào chân thường hội-viên*

1. — Nguyễn Đức-Tiến, Tú-tài, Thừa-phái, huyện Yên-hưng, Quảng-yên (*do ông Nguyễn Hữu-Thái giới-thiệu*).

2. — Ngô Bá-Hoàng, xã La-phù, tổng Yên-lũng, phủ Hoài-đức, Hà-đông.

3. — Phan Dẫn, quán làng Thượng-trang, tổng Ngũ-trang, huyện Mĩ-lộc, tỉnh Nam-định. Hiện làm thợ ở *Nouméa, Nouvelle-Calédonie.*

Quyên tiền vào Hội. — Trong tháng vừa rồi có mấy ngài quyên tiền vào Hội, hiện đã nộp rồi, Bản-hội xin kê phương-danh như sau này, và có lời cảm ơn các ngài lắm lắm.

1.—Ông R.A. Fontaine, chủ công-ti Rượu Đông-dương cho Hội 250 $
và cho riêng về Ấu-trĩ-viện 80

(Hai món tiền ấy do quan Nguyên Khâm-sứ Tissot đã nộp vào Hội rồi. Ông Fontaine hiện còn ở bên Tây, nhờ có quan Khâm-sứ nói cho ông biết công-việc của Hội ta, nên mấy năm nay ông quyên-trợ đã nhiều lần).

2. — Ông Docteur Mai, ở Hà-tĩnh, xin vào chân tán-trợ — 100 $

3. — Nguyễn Duy-Kham, ở Hà-nội phố hàng Đào, số 105, cũng xin vào chân tán-trợ. — 100 $

. .

Việc điều-tra tục-ngữ phương-ngôn để giúp làm Việt-âm tự-điển. — Trong tháng vừa rồi Hội ta có gửi tờ đạt đến các quan Tổng-đốc Tuần-phủ đầu tỉnh ở Bắc-kỳ, nhờ các ngài giúp cho việc điều-tra ấy trong các tỉnh. Tờ đạt như sau này :

Quan Tổng-đốc Hoàng Trọng-Phu, Chánh Hội-trưởng Hội Khai-trí-tiến-đức kính-thư Quan Tổng-đốc (hay là *Tuần-phủ*) *tỉnh.* . . . .

Thưa Ngài,

Hội Khai-trí tiến-đức mới lập một ban Văn-học, định chủ-trương soạn một bộ tự-điển tiếng An-Nam.

Việc ấy là một việc cần, vì tiếng ta xưa nay chưa có tự-điển bao giờ. Người mình xưa kia học nhữ tàu, ngày nay học chữ tây, tiếng nước người có lẽ thông hơn tiếng nước mình. Ngày nay phàm người tri-thức trong nước đã hiểu rằng quốc-âm chính là quốc-túy, và nghĩa-vụ người Việt-Nam là phải giữ-gìn lấy cái tiếng nói của ông cha mấy mươi đời để lại. Muốn giữ-gìn phải sưu-tập, muốn sưu-tập phải tra hỏi khắp mọi nơi mà biên-chép lấy cho hết.

Việc ấy không phải là việc một người một hội làm được, phải nhờ cả quốc-dân giúp vào mới thành-công. Vì tiếng quốc-âm của ta không phải ở những người học-thức mới biết nhiều, chính là ở chốn dân-gian, ở nơi thôn-giã, ở cửa miệng các ông già bà cả, các con trẻ nhà quê, nói tóm lại là ở những câu tục-ngữ ca-dao vậy.

Vậy trước khi khởi-công làm tự-điển phải điều-tra về tiếng nói trong nước, như trước khi dựng cái nhà phải kiếm cho đủ các vật-liệu. Những phương-ngôn, tục-ngữ, lý-hạng-ca-dao, tức là vật-liệu cho bộ « Việt-âm tự-điển » sau này vậy.

Hội chúng tôi khởi-xướng ra việc làm tự-điển, trước nhất phải điều-tra về tiếng nói trong nước. Việc ấy phải nhờ đến hết cả các người có bụng với quốc-dân trong nước, bất-cứ trong Nam ngoài Bắc. Hiện chúng tôi đã có lời đăng trong các báo để bá-cáo với hải-nội chư quân-tử gia-công giúp cho.

Nhưng chúng tôi thiết-nghĩ rằng việc là việc công-ích và là việc lâu dài,

muốn cho chóng thành-công, không gì bằng nhờ đến cái thế-lực của các quan đầu tỉnh.

Vậy bản-hội có thơ này trình ngài xin ngài giúp một phần vào cái công-việc « *bảo-tồn quốc-âm* » đó.

Xin ngài xét trong các quan-viên ở dưới quyền ngài (nhất là các quan về giáo-chức cũ) hay là các bậc hưu-quan, các ông khoa-mục, các ông nho-sĩ, cử lấy một vài ông sành về quốc-âm, giao cho điều-tra về tục-ngữ ca-dao trong hàng tỉnh, sưu-tập và biên-chép lấy theo như thể-thức dính sau này (1) rồi trình ngài duyệt mà gửi về cho Hội chúng tôi. Hoặc có phí-tổn về việc điều-tra, việc biên-chép, việc gửi giấy, xin ngài cứ cho biết, bản-hội xin chịu.

Việc này là việc công-ích, vả lại có quan-hệ đến cái nghĩa « bảo-tồn quốc-túy » là trách-nhiệm chung của những người thượng-lưu tri-thức trong nước ta ngày nay, bản-chức mong rằng ngài sẽ vui lòng giúp cho bản-hội làm được thành-công, và xin thay mặt cả đồng-nhân trong Hội có lời cám ơn ngài trước.

Bản-hội đã cử ông Chánh Thư-ký Hội là ông Phạm Quỳnh, chủ-bút tạp-chí *Nam-Phong*, để trông nom về ban Văn-học và việc làm tự-điển. Vậy các giấy-má về việc ấy xin ngài cứ cho gửi về cho ông Phạm Quỳnh thâu-nhận.

Sau đây xin gửi đính theo một bản thể-thức về việc điều-tra về tục-ngữ ca-dao.

Nay kính thư
Khai-trí tiến-đức Hội
Chánh Hội-trưởng
HOÀNG TRỌNG-PHU ký

(1) Thể-thức này đã đăng trong Nam-Phong số 66.

.·.

— Về việc điều-tra này, trong tháng mới rồi, ban Văn-học đã tiếp được các ngài hữu-tâm về quốc-âm ở các nơi gửi về cho được nhiều câu hay lắm, như có Ngô Thị-Quyên ở Hà-nội; Ông Trần Quang-Trung ở Hải-lạng (Nam-định); ông Nguyễn Hữu-Lộc, tri huyện Kim-thành (Hải-dương); ông Trần Văn-Hiên, ở Hongay; ông Hường Kiên, ở Tòa sứ Quảng-trị; ông Nguyễn Công-Duyệt, ở Huế. — Ông Tôn-thất Quán ở Cửa Hàn (Tourane), hứa nay mai sẽ gửi ra mấy tập các câu ở vùng ông ở. — Quan Tổng-đốc hưu-trí Hoàng Văn-Cảnh, ở Phủ-lạng-thương; ông Nguyễn Thăng, ở Hà-nội; Ông Ngô Văn-Triện, ở làng Thị-cấm, tổng Phương-canh, Hà-đông, có viết thơ cho bản-ban bàn các cách làm Tự-điển, nhiều điều đích-đáng lắm.

Ông Nguyễn Huy-Thiều, học-sinh ở Vĩnh-yên, lại gửi cho bản-ban một tập dự-thảo Tự-điển ông đã làm thử được một vần, kể cũng đã công-phu lắm

Bản-ban xin có lời cám ơn cả các ngài. Xem như lời thơ của các ngài thảy thảy đều biểu đồng-tình về cuộc điều-tra này, thì đủ biết việc làm Tự-điển là cần, và bản-ban có thể mong ở cả quốc-dân giúp-đập vậy.

Cáo-bạch. — Các ngài hội-viên, nhất là các quan, khi đổi chỗ, xin viết thơ về cho bản-hội biết để chữa sổ cho được đúng, phòng khi có thơ từ giấy-má khỏi thất-lạc.

Bà Cụ Trần Thị-Thọ

là một nhà từ-thiện ở Nam-Kỳ (Vũng-liêm, tỉnh Vĩnh-long) đã quyên tiền nhiều cho Hội Khai-Trí và Ấu-Trĩ-Viện.